VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG AN

Thông tư số 08/2025/TT-BCA ngày 05 tháng 02 năm 2025 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

(Tiếp theo Công báo số 351 + 352)

2.4. Mô hình dữ liệu về tài sản

2.4.1. Bất động sản

2.4.1.1. Nhóm dữ liệu tài sản gắn liền với đất

Bao gồm các dữ liệu:

STT	Loại dữ liệu
1	Dữ liệu về nhà ở riêng lẻ
2	Dữ liệu về hạng mục nhà riêng lẻ
3	Dữ liệu về khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp
4	Dữ liệu về nhà chung cư
5	Dữ liệu về căn hộ
6	Dữ liệu về hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ
7	Dữ liệu về công trình xây dựng
8	Dữ liệu về công trình ngầm
9	Dữ liệu về hạng mục công trình xây dựng
10	Dữ liệu về rừng sản xuất là rừng trồng
11	Dữ liệu về cây lâu năm

Toàn bộ các dữ liệu, trường thông tin, kiểu dữ liệu thuộc nhóm dữ liệu tài sản gắn liền với đất được mô tả tại Phụ lục I Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và không định nghĩa lại trong quy định này.

2.4.1.2. Nhóm dữ liệu về người quản lý, sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

Bao gồm các dữ liệu:

STT	Loại dữ liệu
1	Dữ liệu về cá nhân
2	Dữ liệu về hộ gia đình
3	Dữ liệu về vợ chồng
4	Dữ liệu về tổ chức
5	Dữ liệu về cộng đồng dân cư
6	Dữ liệu về nhóm người đồng sử dụng

Toàn bộ các dữ liệu, trường thông tin, kiểu dữ liệu thuộc nhóm dữ liệu về người quản lý, sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được mô tả tại Phụ lục I Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và không định nghĩa lại trong quy định này.

2.4.1.3. Nhóm dữ liệu về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Bao gồm các dữ liệu:

STT	Loại dữ liệu
1	Dữ liệu về quyền sử dụng đất
2	Dữ liệu về quyền quản lý đất

STT	Loại dữ liệu
3	Dữ liệu về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
4	Dữ liệu đăng ký chung/riêng đất
5	Dữ liệu đăng ký chung/riêng tài sản gắn liền với đất
6	Dữ liệu về nghĩa vụ tài chính
7	Dữ liệu về miễn giảm nghĩa vụ tài chính
8	Dữ liệu về nợ nghĩa vụ tài chính
9	Dữ liệu về hạn chế quyền
10	Dữ liệu về giấy chứng nhận

Toàn bộ các dữ liệu, trường thông tin, kiểu dữ liệu thuộc nhóm dữ liệu về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được mô tả tại Phụ lục I Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và không định nghĩa lại trong quy định này.

2.4.1.4. Nhóm dữ liệu về thông tin ngăn chặn quyền

Bao gồm các dữ liệu:

STT	Loại dữ liệu
1	Dữ liệu về ngăn chặn quyền
2	Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền
3	Dữ liệu về loại văn bản ngăn chặn quyền

Toàn bộ các dữ liệu, trường thông tin, kiểu dữ liệu thuộc nhóm dữ liệu về thông tin ngăn chặn quyền được mô tả tại Phụ lục I Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên môi trường và không định nghĩa lại trong quy định này.

2.4.2. Động sản

2.4.2.1. Phương tiện giao thông

2.4.2.1.1. Cấu trúc dữ liệu

2.4.2.1.1.1. Phương tiện giao thông: PhuongTienGiaoThong

Tên cấu trúc: PhuongTienGiaoThong

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu phương tiện giao thông

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
XeMoToGanMay	1 (Chỉ lựa chọn một)	XeMoToGanMay (S)	2.4.2.1.1.2	Xe mô tô, xe gắn máy
XeBonBanhGanDongCo		XeBonBanhGanDongCo (S)	2.4.2.1.1.3	Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ
XeMayChuyenDung		XeMayChuyenDung (S)	2.4.2.1.1.4	Xe máy chuyên dùng
DauMayDuongSatPTTuHanh		DauMayDuongSatPTTuHanh (S)	2.4.2.1.1.5	Đầu máy đường sắt, phương tiện chuyên dùng tự hành
ToaXeDuongSat		ToaXeDuongSat (S)	2.4.2.1.1.6	Toa xe đường sắt, phương tiện chuyên dùng không tự hành
ToaXeDuongSatDoThi		ToaXeDuongSatDoThi (S)	2.4.2.1.1.7	Toa xe đường sắt đô thị

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TauBien		TauBien (S)	2.4.2.1.1.8	Tàu biển
PTThuyNoiDia		PTThuyNoiDia (S)	2.4.2.1.1.9	Phương tiện thủy nội địa
TauCa		TauCa (S)	2.4.2.1.1.10	Tàu cá

2.4.2.1.1.2. Xe mô tô, xe gắn máy: XeMoToGanMay

Tên cấu trúc: XeMoToGanMay

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu xe mô tô, xe gắn máy.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng của xe mô tô, xe gắn máy
SoMay	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số máy
SoKhung	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số khung
NhanHieu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nhãn hiệu
SoLoai	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số loại
TenLoai	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên loại
DungTich	1	Số tự nhiên (T)	0	Thể tích làm việc (đơn vị cm^3)
CongSuat	1	Số tự nhiên (T)	0	Công suất
MauXe	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Màu xe
NguonGoc	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nguồn gốc xe

2.4.2.1.1.3. Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ: XeBonBanhGanDongCo

Tên cấu trúc: XeBonBanhGanDongCo

Mô tả: Mô tả cấu trúc dữ liệu xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng của xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.
SoMay	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số máy
SoKhung	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số khung
NhanHieu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nhãn hiệu
NgaySX	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày sản xuất
NienHanSuDung	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Niên hạn sử dụng của phương tiện
SoLoai	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên thương mại và số loại (VD: HIACE RZH114L-BRKRS)
DungTich	1	Số tự nhiên (T)	0	Thể tích làm việc của động cơ (đơn vị cm^3)

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MauXe	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Màu xe
TaiTrong	1	Số tự nhiên (T)	0	Tải trọng cho phép
CongSuat	1	Số tự nhiên (T)	0	Công suất
SoChoNgoi	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Số chỗ ngồi
SoChoDung	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Số chỗ đứng
SoChoNam	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Số chỗ nằm
TinhTrangPhuongTien	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tình trạng hoạt động của phương tiện: hoạt động, không hoạt động
NguonGoc	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nguồn gốc là xe sản xuất lắp ráp trong nước hay nhập khẩu
SoGCN	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số giấy chứng nhận kiểu loại đối với xe sản xuất trong nước hoặc số chứng chỉ đối với xe nhập khẩu

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
NgayGCN	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày cấp giấy chứng nhận theo số giấy chứng nhận

2.4.2.1.1.4. Xe máy chuyên dùng: XeMayChuyenDung

Tên cấu trúc: XeMayChuyenDung

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu xe máy chuyên dùng

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng xe máy chuyên dùng
LoaiXeMayChuyenDung	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên (loại) xe máy chuyên dùng
NhanHieu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nhãn hiệu
SoMay	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số máy hay số động cơ
SoKhung	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số khung
CongSuat	1	Số tự nhiên (T)	0	Là đại lượng đặc trưng cho tốc độ sinh công của động cơ (đơn vị: kW)

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
KhoiLuong	1	Số thập phân (T)	0	Khối lượng của xe hoàn chỉnh (đơn vị: kg)
ChieuDai	1	Số tự nhiên (T)	0	Chiều dài toàn bộ (đơn vị: mm)
ChieuRong	1	Số tự nhiên (T)	0	Chiều rộng toàn bộ (đơn vị: mm)
ChieuCao	1	Số tự nhiên (T)	0	Chiều cao toàn bộ (đơn vị: mm)
XeDaCaiTao	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Xe đã qua cải tạo hay chưa?
NguonGoc	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nguồn gốc là xe sản xuất lắp ráp trong nước hay nhập khẩu
SoGCN	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số giấy chứng nhận kiểu loại đối với xe sản xuất trong nước hoặc số chứng chỉ đối với xe nhập khẩu
NgayGCN	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày cấp giấy chứng nhận theo số giấy chứng nhận

2.4.2.1.1.5. Đầu máy đường sắt, phương tiện chuyên dùng tự hành: DauMay DuongSatPTTuHanh

Tên cấu trúc: DauMayDuongSatPTTuHanh

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu của đầu máy đường sắt, phương tiện chuyên dùng tự hành.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng đầu máy đường sắt, phương tiện chuyên dùng tự hành
LoaiPhuongTien	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên kiểu loại phương tiện
SoHieu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số hiệu của đầu máy theo quy ước
NamSX	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Năm sản xuất
NuocSX	0..1	QuocGia (T)	QCVN 109:2017/BTTTT	Nước sản xuất
TocDoCauTao	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tốc độ cấu tạo theo tài liệu của nhà sản xuất (đơn vị: km/h)
KyHieuDongCo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Kiểu loại động cơ
SoDongCo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số series của động cơ
CongSuat	1	Số tự nhiên (T)	0	Công suất động cơ (HP/kW)
SoCho	1	Số tự nhiên (T)	0	Số chỗ trên buồng lái đầu máy
HieuLucGCN	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày hết hiệu lực của giấy chứng nhận đăng kiểm (ngày/tháng/năm)

2.4.2.1.1.6. Toa xe đường sắt, phương tiện chuyên dùng không tự hành: ToaXeDuongSat

Tên cấu trúc: ToaXeDuongSat

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu toa xe đường sắt, phương tiện chuyên dùng không tự hành

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng toa xe đường sắt, phương tiện chuyên dùng không tự hành
LoaiPhuongTien	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên kiểu loại phương tiện
SoHieu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số hiệu của toa xe
NamSX	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Năm sản xuất của toa xe
NuocSX	0..1	QuocGia (T)	QCVN 109:2017/BTTTT	Nước sản xuất toa xe
TocDoCauTao	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tốc độ cấu tạo theo tài liệu của nhà sản xuất (đơn vị: km/h)
KhoiLuongToaXe	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Khối lượng toa xe không bao gồm hàng hóa (đơn vị: tấn)
TrongTai	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Khối lượng hàng hóa được phép chuyên chở (đơn vị: tấn)

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
SoCho	1	Số tự nhiên (T)	0	Số hành khách được phép chuyên chở
HieuLucGCN	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày hết hiệu lực của giấy chứng nhận đăng kiểm (ngày/tháng/năm)

2.4.2.1.1.7. Toa xe đường sắt đô thị: ToaXeDuongSatDoThi

Tên cấu trúc: ToaXeDuongSatDoThi

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu toa xe đường sắt đô thị

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng toa xe đường sắt đô thị
LoaiPhuongTien	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên kiểu loại phương tiện
SoHieu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số hiệu của toa xe
NamSX	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Năm sản xuất của toa xe
NuocSX	0..1	QuocGia (T)	QCVN 109:2017/BTTTT	Nước sản xuất toa xe
TocDoCauTao	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tốc độ cấu tạo theo tài liệu của nhà sản xuất (đơn vị: km/h)

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
SoCho	1	Số tự nhiên (T)	0	Số hành khách được phép chuyên chở
HieuLucGCN	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày hết hiệu lực của giấy chứng nhận đăng kiểm (ngày/tháng/năm)

2.4.2.1.1.8. Tàu biển: TauBien

Tên cấu trúc: TauBien

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu tàu biển

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số định danh do Bộ Công an cấp
TenTau	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên tàu biển do chủ tàu đặt và được cơ quan đăng ký tàu biển chấp thuận
SoPhanCap	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số phân cấp được Cục Đăng kiểm Việt Nam ấn định phục vụ mục đích quản lý

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
SoIMO	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Là số được IHS Maritime ấn định phù hợp với Nghị quyết A.1078(28) của IMO.
HoHieu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Là dãy ký tự được Cục tần số vô tuyến điện cấp để phân biệt giữa các tàu trong các phương thức liên lạc
QuocTich	1	QuocGia (T)	QCVN 109:2017/BTTTT	Là tên quốc gia tàu đăng ký mang cờ quốc tịch
CangDangKy	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Là nơi tàu đăng ký mang cờ quốc tịch
NhomPhuongTienTau	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nhóm phương tiện tàu biển
CongDung	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Thể hiện mục đích sử dụng, đặc tính kỹ thuật chính của tàu
DauHieuPhanCap	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Dấu hiệu phân cấp
TongDungTich	1	Số tự nhiên (T)	0	Dung tích (GT) theo Công ước quốc tế về đo dung tích tàu

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
				biển (TONNAGE 1969) hoặc QCVN 63: 2013/BGTVT
DungTichCoIch	1	Số tự nhiên (T)	0	Dung tích có ích (NT) theo Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển (TONNAGE 1969) hoặc QCVN 63: 2013/BGTVT
TrongTaiToanPhan	1	Số tự nhiên (T)	0	Theo QCVN 21: 2015/BGTVT và các sửa đổi, bổ sung (đơn vị: t)
TuyenHoatDong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tuyến hoạt động
VungHoatDong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Vùng hoạt động
TenNhaMayDongTau	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên nhà máy đóng tàu
CongSuatMayChinh	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng công suất động cơ dùng để đẩy tàu (đơn vị: kW)
CongSuatMay PhatDien	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng công suất các máy phát điện của tàu và không bao gồm máy phát điện sự cố (đơn vị: KVA)

2.4.2.1.1.9. Phương tiện thủy nội địa: PTThuyNoiDia

Tên cấu trúc: PTThuyNoiDia

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu phương tiện thủy nội địa

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng phương tiện thủy nội địa
TenPhuongTien	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên phương tiện
SoDKHC	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số đăng ký hành chính của phương tiện do cơ quan quản lý hành chính cấp
SoKiemSoat	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số kiểm soát nhằm kiểm soát từng phương tiện và số lượng phương tiện đã được đăng kiểm trên toàn quốc
NamDong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Năm đóng của phương tiện được xác định theo quy định tại Nghị định số 111/2014/NĐ-CP

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
NoiDong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nơi đóng của phương tiện là nơi phương tiện được đóng và cấp hồ sơ đăng kiểm lần đầu
VatLieu	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Vật liệu thân phương tiện
CongDung	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Công dụng
CapTau	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cấp hoạt động của phương tiện
VungHoatDong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cấp hoạt động của phương tiện
DungTich	1	Số tự nhiên (T)	0	Dung tích của phương tiện được xác định theo quy chuẩn sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2015/BGTVT
TrongTai	1	Số thập phân (T)	0	Trọng tải toàn phần của phương tiện là hiệu số, tính bằng tấn, giữa lượng chiếm nước tương ứng với đường nước thiết kế toàn tải của tàu

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
				và trọng lượng tàu không (đơn vị: t)
SoNguoiDuocCho	1	Số tự nhiên (T)	0	Số người được chở trên phương tiện theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa (đơn vị: người)
LuongHang	1	Số thập phân (T)	0	Lượng hàng được chở trên phương tiện (đơn vị: t)
SoLuongMayChinh	1	Số tự nhiên (T)	0	Số lượng máy dùng để đẩy phương tiện
CongSuat	1	Số tự nhiên (T)	0	Tổng công suất máy chính tính bằng sức ngựa

2.4.2.1.1.10. Tàu cá: TauCa

Tên cấu trúc: TauCa

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu tàu cá

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng tàu cá
TenPhuongTien	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên phương tiện

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
SoDKHC	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số đăng ký hành chính của phương tiện do cơ quan quản lý hành chính cấp

2.4.2.2. Quyền sở hữu phương tiện

2.4.2.2.1. Cấu trúc dữ liệu

2.4.2.2.1.1. Quyền sở hữu phương tiện: QuyenSoHuuPT

Tên cấu trúc: QuyenSoHuuPT

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu quyền sở hữu phương tiện giao thông

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng quyền sở hữu phương tiện giao thông
ChuSoHuuPT	1	ChuSoHuuPT (S)	2.4.2.3.1.1	Chủ sở hữu phương tiện giao thông
PhuongTienGiaoThong	1	PhuongTienGiaoThong (S)	2.4.2.1.1.1	Thông tin về phương tiện giao thông thuộc quyền sở hữu
GiayChungNhanDKPT	1	GiayChungNhanDKPT (S)	2.4.2.2.1.2	Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
BienSoDK	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Biển số đăng ký
MauBien	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Màu biển

2.4.2.2.1.2. Thông tin giấy chứng nhận đăng ký phương tiện: GiayChung NhanDKPT

Tên cấu trúc: GiayChungNhanDKPT

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
SoGCN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
NgayCapGCN	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
NoiCapGCN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
GiaTriDenNgay	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Giá trị đến ngày của giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

2.4.2.3. Chủ sở hữu phương tiện

2.4.2.3.1. Cấu trúc dữ liệu

2.4.2.3.1.1. Chủ sở hữu phương tiện giao thông vận tải: ChuSoHuuPT

Tên cấu trúc: ChuSoHuuPT

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu chủ sở hữu phương tiện giao thông vận tải

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng chủ sở hữu phương tiện

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
ChuSoHuuCN	1 (chỉ chọn một)	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Cá nhân là chủ sở hữu phương tiện
DongChuSoHuu		DongChuSoHuuPT (S)	2.4.2.3.1.2	Đồng chủ sở hữu
VoChongChuSoHuu		VoChongChuSoHuuPT (S)	2.4.2.3.1.3	Vợ chồng là chủ sở hữu
ChuSoHuuTC		ToChucChuSoHuuPT (S)	2.4.2.3.1.4	Tổ chức là chủ sở hữu phương tiện

2.4.2.3.1.2. Đồng chủ sở hữu: DongChuSoHuuPT

Tên cấu trúc: DongChuSoHuuPT

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu đồng chủ sở hữu phương tiện

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CaNhanDaiDien	1 (Chỉ lựa chọn một)	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Cá nhân đại diện chủ sở hữu
ToChucDaiDien		ToChucChuSoHuuPT (S)	2.4.2.3.1.4	Tổ chức đại diện chủ sở hữu
CaNhanDongSoHuu	0..n	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Danh sách cá nhân đồng sở hữu phương tiện
ToChucDongSoHuu	0..n	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Danh sách tổ chức đồng sở hữu phương tiện

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TiLeSoHuu	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tỷ lệ sở hữu của cá nhân/tổ chức đại diện

2.4.2.3.1.3. Vợ chồng là chủ sở hữu: VoChongChuSoHuuPT

Tên cấu trúc: VoChongChuSoHuuPT

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu vợ chồng là chủ sở hữu phương tiện

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
VoChuSoHuu	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Vợ là chủ sở hữu
ChongChuSoHuu	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Chồng là chủ sở hữu

2.4.2.3.1.4. Tổ chức là chủ sở hữu phương tiện: ToChucChuSoHuuPT

Tên cấu trúc: ToChucChuSoHuuPT

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu tổ chức là chủ sở hữu phương tiện

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
DinhDanhToChuc	1	DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Số định danh của tổ chức
NguoiDaiDienToChuc	1	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Số định danh cá nhân của người đại diện tổ chức

2.4.2.4.Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng Động sản

2.4.2.4.1.Cấu trúc dữ liệu

2.4.2.4.1.1.Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản: GiaoDichBaoDam

QCVN 09:2025/BCA

Tên cấu trúc: GiaoDichBaoDam

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu thông tin đăng ký biện pháp bảo đảm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản
BenBaoDamCN	1 (Chỉ lựa chọn một)	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Bên bảo đảm là cá nhân
BenBaoDamTC		DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Bên bảo đảm là tổ chức
BenNhanBaoDamCN	1 (Chỉ lựa chọn một)	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Bên nhận bảo đảm là cá nhân
BenNhanBaoDamTC		DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Bên nhận bảo đảm là tổ chức
LoaiBienPhapBD	1	LoaiBienPhapBD (T)	2.4.2.4.2.1	Loại biện pháp bảo đảm
LoaiHopDong	1	LoaiHopDong (T)	2.4.2.4.2.2	Loại hợp đồng
SoHopDong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số hợp đồng
NgayHieuLuc	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày có hiệu lực của hợp đồng
TaiSanDamBao	1	PhuongTienGiaoThong (S)	2.4.2.1.1.1	Tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông

2.4.2.4.2. Cấu trúc dữ liệu và kiểu dữ liệu

2.4.2.4.2.1. LoaiBienPhapBD

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục loại biện pháp bảo đảm

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.3.2.

2.4.2.4.2.2. LoaiHopDong

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị mã theo danh mục loại hợp đồng giao dịch bảo đảm

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.3.3.

2.4.3. Tài sản vô hình

2.4.3.1. Quyền sở hữu tài sản vô hình

2.4.3.1.1. Cấu trúc dữ liệu

2.4.3.1.1.1. Quyền sở hữu công nghiệp: QuyenSoHuuCongNghiep

Tên cấu trúc: QuyenSoHuuCongNghiep

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu quyền sở hữu công nghiệp.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng quyền sở hữu công nghiệp
LoaiVanBang BaoHo	1	LoaiVanBangBaoHo (T)	2.4.3.1.2.2	Loại văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp
SoVanBang	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số văn bằng bảo hộ
NgayCapVan BangBaoHo	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày cấp văn bằng bảo hộ
CQCapVan BangBaoHo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cơ quan cấp văn bằng bảo hộ

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TenDoiTuongBaoHo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên đối tượng bảo hộ
ChuVanBangCN	1..n (chỉ chọn một)	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Chủ văn bằng là cá nhân
ChuVanBangTC		DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Chủ văn bằng là tổ chức
TacGia	1..n	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Tác giả
SoDiemYCBaoHo	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số điểm yêu cầu bảo hộ
QuyetDinhCapBangBaoHo	1	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Quyết định cấp văn bằng bảo hộ
ThoiGianHieuLuc	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời gian hiệu lực
NhiemVuKhoaHoc	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nhiệm vụ khoa học
CQQuanLyNVKH	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học
ChiDanDiaLy	0..1	TTChiDanDiaLy (S)	2.4.3.1.2.1	Chỉ dẫn địa lý

2.4.3.1.1.2. Quyền đối với giống cây trồng: QuyenVoiGiongCayTrong

Tên cấu trúc: QuyenVoiGiongCayTrong

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu quyền đối với giống cây trồng.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng quyền đối với giống cây trồng

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
SoVanBang	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số bằng bảo hộ giống cây trồng
TenGiongCayTrong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên giống cây trồng
LoaiGiongCayTrong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Loài giống cây trồng
ChuSoHuuCN	1..n (Chỉ chọn một)	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Chủ sở hữu là cá nhân
ChuSoHuuTC		DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Chủ sở hữu là tổ chức
TacGia	1..n	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Tác giả giống cây trồng
ThoiHanBaoHo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Thời hạn bảo hộ
NgayCapBangBaoHo	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày cấp bằng bảo hộ
CQCapBangBaoHo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cơ quan cấp bằng bảo hộ
QuyetDinhCapBangBaoHo	1	QuyetDinh (S)	2.6.1.4	Quyết định cấp bằng bảo hộ

2.4.3.1.1.3. Quyền tác giả, quyền liên quan: TacGiaTacQuyen

Tên cấu trúc: TacGiaTacQuyen

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan

QCVN 09:2025/BCA

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LoaiTGTQ	1	LoaiTGTQ (T)	2.4.3.1.2.3	Danh mục loại tác giả/tác quyền
LoaiHinhTacPham	1	LoaiHinhTacPham (T)	2.4.3.1.2.4	Loại hình tác phẩm
TenTacPham	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên tác phẩm
NgayThangNamHoanThanh	1	NgayThangNam (T)	2.6.2.8	Ngày tháng năm hoàn thành
TinhTrangCongBo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tình trạng công bố
NgayThangNamCongBo	1	NgayThangNam (T)	2.6.2.8	Ngày tháng năm công bố
HinhThucCongBo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Hình thức công bố: mạng viễn thông, mạng Internet và các hình thức khác
NoiCongBo	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nơi công bố
NoiDungCongBo	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Nội dung chính
TacGia	1..n	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Thông tin về tác giả
LoaiChuSoHuuTacQuyen	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Loại chủ sở hữu tác quyền là cá nhân hay tổ chức
ChuSoHuuCN	1..n (Chỉ lựa chọn một)	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Chủ sở hữu là cá nhân
ChuSoHuuTC		DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Chủ sở hữu là tổ chức

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
CoSoPhatSinh SHQ	0..n	CoSoPhatSinh SHQ (T)	2.4.3.1.2.5	Danh mục cơ sở phát sinh sở hữu quyền
LaTacPhamPhai Sinh	1	Kiểu nhị phân (T)	0	Là tác phẩm phái sinh
TenTacPham PhaiSinh	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên tác phẩm dùng làm tác phẩm phái sinh
NgonNguGocTac PhamPhaiSinh	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Ngôn ngữ gốc
TacGiaTacPham PhaiSinh	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tác giả của tác phẩm dùng làm tác phẩm phái sinh
QuocTichTGTP PhaiSinh	0..n	QuocGia (T)	QCVN 109:2017/BTTTT	Quốc tịch tác giả của tác phẩm dùng làm tác phẩm phái sinh
ChuSoHuuTac PhamPhaiSinh	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm dùng làm tác phẩm phái sinh
SoGCN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số giấy chứng nhận quyền tác giả
NgayCapGCN	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày cấp
CQCapGCN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cơ quan cấp quyền

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LoaiHinhCapGCN	1	LoaiHinhCapGCN (T)	2.4.3.1.2.6	Cấp mới/Cấp lại/ Cấp đổi
SoGCNDaCap	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số giấy chứng nhận đã cấp
NgayDaCapGCN	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày đã cấp
CQDaCapGCN	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cơ quan đã cấp

2.4.3.1.2.Cấu trúc dữ liệu và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.4.3.1.2.1. TTChiDanDiaLy

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng
ChiDanDiaLy	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Chỉ dẫn địa lý
ToChucQuanLy	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý
TinhChatDacThuSP	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tính chất đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý
TinhChatDacThuDiaLy	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tính chất đặc thù về điều kiện địa lý
KhuVuc	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Khu vực mang chỉ dẫn địa lý

2.4.3.1.2.2. LoaiVanBangBaoHo

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục loại văn bằng bảo hộ.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.3.4.

2.4.3.1.2.3. LoaiTGTQ

Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị theo danh mục loại tác giả tác quyền.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.3.5.

2.4.3.1.2.4. LoaiHinhTacPham

Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị theo danh mục loại hình tác phẩm.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.3.6.

2.4.3.1.2.5. CoSoPhatSinhSHQ

Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị theo danh mục cơ sở phát sinh sở hữu quyền.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.3.7.

2.4.3.1.2.6. LoaiHinhCapGCN

Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị theo danh mục loại hình cấp giấy chứng nhận.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.3.8.

2.4.4. Tài sản khác

2.4.4.1. Hiện vật di sản

2.4.4.1.1. Cấu trúc dữ liệu

2.4.4.1.1.1. Thông tin sở hữu hiện vật di sản văn hóa: SoHuuHienVatDSVH

Tên cấu trúc: SoHuuHienVatDSVH

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu thông tin sở hữu hiện vật di sản văn hóa.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDoiTuong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã đối tượng sở hữu hiện vật di sản văn hóa

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaSoHienVat	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã số hiện vật
TenHienVat	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên hiện vật
DiaDiem	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Địa điểm lưu trữ hiện tại
HoiDongGiamDinh	1	HoiDongGiam Dinh (S)	2.4.4.1.2	Hội đồng giám định/Chuyên gia giám định
CaNhanSoHuu	1..n (Chỉ lựa chọn một)	CongDan (S)	2.2.1.1.1.1	Cá nhân sở hữu hiện vật di sản văn hóa
ToChucSoHuu		DinhDanhToChuc (S)	2.3.1.1.1	Tổ chức sở hữu hiện vật di sản văn hóa

2.4.4.1.2. Cấu trúc dữ liệu và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.4.4.1.2.1. HoiDongGiamDinh

Mô tả cấu trúc hội đồng giám định/Chuyên gia giám định

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaHoiDong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã hội đồng
TenHoiDong	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên hội đồng
CQChuQuan	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cơ quan chủ quản
TGThanhLapTuNgay	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời gian thành lập từ ngày

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TGThanhLapDen Ngay	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời gian thành lập đến ngày
ThanhVienHoiDong	1..n	ThanhVienHoiDong (S)	2.4.4.1.2.2	Chuyên gia giám định

2.4.4.1.2.2.ThanhVienHoiDong

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TTChuyenGia	1	CongDan (S)	*2.2.1.1.1.1*	Thông tin chuyên gia
VaiTro	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Vai trò trong hội đồng

2.5. Mô hình dữ liệu về địa chỉ số, định danh địa điểm

2.5.1. Cấu trúc dữ liệu

2.5.1.1. Địa chỉ: DiaChi

Tên cấu trúc: DiaChi

Mô tả: Cấu trúc mô tả dữ liệu địa chỉ chung.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDDDiaDiem	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã định danh địa điểm
DoiTuongDiaDiem	0..1	DoiTuongDia Diem (T)	2.5.2.1	Đối tượng định danh địa điểm

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
DiaChiChiTiet	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mô tả về địa chỉ chi tiết, số nhà, tên tổ dân phố hoặc thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc
TenDuongPho	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Là tên đường, tên phố (nếu có)
PhuongXa	0..1	MaXa (T)	2.6.2.3	Xã, phường, thị trấn
QuanHuyen	0..1	MaHuyen (T)	2.6.2.2	Quận, huyện, thị xã, thành phố
TinhTP	0..1	MaTinh (T)	2.6.2.1	Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
QuocGia	0..1	QuocGia (T)	QCVN 109:2017/BTTTT	Mã quốc gia của địa chỉ trong trường hợp địa chỉ xác định ở nước ngoài
MaBuuChinhXa	0..1	MaBuuChinhXa (T)	2.5.2.2	Danh mục bưu chính xã, phường, thị trấn
HeToaDo	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Hệ tọa độ quốc gia VN-2000
ToaDoX	0..1	Số thập phân (T)	0	Tọa độ X
ToaDoY	0..1	Số thập phân (T)	0	Tọa độ Y

2.5.2. Cấu trúc và kiểu dữ liệu tham chiếu

2.5.2.1. DoiTuongDiaDiem

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục đối tượng địa điểm.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.4.1.

2.5.2.2. MaBuuChinhXa

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục mã bưu chính phường xã

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.4.2.

2.6. Cấu trúc và kiểu dữ liệu tham chiếu dùng chung

2.6.1. Cấu trúc dữ liệu

2.6.1.1. ThoiGian

Mô tả cấu trúc các trường thông tin sử dụng liên quan đến thời gian:

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc/kiểu dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
Nam	1 *(Lựa chọn chỉ một trong ba thuộc tính)*	Nam (T)	2.6.2.11	Thời gian chỉ xác định qua năm và không thể xác định được các thành phần ngày và tháng.
ThangNam		ThangNam(T)	2.6.2.12	Thời gian chỉ xác định qua tháng/năm và không thể xác định được thành phần ngày.
NgayThangNam		NgayThangNam (T)	2.6.2.8	Thời gian được xác định đầy đủ các thành phần ngày, tháng, năm.

2.6.1.2. ToaAn

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaToaAn	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã tòa án
TenToaAn	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên tòa án

2.6.1.3. NganhNgheKD

Cấu trúc mô tả dữ liệu chứa thông tin về ngành nghề kinh doanh tổ chức hoặc doanh nghiệp. Thông tin ngành kinh tế của tổ chức kinh doanh theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
Ma	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã ngành nghề. Giới hạn từ 1 - 5 ký tự
Ten	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên ngành nghề
Cap	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Cấp của ngành nghề Có giá trị từ 1 - 5 tương ứng với độ dài ký tự của mã ngành nghề

2.6.1.4. QuyetDinh

Mô tả cấu trúc quyết định.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
SoQD	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Số quyết định
NgayQD	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày quyết định
CoQuanQD	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Cơ quan ra quyết định
NguoiRaQD	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Người ra quyết định
ChucDanhNguoiRaQD	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Chức danh người ra quyết định
NgayHieuLucQD	0..1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Ngày hiệu lực quyết định

2.6.1.5. ThongTinLienHe

Mô tả cấu trúc thông tin liên hệ.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
DiaChiThuDienTu	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Địa chỉ thư điện tử
SoDienThoai	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Số điện thoại liên hệ
Fax	0..n	Chuỗi ký tự (T)	0	Fax
DiaChiLienHe	0..1	DiaChi (S)	2.5.1.1	Địa chỉ liên hệ

2.6.1.6. TieuMuc

Mô tả cấu trúc thông tin Danh mục Mã mục và mã tiểu mục: Mục dùng để phân loại các khoản thu, chi ngân sách nhà nước căn cứ nội dung kinh tế theo các chính sách, chế độ thu, chi ngân sách nhà nước; Tiểu mục là phân loại chi tiết của Mục, dùng để phân loại các khoản thu, chi ngân sách nhà nước chi tiết theo các đối tượng quản lý trong từng Mục.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaMuc	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã số Mục
MaTieuMuc	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã số Tiểu mục
TenGoi	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên gọi mục, tiểu mục
GhiChu	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Ghi chú

2.6.1.7. CoSoKhamChuaBenh

Cấu trúc mô tả dữ liệu của cơ sở khám chữa bệnh ban đầu được đăng ký với BHXH Việt Nam.

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
Ma	1	MaCSKCB (T)	2.6.2.20	Mã cơ sở y tế
Ten	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên cơ sở y tế
ThongTinLienHe	0..1	ThongTinLienHe (S)	2.6.1.52.5.1.1	Địa chỉ của cơ sở khám chữa bệnh
TinhTrangHoạt DongCSKCB	0..1	TrangThaiHD (T)	2.6.2.13	Tình trạng hoạt động cơ sở khám, chữa bệnh
MoTaCSKCB	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Thông tin mô tả cơ sở khám, chữa bệnh
GhiChuCSKCB	0..1	Chuỗi ký tự (T)	0	Ghi chú

2.6.1.8. CoQuanBHXH

Cấu trúc mô tả dữ liệu chứa thông tin về cơ quan bảo hiểm xã hội

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/ kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
Ma	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã cơ quan BHXH
Ten	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Tên cơ quan BHXH
ThongTinLienHe	1	ThongTinLienHe (S)	2.6.1.5	Thông tin liên hệ của cơ quan BHXH

2.6.1.9. Von

Cấu trúc mô tả dữ liệu vốn góp, vốn đầu tư của cá nhân, tổ chức:

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
MaDN	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Mã doanh nghiệp
VonCoPhan	0..n	VonCoPhan (S)	2.6.1.10	Giá trị vốn cổ phần

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
TyLeCoPhan	0..1	Số tự nhiên (T)	0	Tỷ lệ (%) cổ phần
TTTaiSanGopVon	0..n	TTTaiSanGopVon (S)	2.6.1.11	Thông tin tài sản góp vốn
ThoiHanGopVon	1	ThoiGian (S)	2.6.1.1	Thời hạn góp vốn

2.6.1.10. VonCoPhan

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LoaiCoPhan	1	LoaiCoPhan (T)	2.6.2.23	Loại cổ phần
SoLuongCoPhan	1	Số tự nhiên (T)	0	Số lượng cổ phần
GiaTriCoPhan	1	Số tự nhiên (T)	0	Giá trị cổ phần

2.6.1.11. TTTaiSanGopVon

Mô tả cấu trúc góp vốn bằng tài sản

Tên thuộc tính	*Số lượng*	*Cấu trúc (S)/kiểu (T) dữ liệu tham chiếu*	*Quy định tại mục*	*Ý nghĩa*
LoaiTaiSan	1	Chuỗi ký tự (T)	0	Loại tài sản
SoLuongTaiSan	1	Số tự nhiên (T)	0	Số lượng tài sản
GiaTriTaiSan	1	Số tự nhiên (T)	0	Giá trị tài sản góp vốn

2.6.2. Kiểu dữ liệu

2.6.2.1. MaTinh

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự có độ dài là 2 ký tự số nhận giá trị theo mã đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.1.

2.6.2.2. MaHuyen

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự có độ dài là 3 ký tự số nhận giá thị theo mã đơn vị hành chính cấp huyện.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.2.

2.6.2.3. MaXa

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự có độ dài là 5 ký tự số nhận giá trị theo mã đơn vị hành chính cấp xã.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.3.

2.6.2.4. QuanHe

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự có độ dài là 2 ký tự số nhận giá trị mã theo danh mục quan hệ.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.4.

2.6.2.5. LoaiGiayToXNC

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự có độ dài 2 ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục loại giấy tờ xuất nhập cảnh.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.5.

2.6.2.6. TinhTrangHonNhan

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự có độ dài là 1 ký tự số nhận giá trị mã theo danh mục tình trạng hôn nhân.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.6.

2.6.2.7. LoaiGiayToTuyThan

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự có độ dài là 1 ký tự số nhận giá trị mã theo danh mục loại giấy tờ tùy thân.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.7.

2.6.2.8. LoaiThiThuc

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự có độ dài 1 ký tự, nhận giá trị mã loại thị thực.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.8.

2.6.2.9. GiaTriThiThuc

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự có độ dài 1 ký tự, nhận giá trị mã theo danh mục giá trị thị thực.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.9.

2.6.2.10. NgayThangNam

Kiểu ngày (date) tương ứng với công nghệ được sử dụng có đầy đủ các thành phần ngày, tháng, năm và giới hạn trong khoảng thời gian từ 01/01/1900 đến 31/12/2399.

2.6.2.11. Nam

Kiểu số tự nhiên có giới hạn trong khoảng 1900 đến 2399.

2.6.2.12. ThangNam

Kiểu thangnam MMYYYY được định nghĩa bởi 2 ký tự số từ 01 đến 12 biểu thị cho tháng và 4 ký tự số biểu thị cho năm tương ứng.

2.6.2.13. TrangThaiHD

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự có độ dài 1 ký tự, nhận các giá trị theo danh mục trạng thái hoạt động.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.10.

2.6.2.14. NganhDaoTao

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục ngành đào tạo.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.11.

2.6.2.15. HinhThucDaoTao

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục hình thức đào tạo

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.12.

2.6.2.16. TrinhDoDaoTao

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục trình độ đào tạo

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.13.

2.6.2.17. Kiểu ngày và ngày, giờ (Date và Datetime).

Kiểu ngày và giờ được sử dụng để biểu diễn một chuỗi ký tự theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 8601 cụ thể như sau:

Kiểu ngày (Date) sử dụng chuỗi ký tự có định dạng: YYYY-MM-DD (năm-tháng-ngày).

Kiểu ngày, giờ (DateTime) sử dụng chuỗi ký tự có định dạng sau: YYYY-MM-DDThh:mm:ss có nghĩa năm-tháng-ngàyTgiờ-phút-giây. Ký tự T phân cách giữa cụm ngày và giờ. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (hh) là số tự nhiên 0-23.

Kiểu dữ liệu cơ bản (chuỗi ký tự, số).

Kiểu chuỗi ký tự, nhị phân, số tự nhiên, số thập phân được sử dụng tương ứng bởi các kiểu gốc hỗ trợ bởi công nghệ được sử dụng trong ngôn ngữ trong trao đổi dữ liệu. Dấu phân tách thập phân trong kiểu số thập phân là dấu chấm (.).

CHÚ THÍCH: Trong lược đồ XML: kiểu dữ liệu chuỗi ký tự là string hoặc token (khi dữ liệu không chứa dấu cách); kiểu số tự nhiên là int hoặc long phụ thuộc vào độ lớn của số; kiểu số thập phân là float hoặc double.

2.6.2.18. Kiểu file

File: thể hiện bằng chuỗi ký tự định dạng BASE64.

Thuộc tính ảnh: Định dạng file ảnh là jpg2k hoặc png. Kích cỡ ảnh: Chiều rộng ảnh (A) lớn hơn 250 pixel và tỷ lệ ảnh chiều rộng (A)/chiều cao (B) = 0.75. Đ

Thuộc tính âm thanh: Định dạng file âm thanh là .wav

2.6.2.19. NgheNghiep

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận giá trị theo danh mục nghề nghiệp.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.14.

2.6.2.20. MaCSKCB

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, có độ dài 5 ký tự số nhận giá trị mã theo danh mục cơ sở khám chữa bệnh.

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.15.

2.6.2.21. MaSoThue

Kiểu chuỗi ký tự giới hạn 10 hoặc 13 ký tự số.

2.6.2.22. LoaiHinhDN

Mô tả: Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo Danh mục loại hình doanh nghiệp

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.16.

2.6.2.23. LoaiCoPhan

Kiểu chuỗi ký tự, nhận các giá trị theo danh mục loại cổ phần

Bảng giá trị danh mục: Tham khảo phụ lục E.5.17

3. Lược đồ cấu trúc thông điệp dữ liệu

3.1. Lược đồ cấu trúc thông điệp con người

Lược đồ cấu trúc thông điệp dữ liệu ConNguoi mô tả cấu trúc thông điệp của ConNguoi. Định dạng thông điệp dữ liệu ConNguoi được trao đổi giữa các hệ thống thông tin gồm:

3.1.1. Lược đồ cấu trúc thông điệp dữ liệu ConNguoi được mô tả tại Phụ lục D và chứa phần tử gốc ConNguoiCollection.

3.1.2. Phần tử gốc ConNguoiCollection chứa các phần tử dữ liệu của con người được trao đổi trong thông điệp dữ liệu. Các phần tử dữ liệu của con người trong phần tử gốc ConNguoiCollection có thể không xuất hiện hoặc xuất hiện theo tuần tự nhiều lần phụ thuộc phạm vi dữ liệu trao đổi và được biểu diễn theo lược đồ dữ liệu con người quy định tại Phụ lục C và mô hình dữ liệu con người tại mục 2.2. Mô hình dữ liệu về con người.

3.1.3. Thuộc tính của phần tử ConNguoiCollection

Thuộc tính của phần tử ConNguoiCollection là thông tin bổ sung cho phần tử ConNguoiCollection khi trao đổi dữ liệu, bao gồm:

Thuộc tính đối tượng	
Tên	MaNhanDang
Mô tả	Là mã nhận dạng duy nhất đối với mỗi đối tượng con người thuộc dữ liệu con người.
Yêu cầu	Là thành phần bắt buộc

Kiểu dữ liệu	Chuỗi ký tự
Tên	PhienBan
Mô tả	Số phiên bản của đối tượng con người
Yêu cầu	Là thành phần bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Số tự nhiên
Tên	NgayPhienBan
Mô tả	Ngày phiên bản của đối tượng con người trở thành phiên bản chính thức sử dụng
Yêu cầu	Là thành phần bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Ngày, giờ (DateTime)
Tên	GhiChu
Mô tả	Các nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi của các đối tượng con người được cập nhật.
Yêu cầu	Là thành phần không bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Chuỗi ký tự

3.2. Lược đồ cấu trúc thông điệp pháp nhân

Lược đồ cấu trúc thông điệp dữ liệu tài sản quy định cấu trúc thông điệp của pháp nhân. Định dạng thông điệp dữ liệu pháp nhân được trao đổi giữa các hệ thống thông tin gồm:

3.2.1. Lược đồ cấu trúc thông điệp dữ liệu pháp nhân được quy định tại Phụ lục D và chứa phần tử gốc PhapNhanCollection.

3.2.2. Phần tử gốc PhapNhanCollection chứa các phần tử dữ liệu của pháp nhân được xác định tại mô hình dữ liệu pháp nhân tại mục 2.3 Mô hình dữ liệu về pháp nhân và được biểu diễn theo lược đồ dữ liệu pháp nhân quy định tại Phụ lục C.

3.2.3. Thuộc tính của phần tử PhapNhanCollection

Thuộc tính của phần tử PhapNhanCollection là thông tin bổ sung cho phần tử PhapNhanCollection khi trao đổi dữ liệu, bao gồm:

Thuộc tính đối tượng	
Tên	MaNhanDang
Mô tả	Là mã nhận dạng duy nhất đối với mỗi đối tượng pháp nhân thuộc dữ liệu pháp nhân
Yêu cầu	Là thành phần bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Chuỗi ký tự
Tên	PhienBan
Mô tả	Số phiên bản của đối tượng pháp nhân
Yêu cầu	Là thành phần bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Số tự nhiên
Tên	NgayPhienBan
Mô tả	Ngày phiên bản của đối tượng pháp nhân trở thành phiên bản chính thức sử dụng
Yêu cầu	Là thành phần bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Ngày, giờ (DateTime)
Tên	GhiChu
Mô tả	Các nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi của các đối tượng pháp nhân được cập nhật.
Yêu cầu	Là thành phần không bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Chuỗi ký tự

3.3. Lược đồ cấu trúc thông điệp tài sản

Lược đồ cấu trúc thông điệp dữ liệu tài sản quy định cấu trúc thông điệp của tài sản. Định dạng thông điệp dữ liệu tài sản được trao đổi giữa các hệ thống thông tin gồm:

3.3.1. Lược đồ cấu trúc thông điệp dữ liệu tài sản được quy định tại Phụ lục D và chứa phần tử gốc TaiSanCollection.

3.3.2. Phần tử gốc TaiSanCollection chứa các phần tử dữ liệu của tài sản được xác định tại mô hình dữ liệu tài sản tại mục 2.4 Mô hình dữ liệu về tài sản và được biểu diễn theo lược đồ tài sản quy định tại Phụ lục C.

3.3.3. Thuộc tính của phần tử TaiSanCollection

Thuộc tính của phần tử TaiSanCollection là thông tin bổ sung cho phần tử TaiSanCollection khi trao đổi dữ liệu, bao gồm:

Thuộc tính đối tượng	
Tên	MaNhanDang
Mô tả	Là mã nhận dạng duy nhất đối với mỗi đối tượng tài sản thuộc dữ liệu tài sản
Yêu cầu	Là thành phần bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Chuỗi ký tự
Tên	PhienBan
Mô tả	Số phiên bản của đối tượng tài sản
Yêu cầu	Là thành phần bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Số tự nhiên
Tên	NgayPhienBan
Mô tả	Ngày phiên bản của đối tượng tài sản trở thành phiên bản chính thức sử dụng
Yêu cầu	Là thành phần bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Ngày, giờ (DateTime)

Tên	GhiChu
Mô tả	Các nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi của các đối tượng tài sản được cập nhật.
Yêu cầu	Là thành phần không bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Chuỗi ký tự

3.4. Lược đồ cấu trúc thông điệp về địa chỉ

Lược đồ cấu trúc thông điệp dữ liệu địa chỉ quy định cấu trúc thông điệp của địa chỉ. Định dạng thông điệp dữ liệu địa chỉ được trao đổi giữa các hệ thống thông tin gồm:

3.4.1. Lược đồ cấu trúc thông điệp dữ liệu địa chỉ được quy định tại Phụ lục D và chứa phần tử gốc DiaChiCollection.

3.4.2. Phần tử gốc DiaChiCollection chứa các phần tử dữ liệu của địa chỉ được trao đổi trong thông điệp dữ liệu. Các phần tử dữ liệu địa chỉ xác định tại mô hình dữ liệu địa chỉ tại mục 0 Mô hình dữ liệu về địa chỉ số, định danh địa điểm và được biểu diễn theo lược đồ địa chỉ quy định tại Phụ lục C.

3.4.3. Thuộc tính của phần tử DiaChiCollection

Thuộc tính của phần tử DiaChiCollection là thông tin bổ sung cho phần tử DiaChiCollection khi trao đổi dữ liệu, bao gồm:

Thuộc tính đối tượng	
Tên	ThoiDiemDuLieu
Mô tả	Là thời điểm dữ liệu địa chỉ được trao đổi phản ánh thông tin địa chỉ trên thực tế tại thời điểm đó.
Yêu cầu	Là thành phần bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Ngày, giờ (DateTime)
Tên	SoLuong
Mô tả	Số lượng địa chỉ thực hiện trao đổi

Yêu cầu	Là thành phần không bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Số tự nhiên
Tên	MaDonViHanhChinh
Mô tả	Là mã đơn vị hành chính khi thực hiện trao đổi các địa chỉ số có cùng một đơn vị hành chính. Mã đơn vị hành chính có thể là mã tỉnh hoặc mã huyện hoặc mã xã.
Yêu cầu	Là thành phần không bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Chuỗi ký tự
Tên	GhiChu
Mô tả	Các nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi của các đối tượng địa chỉ cập nhật.
Yêu cầu	Là thành phần không bắt buộc
Kiểu dữ liệu	Chuỗi ký tự

III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

1. Phương thức đánh giá sự phù hợp

Sử dụng phương thức 8: thử nghiệm hoặc kiểm định toàn bộ sản phẩm, hàng hóa để đánh giá sự phù hợp. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động chính trong Phương thức 8 thực hiện theo mục VIII Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Quy định về công bố hợp quy

Bộ Công an kiểm tra, đánh giá theo quy định tại mục II Quy chuẩn này trước khi kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

3. Phương pháp thử

3.1. Sử dụng các phương pháp, công cụ để trích xuất cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo các định dạng quy định để phục vụ kiểm tra.

3.2 Kiểm tra mô hình cấu trúc và nội dung cơ sở dữ liệu, thu nhận dữ liệu con người, pháp nhân, tài sản, địa chính, nền địa lý, địa chỉ, định dạng trao đổi dữ liệu XML, GML theo các chỉ tiêu kỹ thuật quy định tại Mục II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

3.3. Trường hợp kết quả kiểm tra không đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật tại Mục II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này, kết luận dữ liệu trao đổi với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia không phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

4. Quy định chuyển tiếp

Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phải thực hiện điều chỉnh cấu trúc dữ liệu cho phù hợp với quy định tại Quy chuẩn này trước khi thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

2. Cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia có trách nhiệm tổ chức, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, Công an các đơn vị địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để được hướng dẫn kịp thời./.

PHỤ LỤC A
(Quy định)
Mô hình dữ liệu

A.1 Mô hình dữ liệu về con người

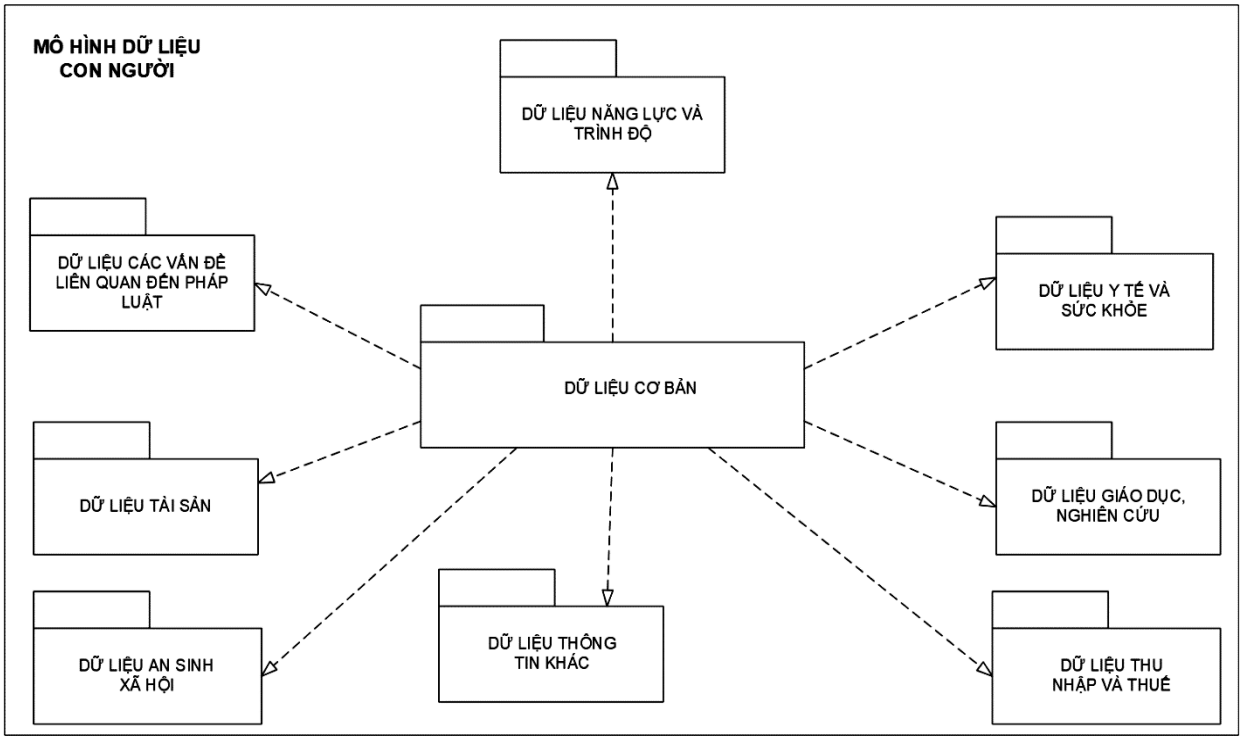

Hình A.1.2. Mô hình dữ liệu về con người

a) Thông tin cơ bản

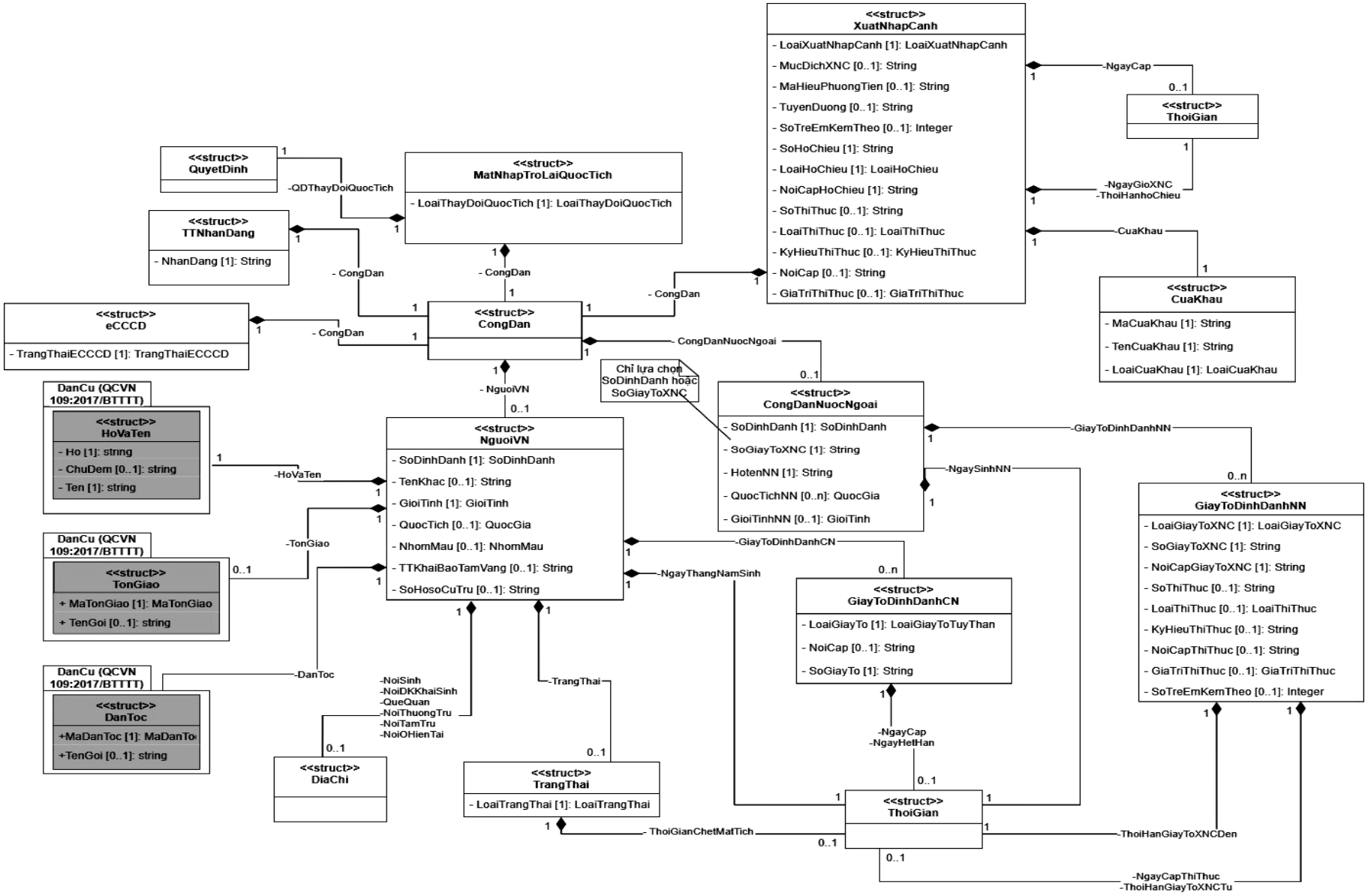
<<struct>>
XuatNhapCanh
- LoaiXuatNhapCanh [1]: LoaiXuatNhapCanh
- MucDichXNC [0..1]: String
- MaHieuPhuongTien [0..1]: String
- TuyenDuong [0..1]: String
- SoTreEmKemTheo [0..1]: Integer
- SoHoChieu [1]: String
- LoaiHoChieu [1]: LoaiHoChieu
- NoiCapHoChieu [1]: String
- SoThiThuc [0..1]: String
- LoaiThiThuc [0..1]: LoaiThiThuc
- KyHieuThiThuc [0..1]: KyHieuThiThuc
- NoiCap [0..1]: String
- GiaTriThiThuc [0..1]: GiaTriThiThuc
-NgayCap
<<struct>>
ThoiGian
-NgayGioXNC
-ThoiHanhoChieu
-CuaKhau
<<struct>>
CuaKhau
- MaCuaKhau [1]: String
- TenCuaKhau [1]: String
- LoaiCuaKhau [1]: LoaiCuaKhau
<<struct>>
QuyetDinh
-QDThayDoiQuocTich
<<struct>>
MatNhapTroLaiQuocTich
- LoaiThayDoiQuocTich [1]: LoaiThayDoiQuocTich
<<struct>>
TTNhanDang
- NhanDang [1]: String
- CongDan
<<struct>>
eCCCD
- TrangThaiECCCD [1]: TrangThaiECCCD
<<struct>>
CongDan
- CongDanNuocNgoai
Chỉ lựa chọn
SoDinhDanh hoặc
SoGiayToXNC
<<struct>>
CongDanNuocNgoai
- SoDinhDanh [1]: SoDinhDanh
- SoGiayToXNC [1]: String
- HotenNN [1]: String
- QuocTichNN [0..n]: QuocGia
- GioiTinhNN [0..1]: GioiTinh
-GiayToDinhDanhNN
-NgaySinhNN
<<struct>>
GiayToDinhDanhNN
- LoaiGiayToXNC [1]: LoaiGiayToXNC
- SoGiayToXNC [1]: String
- NoiCapGiayToXNC [1]: String
- SoThiThuc [0..1]: String
- LoaiThiThuc [0..1]: LoaiThiThuc
- KyHieuThiThuc [0..1]: String
- NoiCapThiThuc [0..1]: String
- GiaTriThiThuc [0..1]: GiaTriThiThuc
- SoTreEmKemTheo [0..1]: Integer
DanCu (QCVN 109:2017/BTTTT)
<<struct>>
HoVaTen
- Ho [1]: string
- ChuDem [0..1]: string
- Ten [1]: string
-HoVaTen
<<struct>>
NguoiVN
- SoDinhDanh [1]: SoDinhDanh
- TenKhac [0..1]: String
- GioiTinh [1]: GioiTinh
- QuocTich [0..1]: QuocGia
- NhomMau [0..1]: NhomMau
- TTKhaiBaoTamVang [0..1]: String
- SoHosoCuTru [0..1]: String
-GiayToDinhDanhCN
-NgayThangNamSinh
DanCu (QCVN 109:2017/BTTTT)
<<struct>>
TonGiao
+ MaTonGiao [1]: MaTonGiao
+ TenGoi [0..1]: string
-TonGiao
<<struct>>
GiayToDinhDanhCN
- LoaiGiayTo [1]: LoaiGiayToTuyThan
- NoiCap [0..1]: String
- SoGiayTo [1]: String
-NgayCap
-NgayHetHan
DanCu (QCVN 109:2017/BTTTT)
<<struct>>
DanToc
+MaDanToc [1]: MaDanTo
+TenGoi [0..1]: string
-DanToc
-NoiSinh
-NoiDKKhaiSinh
-QueQuan
-NoiThuongTru
-NoiTamTru
-NoiOHienTai
-TrangThai
<<struct>>
DiaChi
<<struct>>
TrangThai
- LoaiTrangThai [1]: LoaiTrangThai
<<struct>>
ThoiGian
- ThoiGianChetMatTich
-ThoiHanGiayToXNCDen
-NgayCapThiThuc
-ThoiHanGiayToXNCTu

QCVN 09:2025/BCA

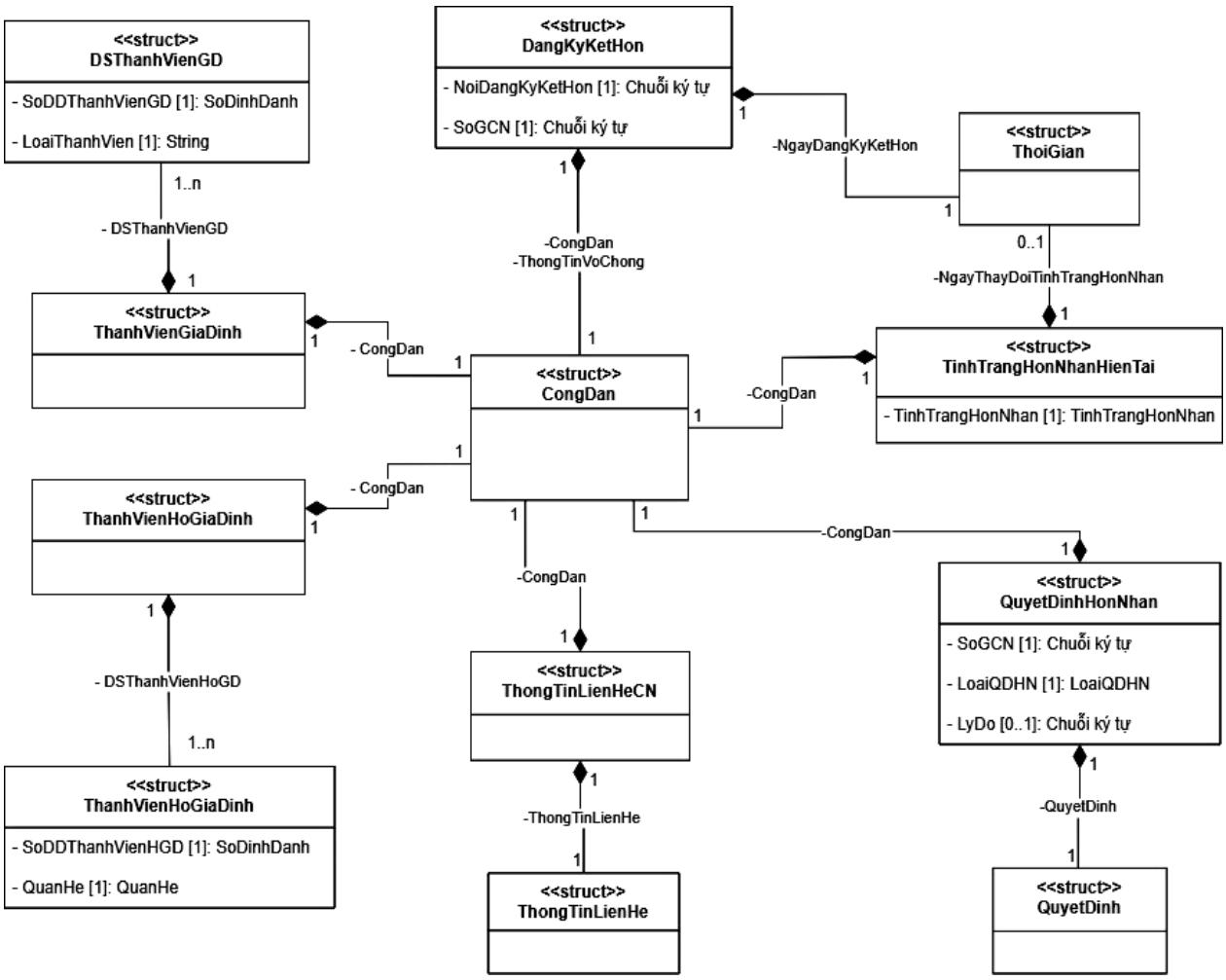

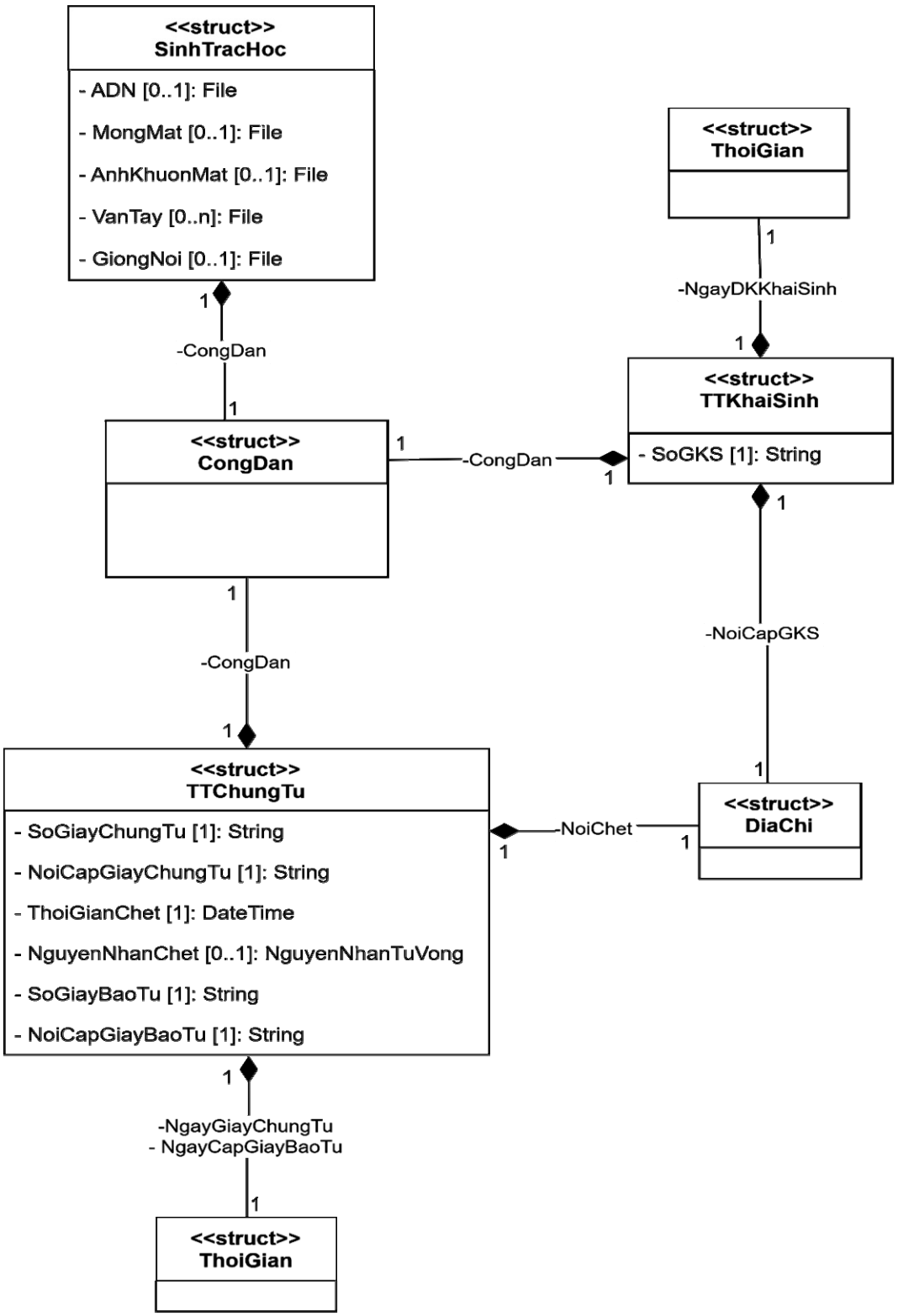

Hình A.1.3. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu về con người được mô tả bằng ngôn ngữ UML- thông tin cơ bản

QCVN 09:2025/BCA

b) Thông tin tài sản

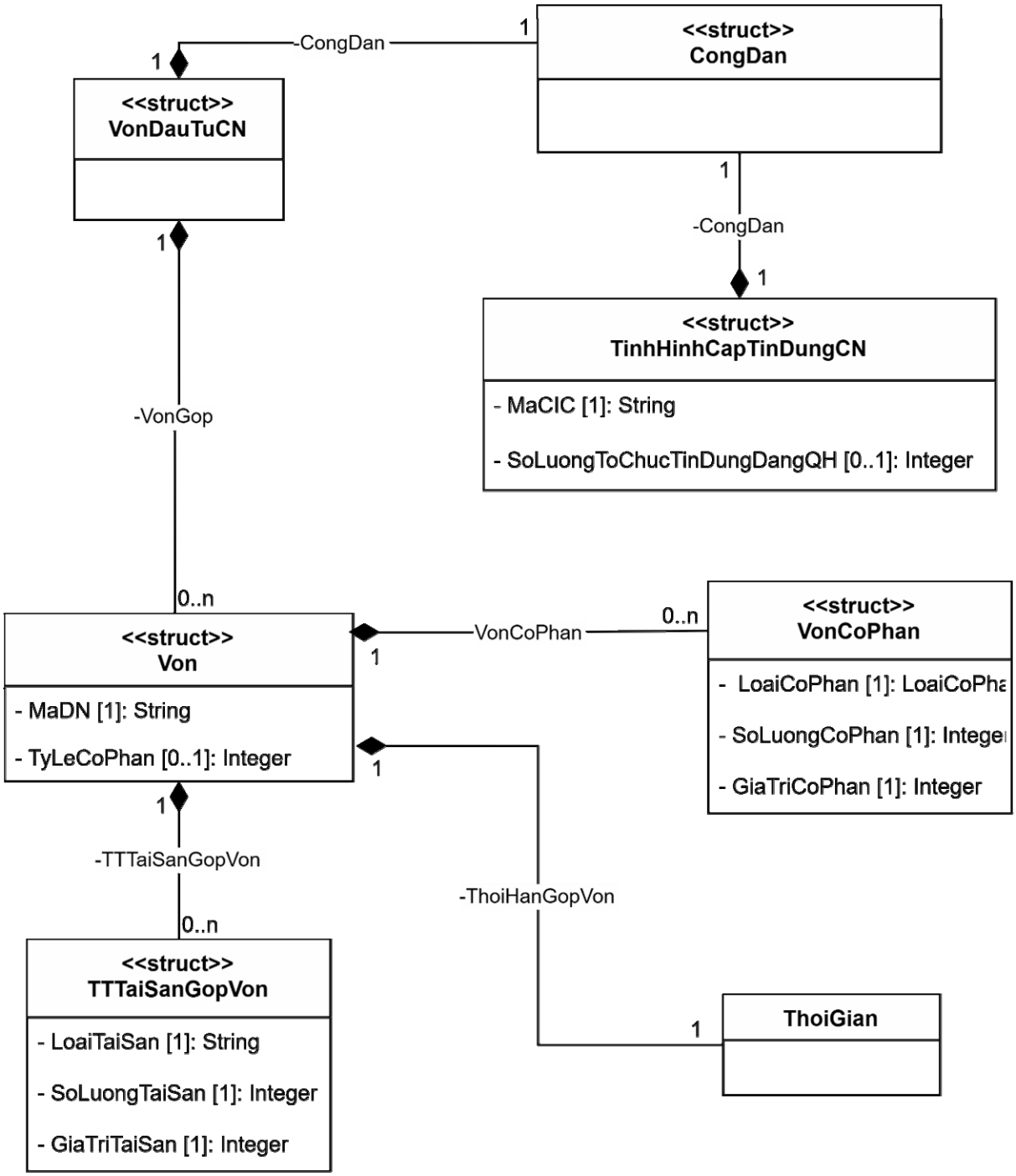

Hình A.1.4. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu về con người được mô tả bằng ngôn ngữ UML - thông tin tài sản

c) An sinh xã hội

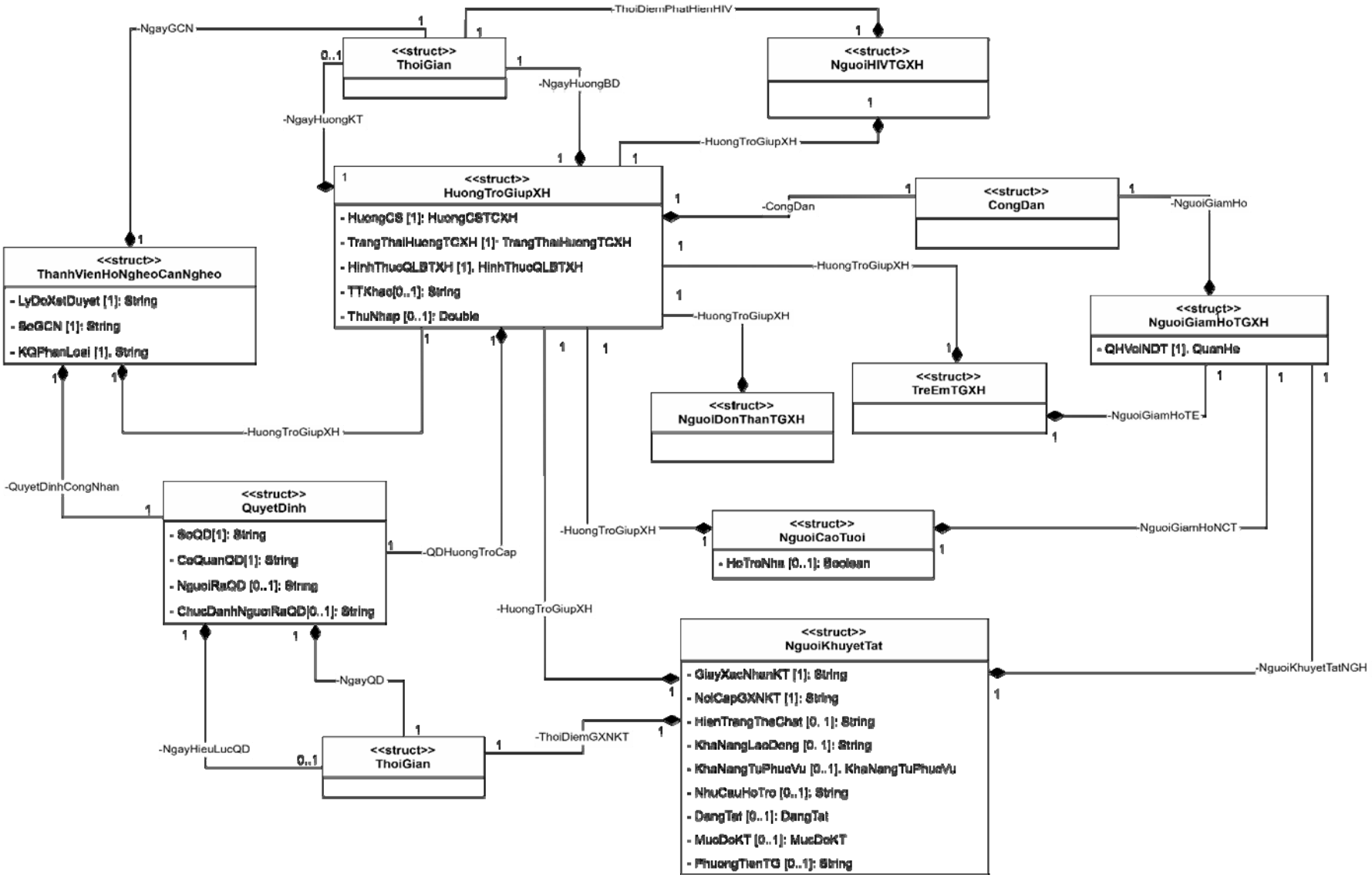

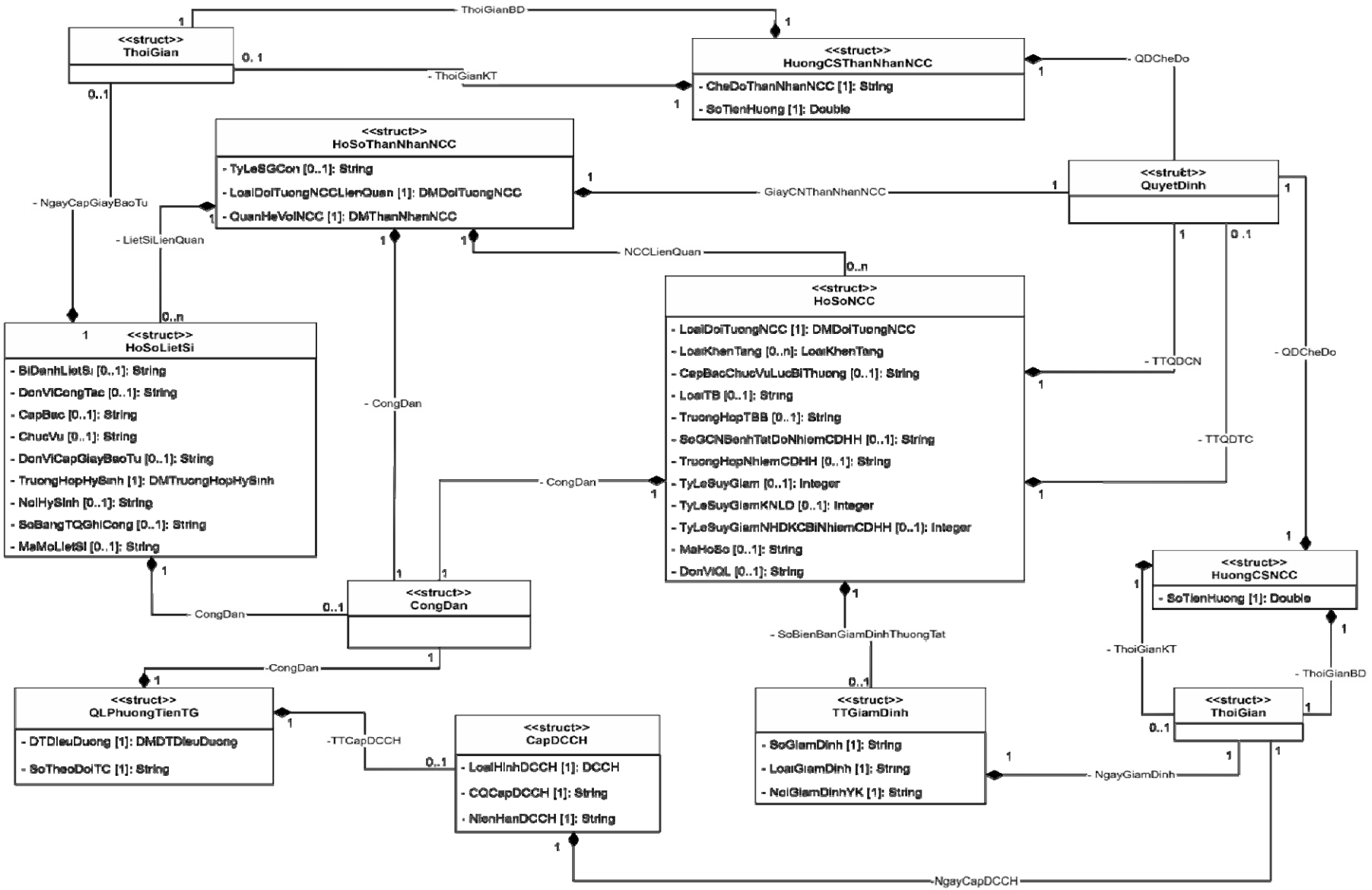
<<struct>>
ThoiGian
<<struct>>
HuongCSThanNhanNCC
- CheDoThanNhanNCC [1]: String
- SoTienHuong [1]: Double
<<struct>>
HoSoThanNhanNCC
- TyLeSGCon [0..1]: String
- LoaiDoiTuongNCCLienQuan [1]: DMDoiTuongNCC
- QuanHeVoiNCC [1]: DMThanNhanNCC
<<struct>>
QuyetDinh
<<struct>>
HoSoLietSi
- BiDanhLietSi [0..1]: String
- DonViCongTac [0..1]: String
- CapBac [0..1]: String
- ChucVu [0..1]: String
- DonViCapGiayBaoTu [0..1]: String
- TruongHopHySinh [1]: DMTruongHopHySinh
- NoiHySinh [0..1]: String
- SoBangTQGhiCong [0..1]: String
- MaMoLietSi [0..1]: String
<<struct>>
HoSoNCC
- LoaiDoiTuongNCC [1]: DMDoiTuongNCC
- LoaiKhenTang [0..n]: LoaiKhenTang
- CapBacChucVuLucBiThuong [0..1]: String
- LoaiTB [0..1]: String
- TruongHopTBB [0..1]: String
- SoGCNBenhTatDoNhiemCDHH [0..1]: String
- TruongHopNhiemCDHH [0..1]: String
- TyLeSuyGiam [0..1]: Integer
- TyLeSuyGiamKNLD [0..1]: Integer
- TyLeSuyGiamNHDKCBiNhiemCDHH [0..1]: Integer
- MaHoSo [0..1]: String
- DonViQL [0..1]: String
<<struct>>
CongDan
<<struct>>
HuongCSNCC
- SoTienHuong [1]: Double
<<struct>>
QLPhuongTienTG
- DTDieuDuong [1]: DMDTDieuDuong
- SoTheoDoiTC [1]: String
<<struct>>
CapDCCH
- LoaiHinhDCCH [1]: DCCH
- CQCapDCCH [1]: String
- NienHanDCCH [1]: String
<<struct>>
TTGiamDinh
- SoGiamDinh [1]: String
- LoaiGiamDinh [1]: String
- NoiGiamDinhYK [1]: String
<<struct>>
ThoiGian
ThoiGianBD
ThoiGianKT
QDCheDo
GiayCNThanNhanNCC
NgayCapGiayBaoTu
LietSiLienQuan
NCCLienQuan
CongDan
TTQDCN
TTQDTC
SoBienBanGiamDinhThuongTat
TTCapDCCH
NgayGiamDinh
NgayCapDCCH

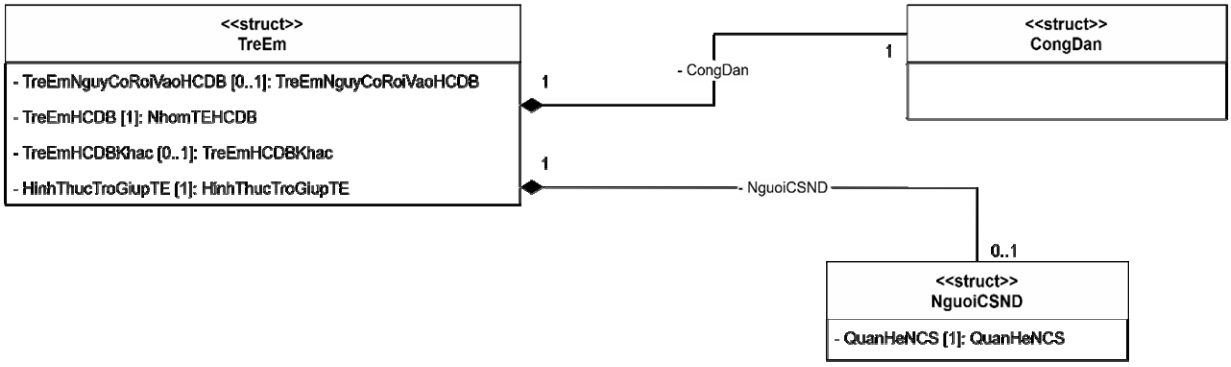
<<struct>>
TreEm
- TreEmNguyCoRoiVaoHCDB [0..1]: TreEmNguyCoRoiVaoHCDB
- TreEmHCDB [1]: NhomTEHCDB
- TreEmHCDBKhac [0..1]: TreEmHCDBKhac
- HinhThucTroGiupTE [1]: HinhThucTroGiupTE
1
- CongDan
1
<<struct>>
CongDan
1
- NguoiCSND
0..1
<<struct>>
NguoiCSND
- QuanHeNCS [1]: QuanHeNCS

QCVN 09:2025/BCA

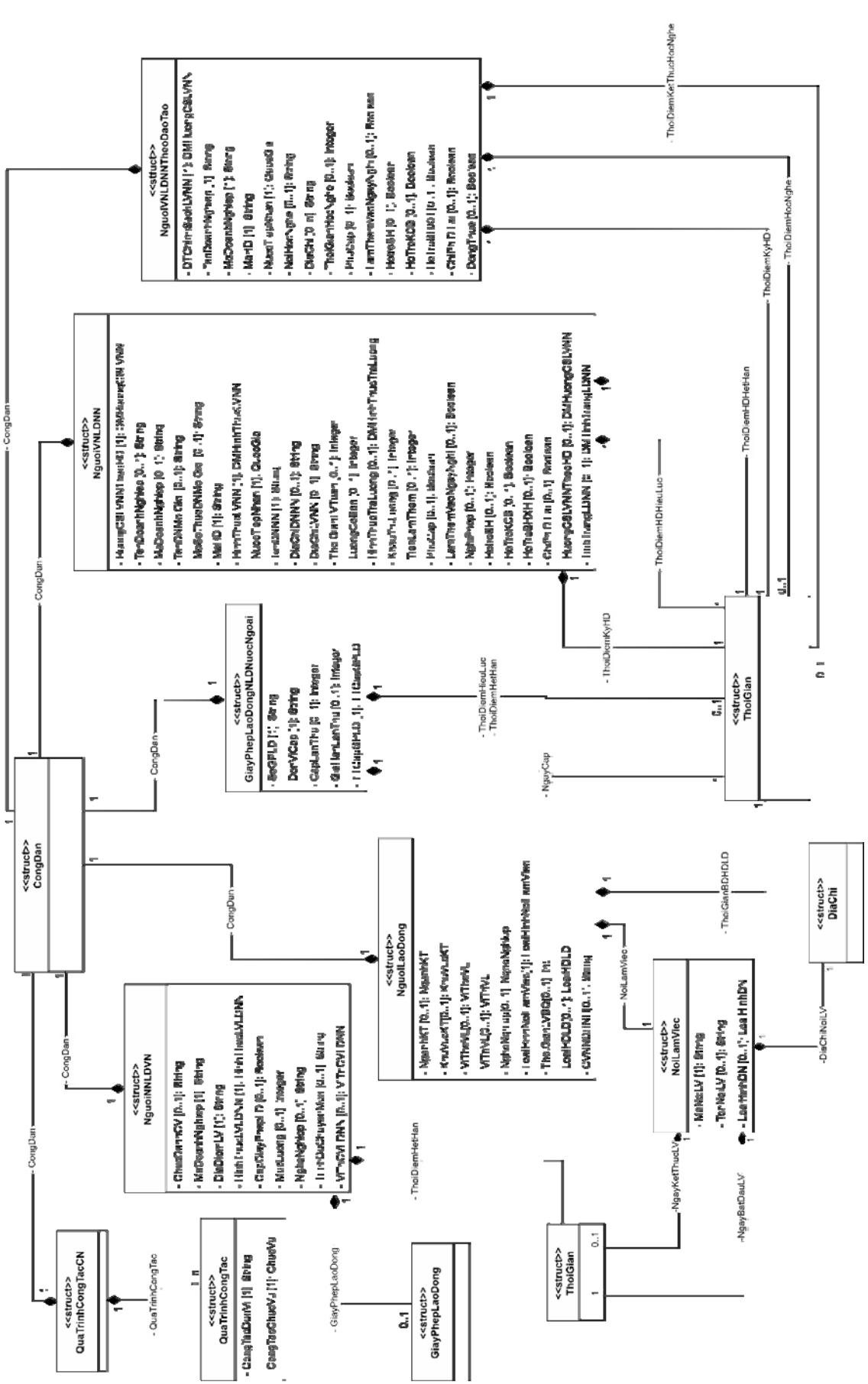

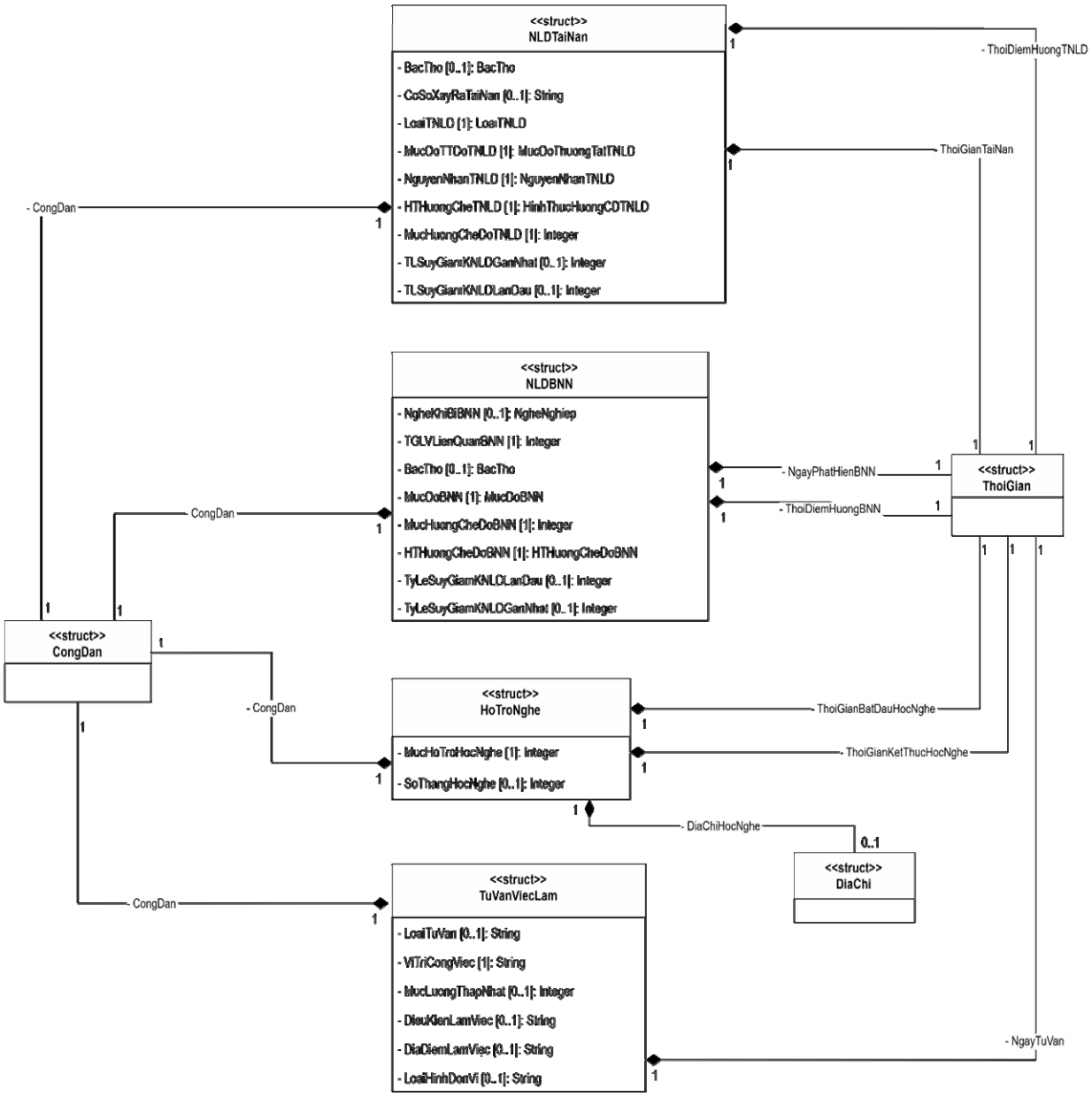
<<struct>>
NLDTaiNan
- BacTho [0..1]: BacTho
- CoSoXayRaTaiNan [0..1]: String
- LoaiTNLD [1]: LoaiTNLD
- MucDoTTDoTNLD [1]: MucDoThuongTatTNLD
- NguyenNhanTNLD [1]: NguyenNhanTNLD
- HTHuongCheTNLD [1]: HinhThucHuongCDTNLD
- MucHuongCheDoTNLD [1]: Integer
- TLSuyGiamKNLDGanNhat [0..1]: Integer
- TLSuyGiamKNLDLanDau [0..1]: Integer
- ThoiDiemHuongTNLD
ThoiGianTaiNan
- CongDan
<<struct>>
NLDBNN
- NgheKhiBiBNN [0..1]: NgheNghiep
- TGLVLienQuanBNN [1]: Integer
- BacTho [0..1]: BacTho
- MucDoBNN [1]: MucDoBNN
- MucHuongCheDoBNN [1]: Integer
- HTHuongCheDoBNN [1]: HTHuongCheDoBNN
- TyLeSuyGiamKNLDLanDau [0..1]: Integer
- TyLeSuyGiamKNLDGanNhat [0..1]: Integer
- NgayPhatHienBNN
- ThoiDiemHuongBNN
<<struct>>
ThoiGian
CongDan
<<struct>>
CongDan
- CongDan
<<struct>>
HoTroNghe
- MucHoTroHocNghe [1]: Integer
- SoThangHocNghe [0..1]: Integer
ThoiGianBatDauHocNghe
ThoiGianKetThucHocNghe
- DiaChiHocNghe
0..1
<<struct>>
DiaChi
- CongDan
<<struct>>
TuVanViecLam
- LoaiTuVan [0..1]: String
- ViTriCongViec [1]: String
- MucLuongThapNhat [0..1]: Integer
- DieuKienLamViec [0..1]: String
- DiaDiemLamViec [0..1]: String
- LoaiHinhDonVi [0..1]: String
- NgayTuVan

QCVN 09:2025/BCA

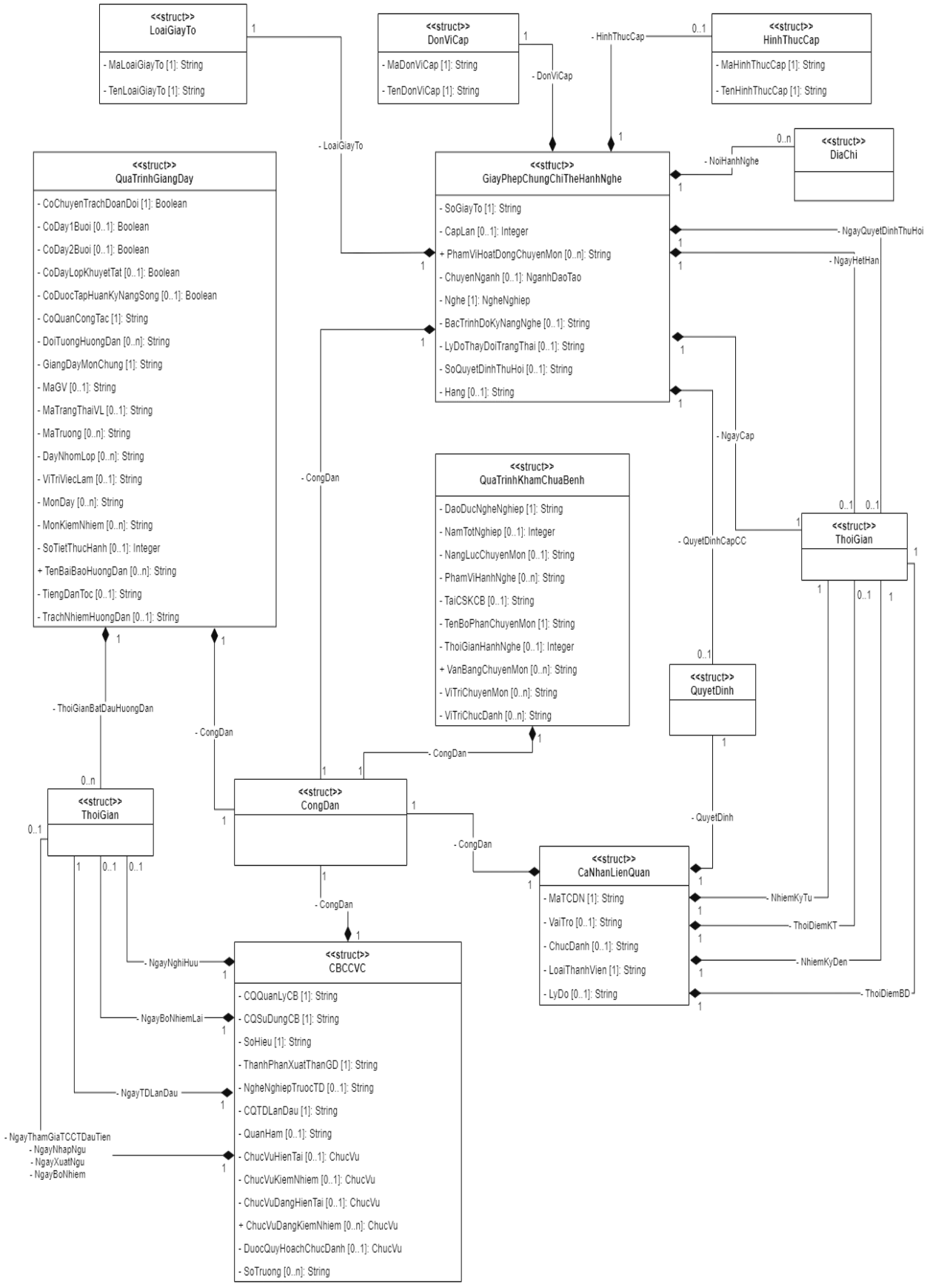

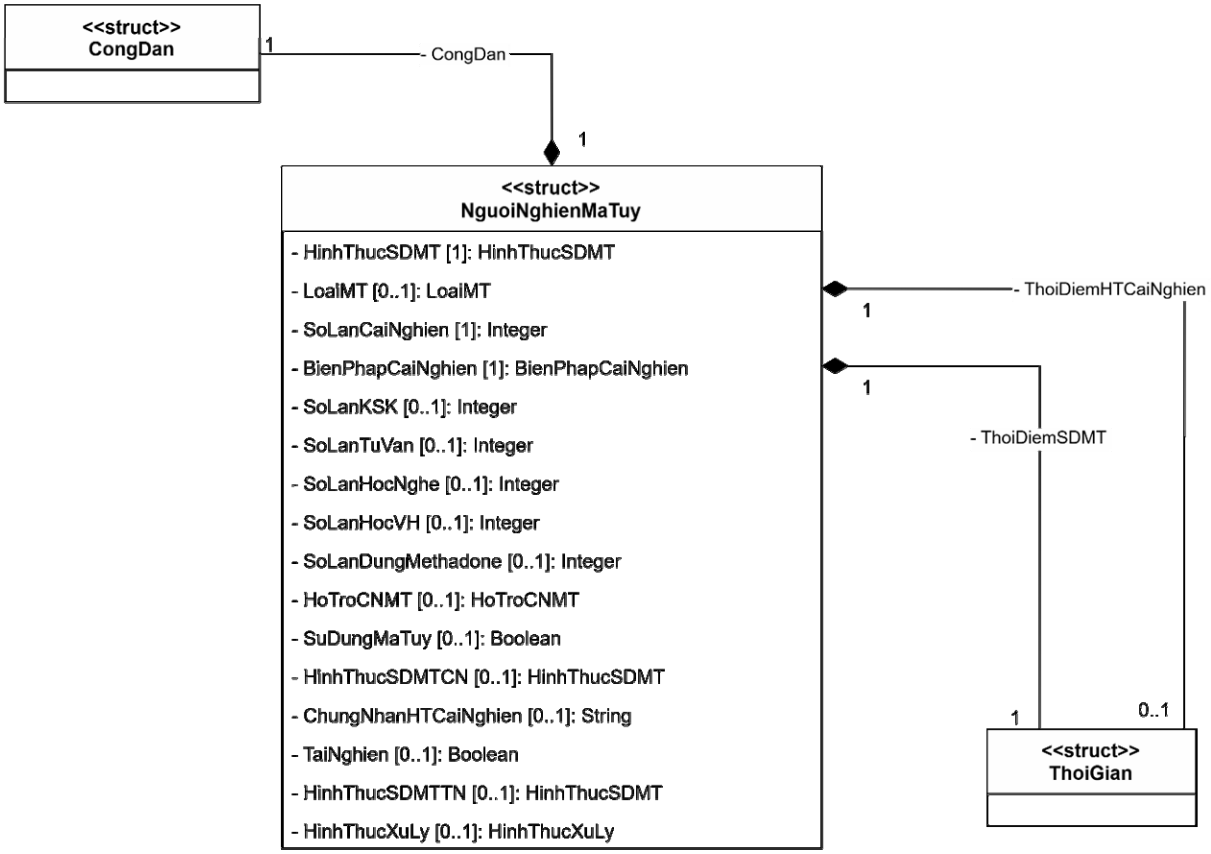
<<struct>>
CongDan
1
- CongDan
1
<<struct>>
NguoiNghienMaTuy
- HinhThucSDMT [1]: HinhThucSDMT
- LoaiMT [0..1]: LoaiMT
- SoLanCaiNghien [1]: Integer
- BienPhapCaiNghien [1]: BienPhapCaiNghien
- SoLanKSK [0..1]: Integer
- SoLanTuVan [0..1]: Integer
- SoLanHocNghe [0..1]: Integer
- SoLanHocVH [0..1]: Integer
- SoLanDungMethadone [0..1]: Integer
- HoTroCNMT [0..1]: HoTroCNMT
- SuDungMaTuy [0..1]: Boolean
- HinhThucSDMTCN [0..1]: HinhThucSDMT
- ChungNhanHTCaiNghien [0..1]: String
- TaiNghien [0..1]: Boolean
- HinhThucSDMTTN [0..1]: HinhThucSDMT
- HinhThucXuLy [0..1]: HinhThucXuLy
- ThoiDiemHTCaiNghien
1
1
- ThoiDiemSDMT
1
0..1
<<struct>>
ThoiGian

QCVN 09:2025/BCA

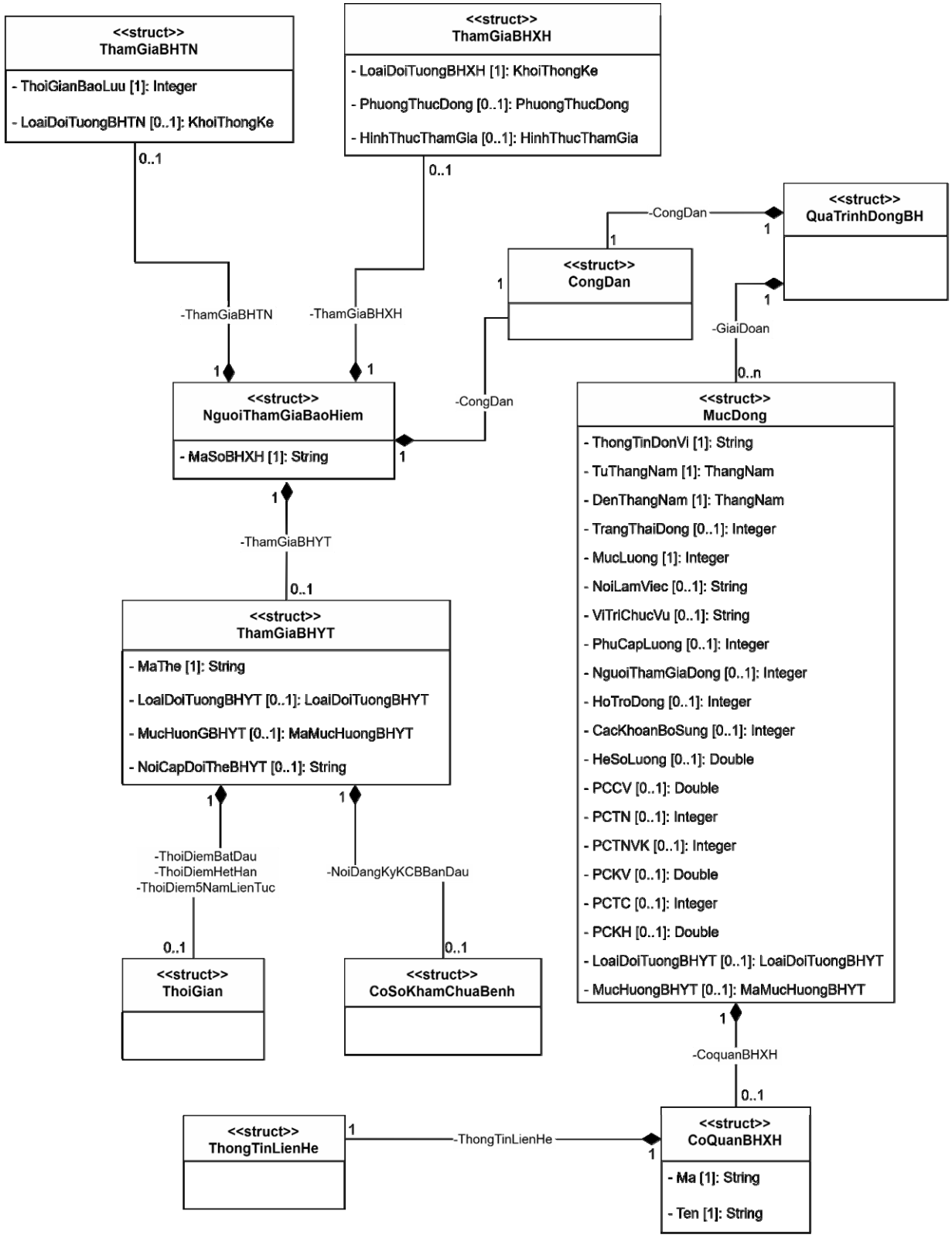

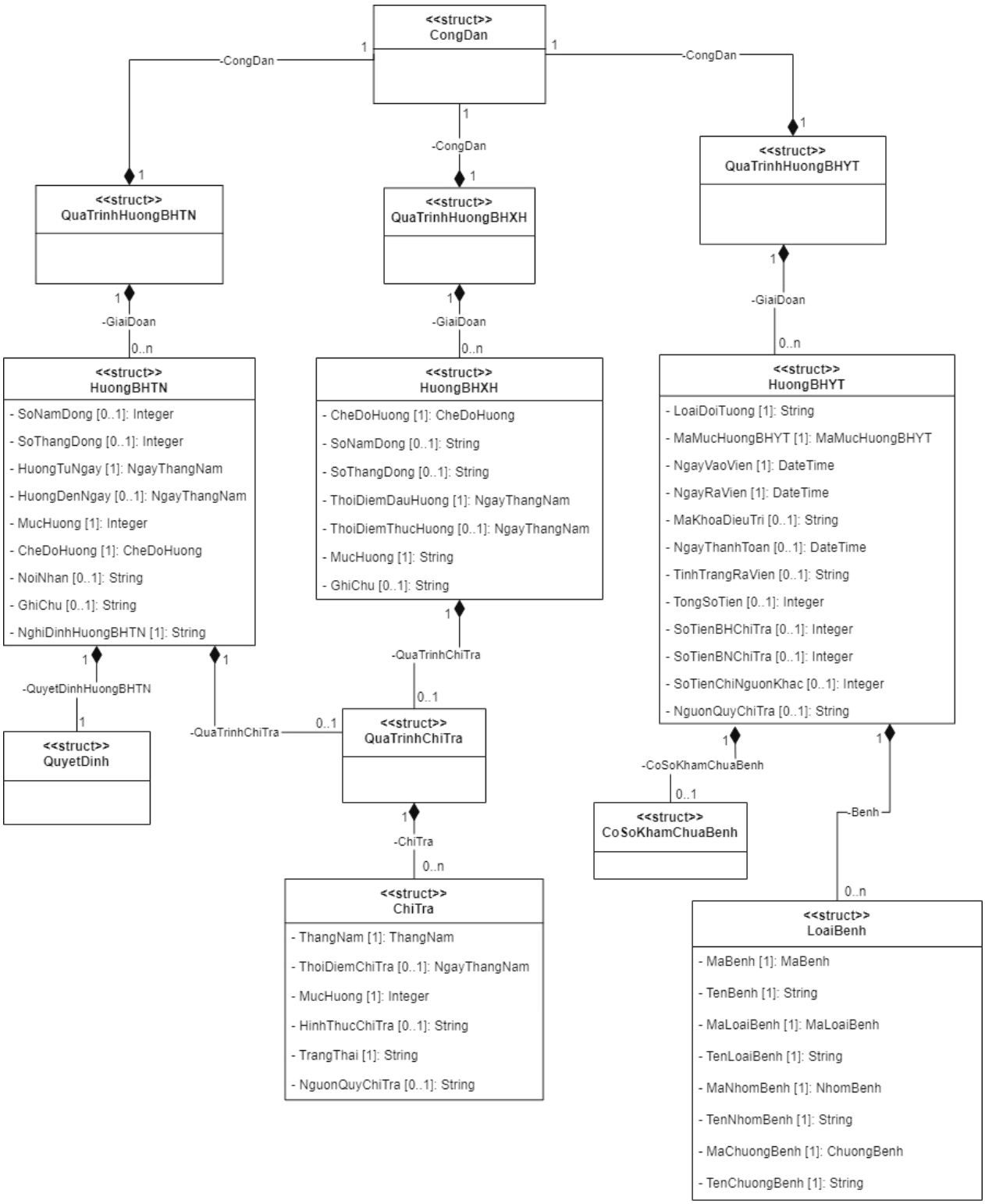
<<struct>>
CongDan
-CongDan
-CongDan
-CongDan
<<struct>>
QuaTrinhHuongBHTN
<<struct>>
QuaTrinhHuongBHXH
<<struct>>
QuaTrinhHuongBHYT
-GiaiDoan
-GiaiDoan
-GiaiDoan
<<struct>>
HuongBHTN
- SoNamDong [0..1]: Integer
- SoThangDong [0..1]: Integer
- HuongTuNgay [1]: NgayThangNam
- HuongDenNgay [0..1]: NgayThangNam
- MucHuong [1]: Integer
- CheDoHuong [1]: CheDoHuong
- NoiNhan [0..1]: String
- GhiChu [0..1]: String
- NghiDinhHuongBHTN [1]: String
<<struct>>
HuongBHXH
- CheDoHuong [1]: CheDoHuong
- SoNamDong [0..1]: String
- SoThangDong [0..1]: String
- ThoiDiemDauHuong [1]: NgayThangNam
- ThoiDiemThucHuong [0..1]: NgayThangNam
- MucHuong [1]: String
- GhiChu [0..1]: String
<<struct>>
HuongBHYT
- LoaiDoiTuong [1]: String
- MaMucHuongBHYT [1]: MaMucHuongBHYT
- NgayVaoVien [1]: DateTime
- NgayRaVien [1]: DateTime
- MaKhoaDieuTri [0..1]: String
- NgayThanhToan [0..1]: DateTime
- TinhTrangRaVien [0..1]: String
- TongSoTien [0..1]: Integer
- SoTienBHChiTra [0..1]: Integer
- SoTienBNChiTra [0..1]: Integer
- SoTienChiNguonKhac [0..1]: Integer
- NguonQuyChiTra [0..1]: String
-QuyetDinhHuongBHTN
-QuaTrinhChiTra
-QuaTrinhChiTra
<<struct>>
QuyetDinh
<<struct>>
QuaTrinhChiTra
-CoSoKhamChuaBenh
-Benh
-ChiTra
<<struct>>
CoSoKhamChuaBenh
<<struct>>
ChiTra
- ThangNam [1]: ThangNam
- ThoiDiemChiTra [0..1]: NgayThangNam
- MucHuong [1]: Integer
- HinhThucChiTra [0..1]: String
- TrangThai [1]: String
- NguonQuyChiTra [0..1]: String
<<struct>>
LoaiBenh
- MaBenh [1]: MaBenh
- TenBenh [1]: String
- MaLoaiBenh [1]: MaLoaiBenh
- TenLoaiBenh [1]: String
- MaNhomBenh [1]: NhomBenh
- TenNhomBenh [1]: String
- MaChuongBenh [1]: ChuongBenh
- TenChuongBenh [1]: String

QCVN 09:2025/BCA

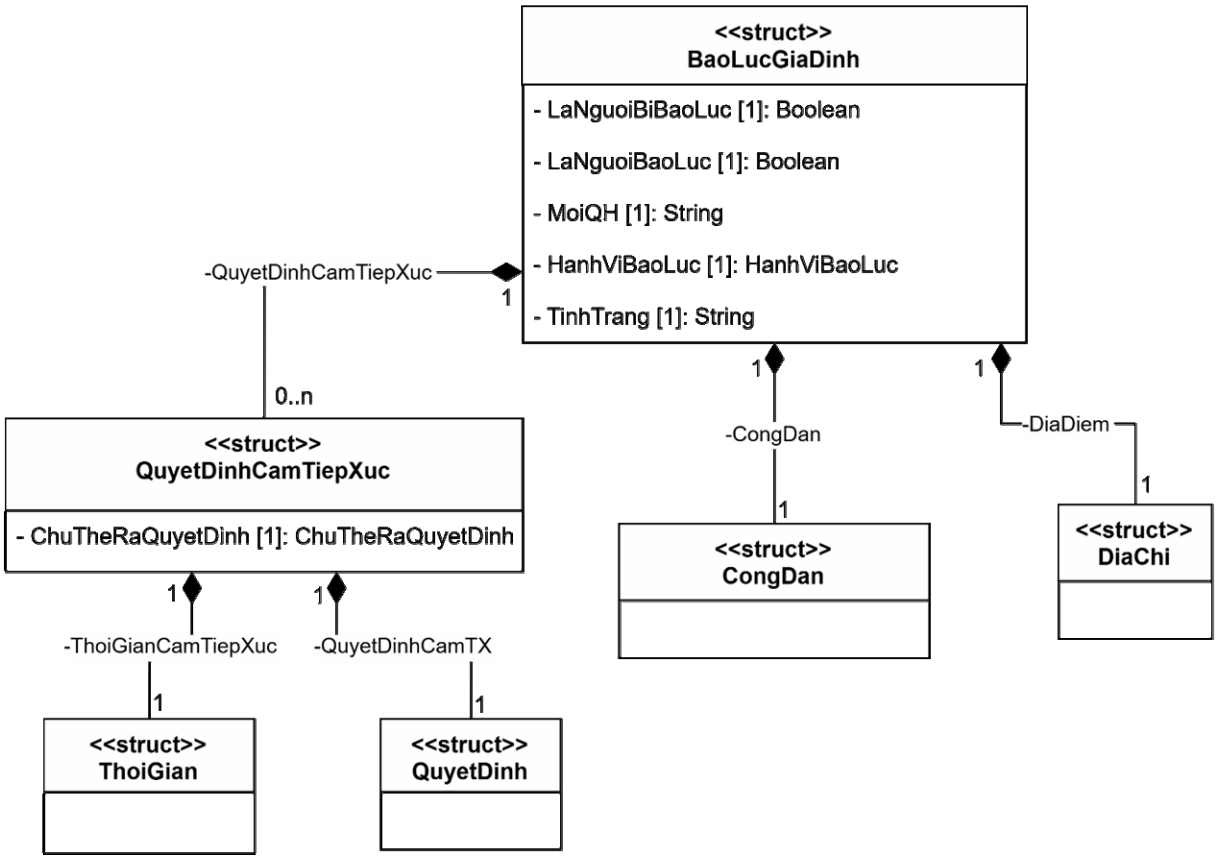

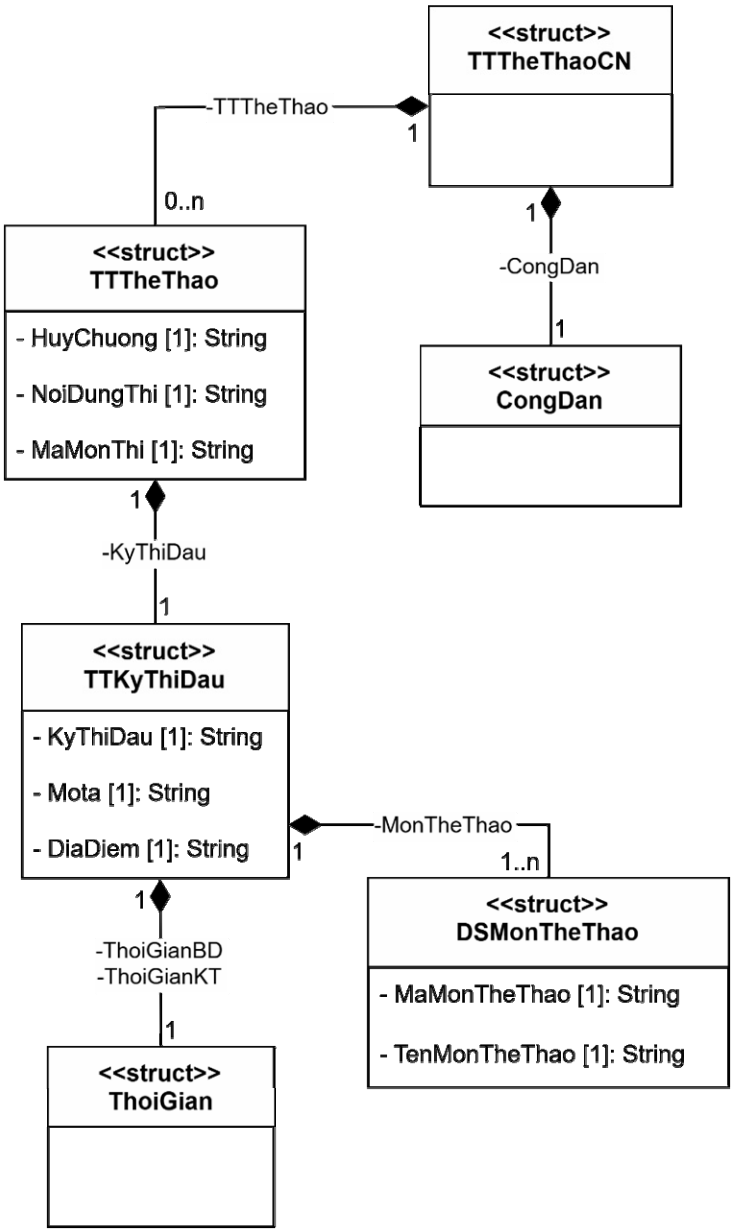

Hình A.1.5. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu về con người được mô tả bằng ngôn ngữ UML - An sinh xã hội

QCVN 09:2025/BCA

d) Thu nhập và thuế

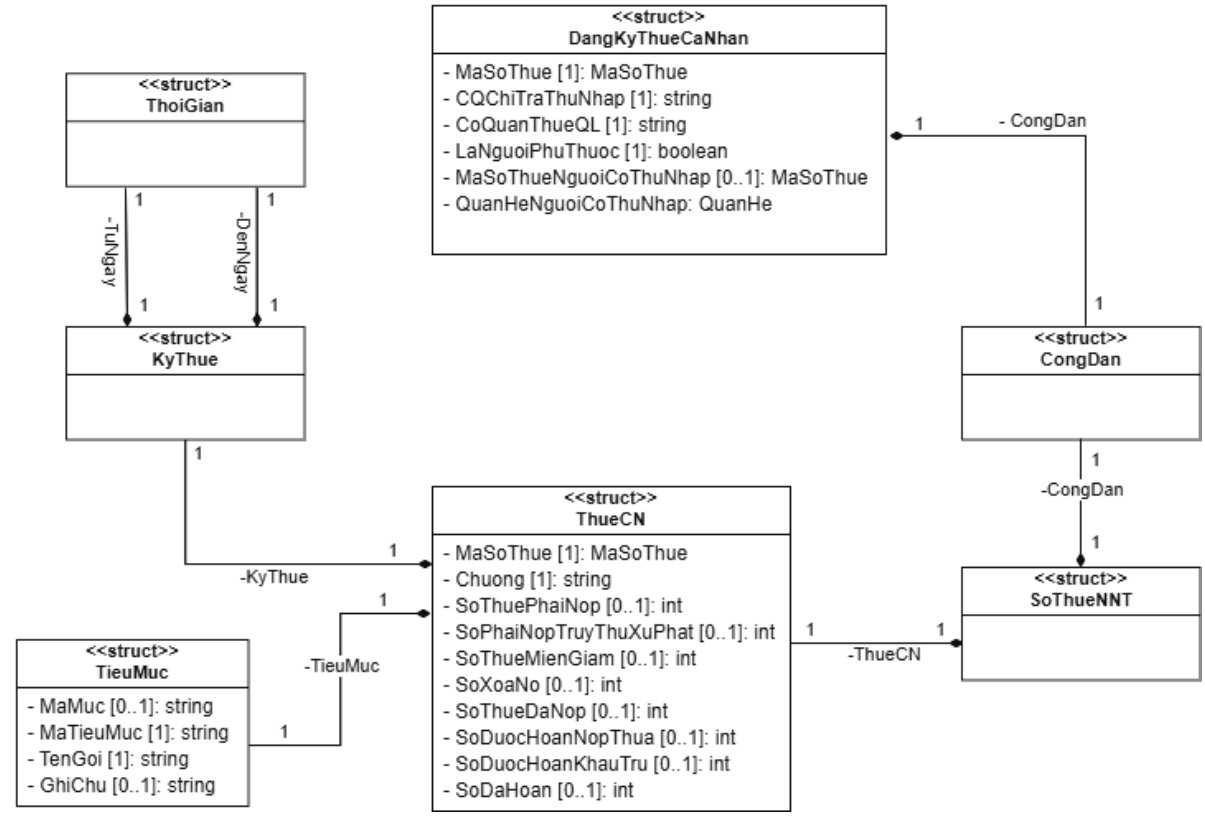

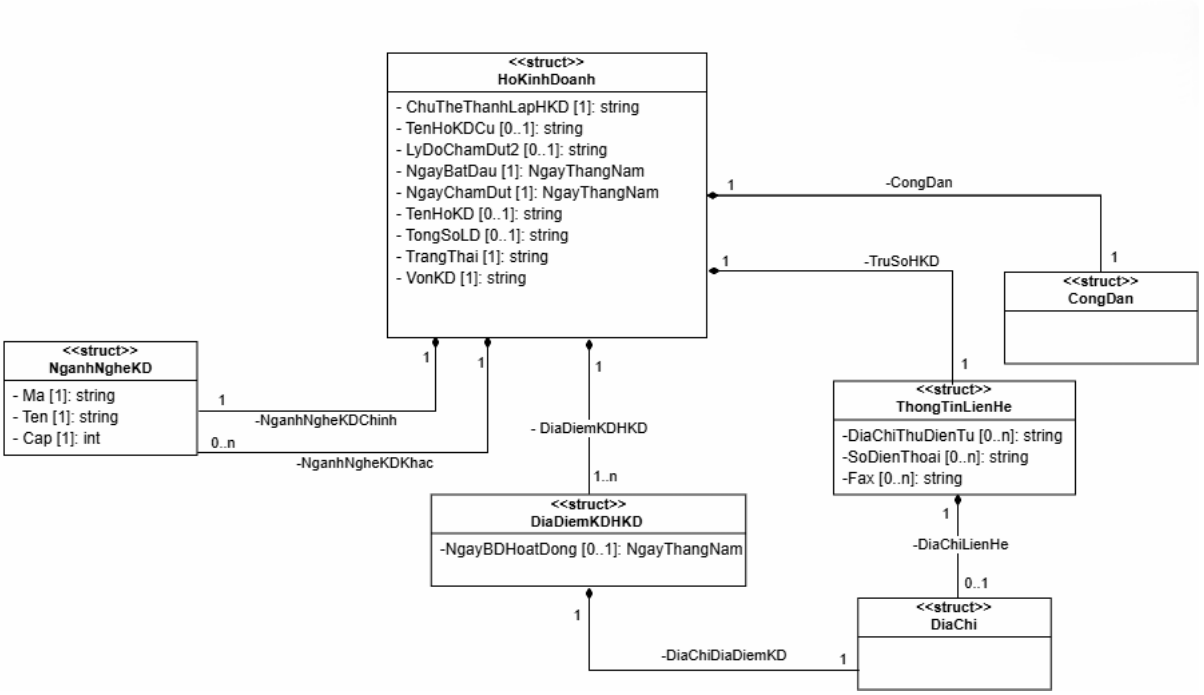

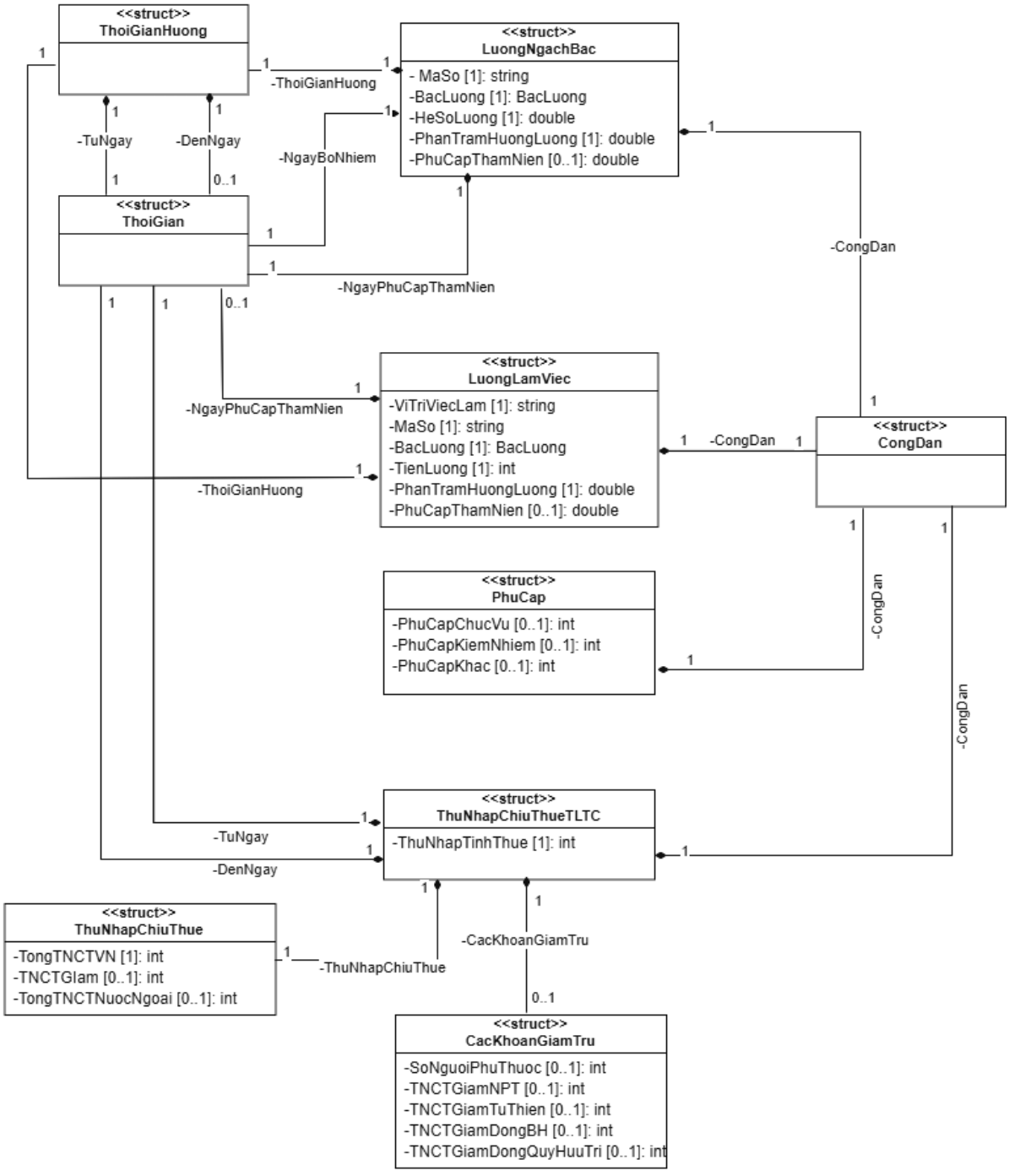
<<struct>>
ThoiGianHuong
<<struct>>
LuongNgachBac
- MaSo [1]: string
-BacLuong [1]: BacLuong
-HeSoLuong [1]: double
-PhanTramHuongLuong [1]: double
-PhuCapThamNien [0..1]: double
-ThoiGianHuong
-TuNgay
-DenNgay
-NgayBoNhiem
<<struct>>
ThoiGian
-NgayPhuCapThamNien
-CongDan
<<struct>>
LuongLamViec
-ViTriViecLam [1]: string
-MaSo [1]: string
-BacLuong [1]: BacLuong
-TienLuong [1]: int
-PhanTramHuongLuong [1]: double
-PhuCapThamNien [0..1]: double
<<struct>>
CongDan
<<struct>>
PhuCap
-PhuCapChucVu [0..1]: int
-PhuCapKiemNhiem [0..1]: int
-PhuCapKhac [0..1]: int
<<struct>>
ThuNhapChiuThueTLTC
-ThuNhapTinhThue [1]: int
-TuNgay
-DenNgay
<<struct>>
ThuNhapChiuThue
-TongTNCTVN [1]: int
-TNCTGIam [0..1]: int
-TongTNCTNuocNgoai [0..1]: int
-ThuNhapChiuThue
-CacKhoanGiamTru
<<struct>>
CacKhoanGiamTru
-SoNguoiPhuThuoc [0..1]: int
-TNCTGiamNPT [0..1]: int
-TNCTGiamTuThien [0..1]: int
-TNCTGiamDongBH [0..1]: int
-TNCTGiamDongQuyHuuTri [0..1]: int

QCVN 09:2025/BCA

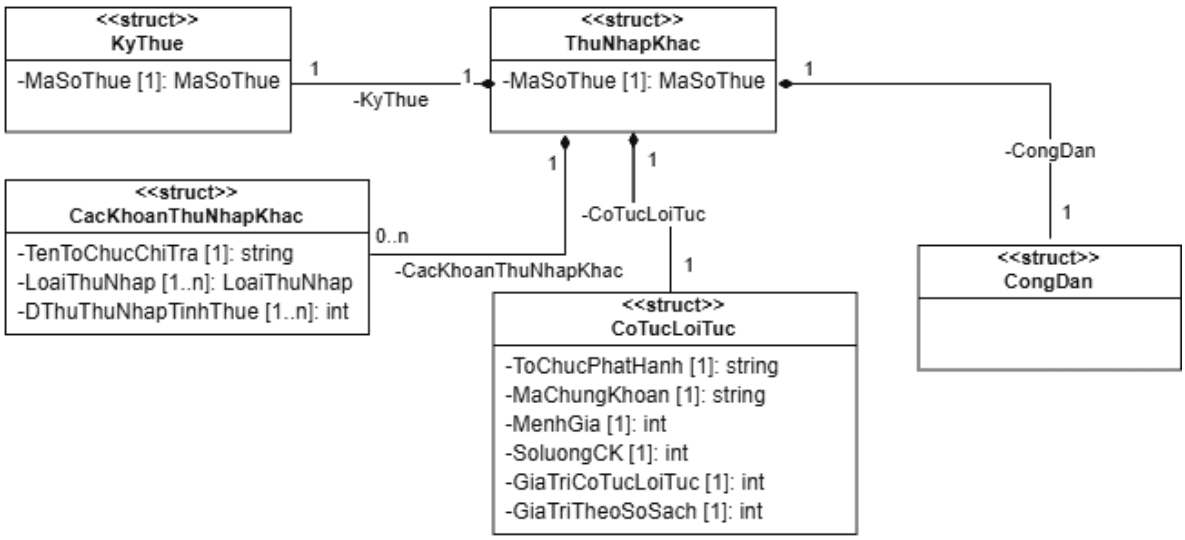

Hình A.1.6. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu về con người được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Thu nhập và thuế

e) Năng lực và trình độ

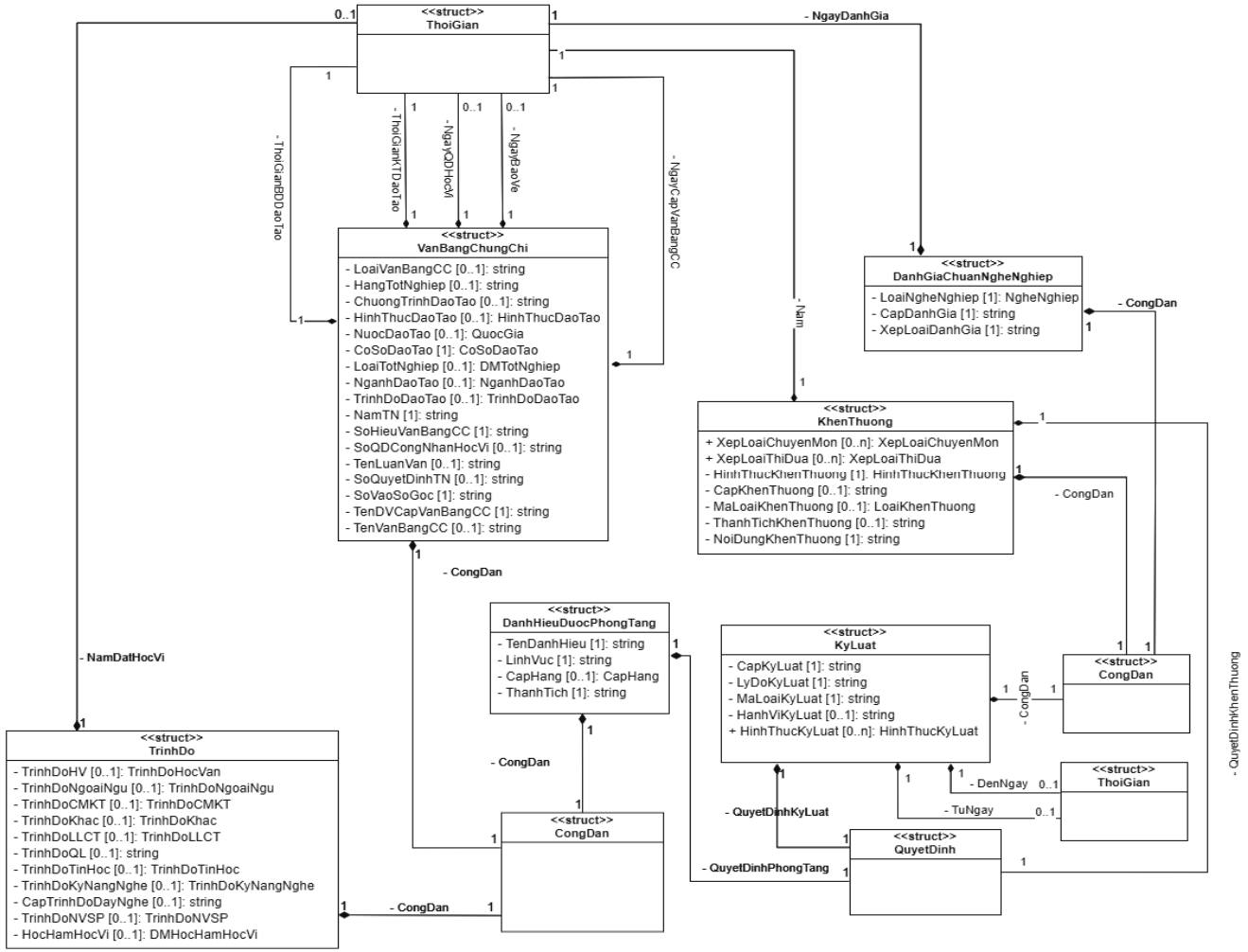

Hình A.1.7. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu về con người được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Năng lực và trình độ

QCVN 09:2025/BCA

f) Giáo dục, nghiên cứu

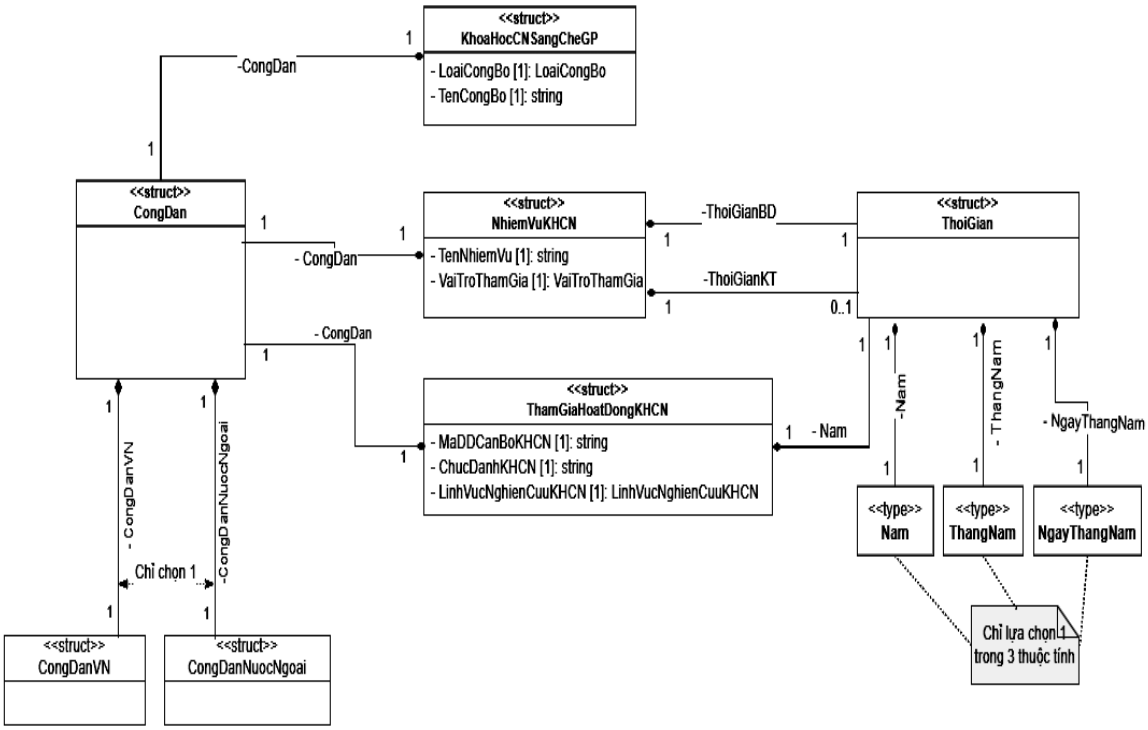

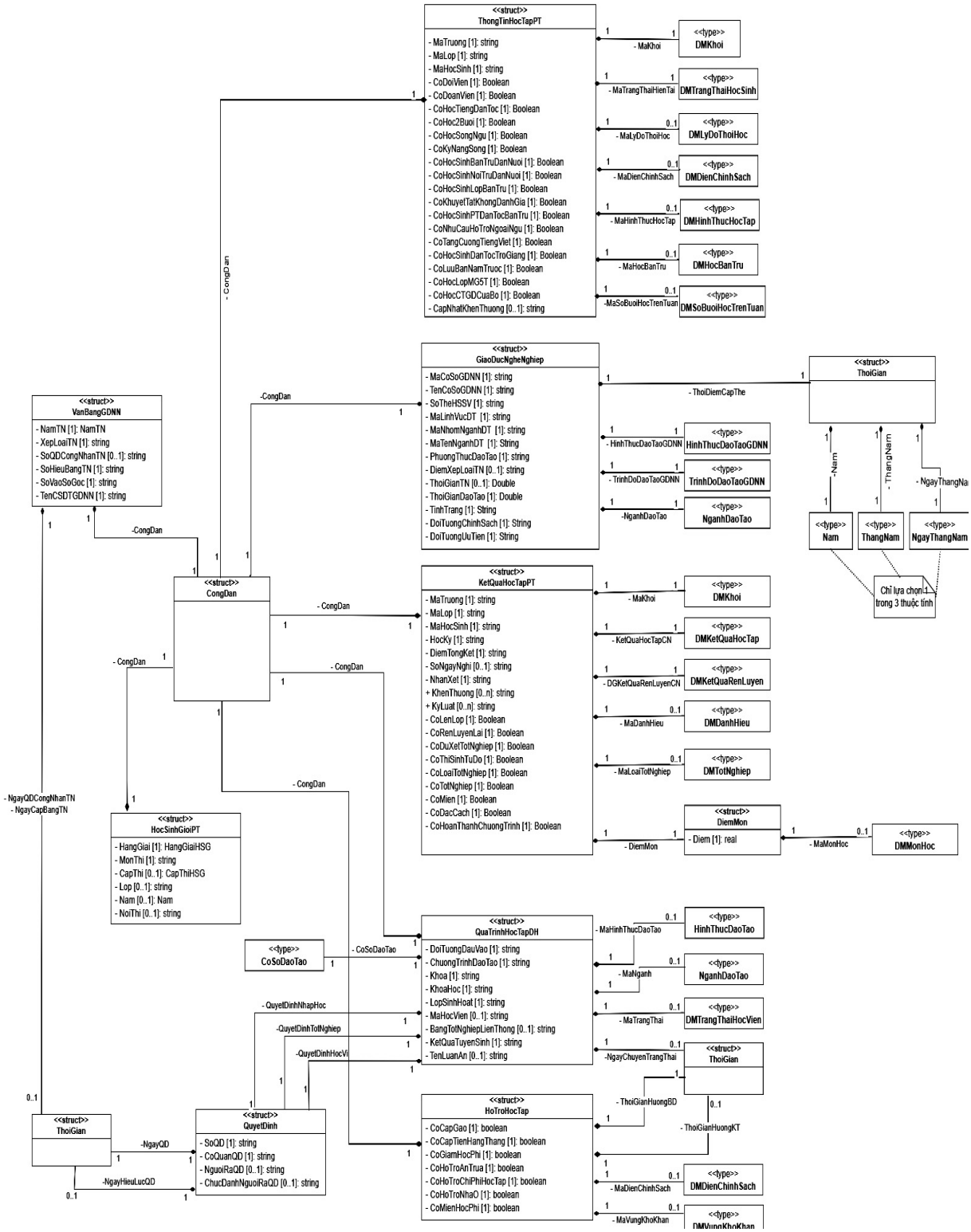

Hình A.1.8. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu về con người được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Giáo dục, nghiên cứu

QCVN 09:2025/BCA

g) Y tế và sức khỏe

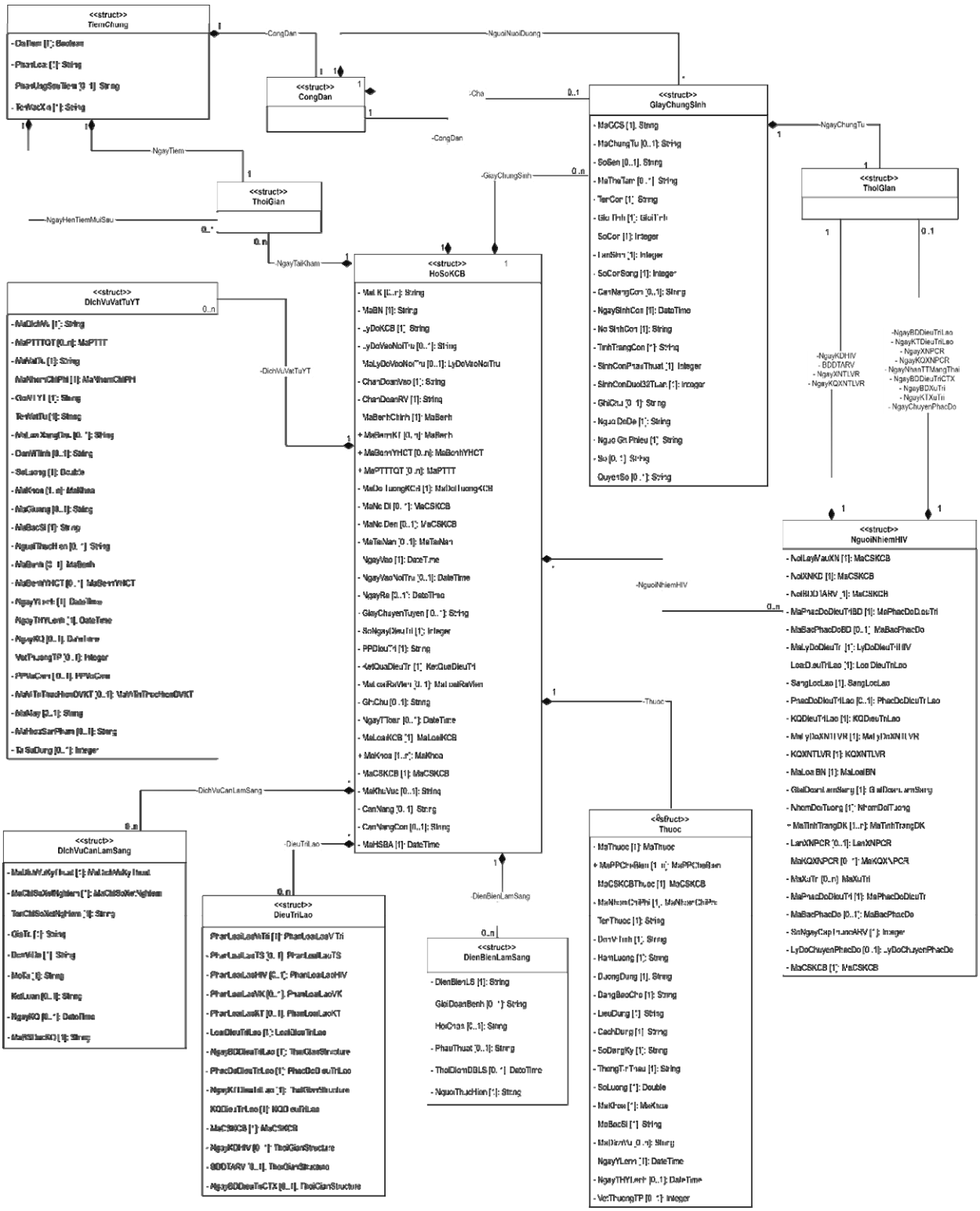

Hình A.1.9. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu về con người được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Y tế và sức khỏe

h) Các vấn đề liên quan đến pháp luật

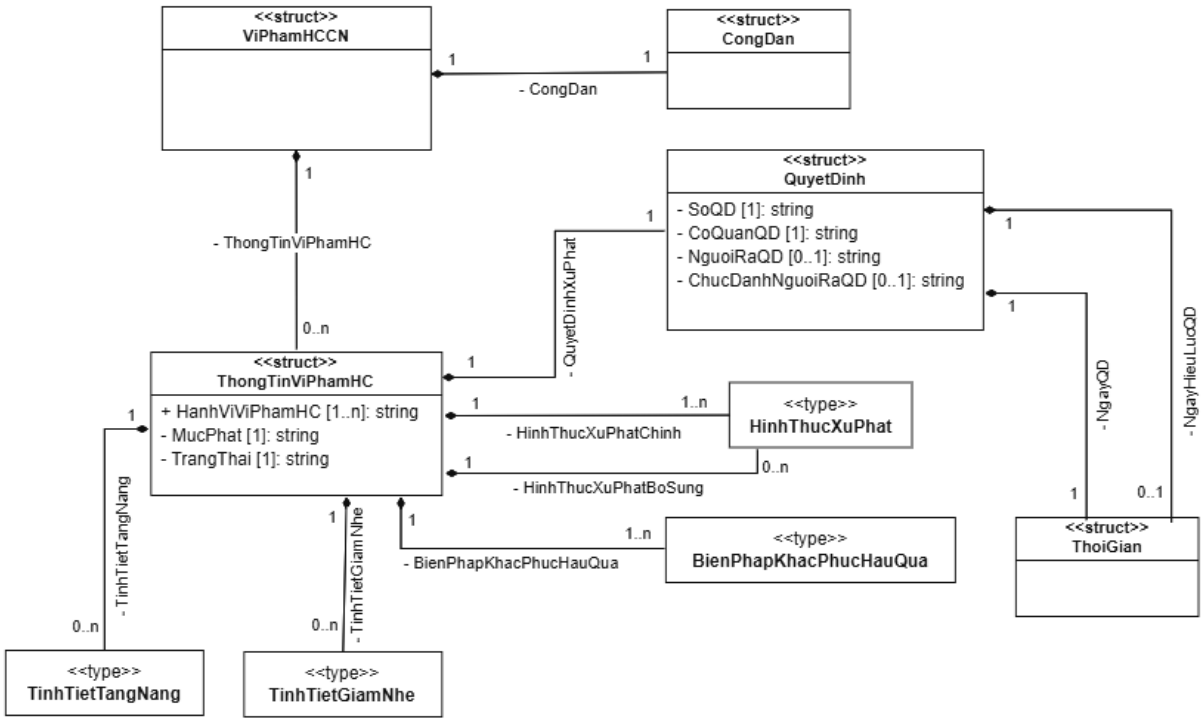

QCVN 09:2025/BCA

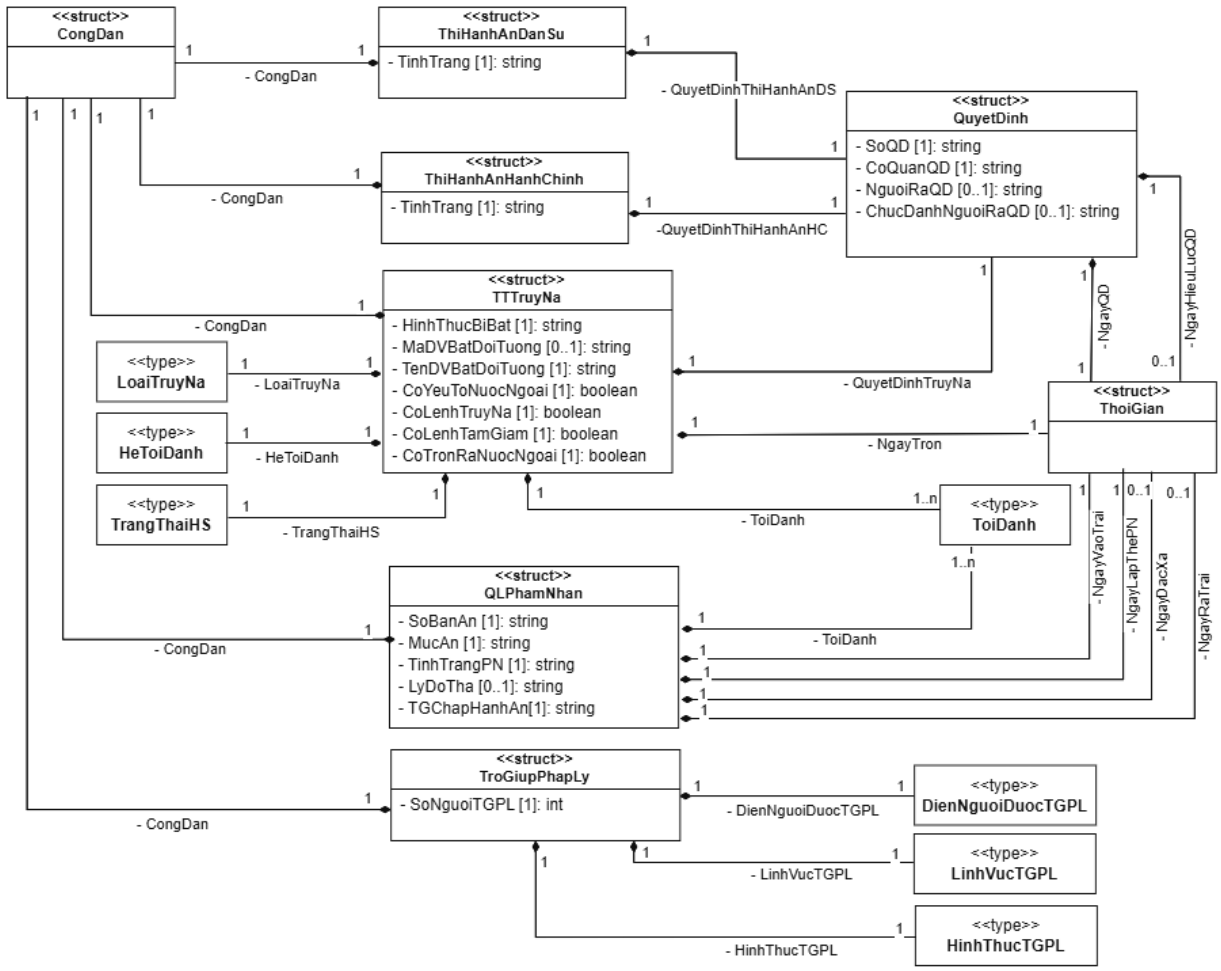

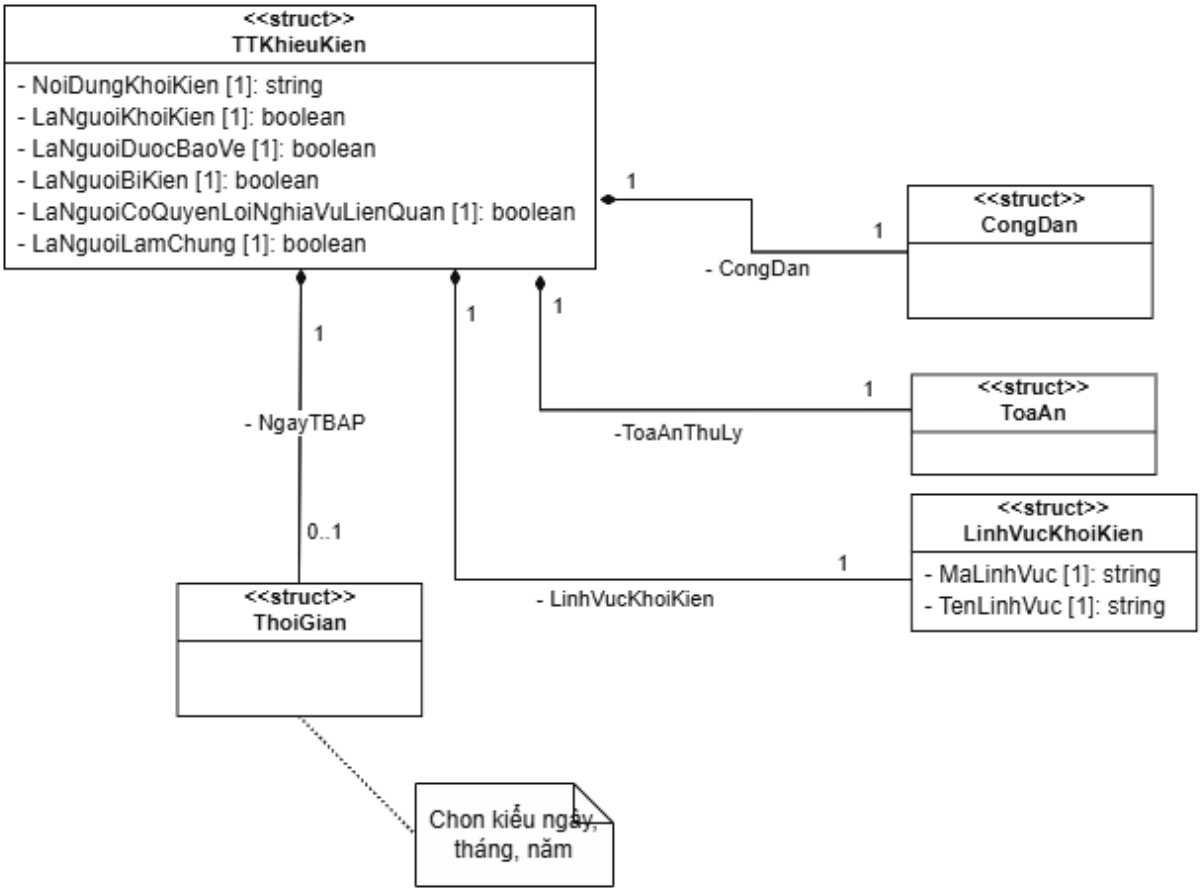
<<struct>>
TTKhieuKien
- NoiDungKhoiKien [1]: string
- LaNguoiKhoiKien [1]: boolean
- LaNguoiDuocBaoVe [1]: boolean
- LaNguoiBiKien [1]: boolean
- LaNguoiCoQuyenLoiNghiaVuLienQuan [1]: boolean
- LaNguoiLamChung [1]: boolean
1
1
- CongDan
<<struct>>
CongDan
1
1
1
- NgayTBAP
0..1
1
-ToaAnThuLy
<<struct>>
ToaAn
1
- LinhVucKhoiKien
<<struct>>
LinhVucKhoiKien
- MaLinhVuc [1]: string
- TenLinhVuc [1]: string
<<struct>>
ThoiGian
Chon kiểu ngày, tháng, năm

QCVN 09:2025/BCA

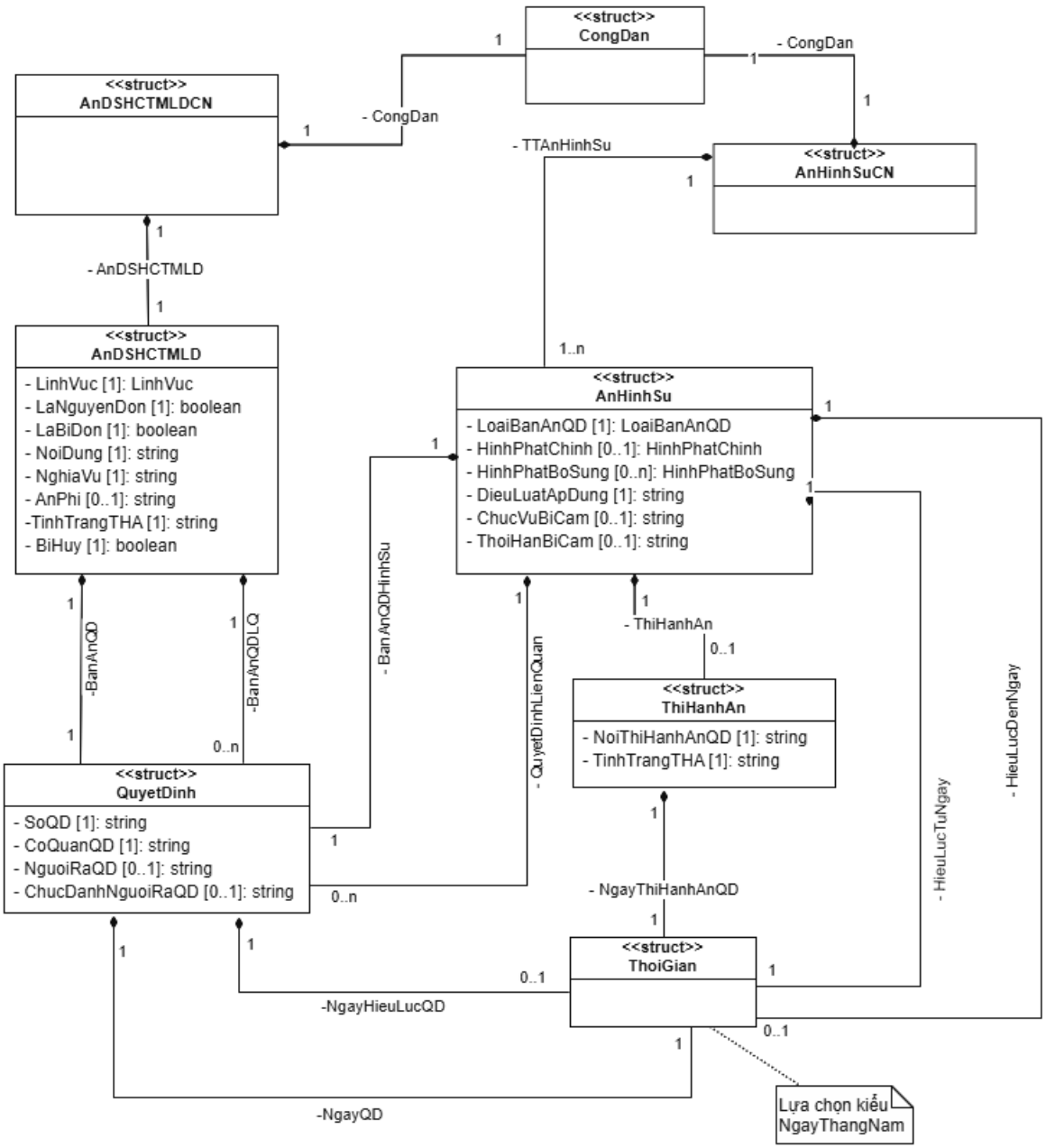

Hình A.1.10. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu về con người được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Các vấn đề liên quan đến pháp luật

i) Thông tin khác

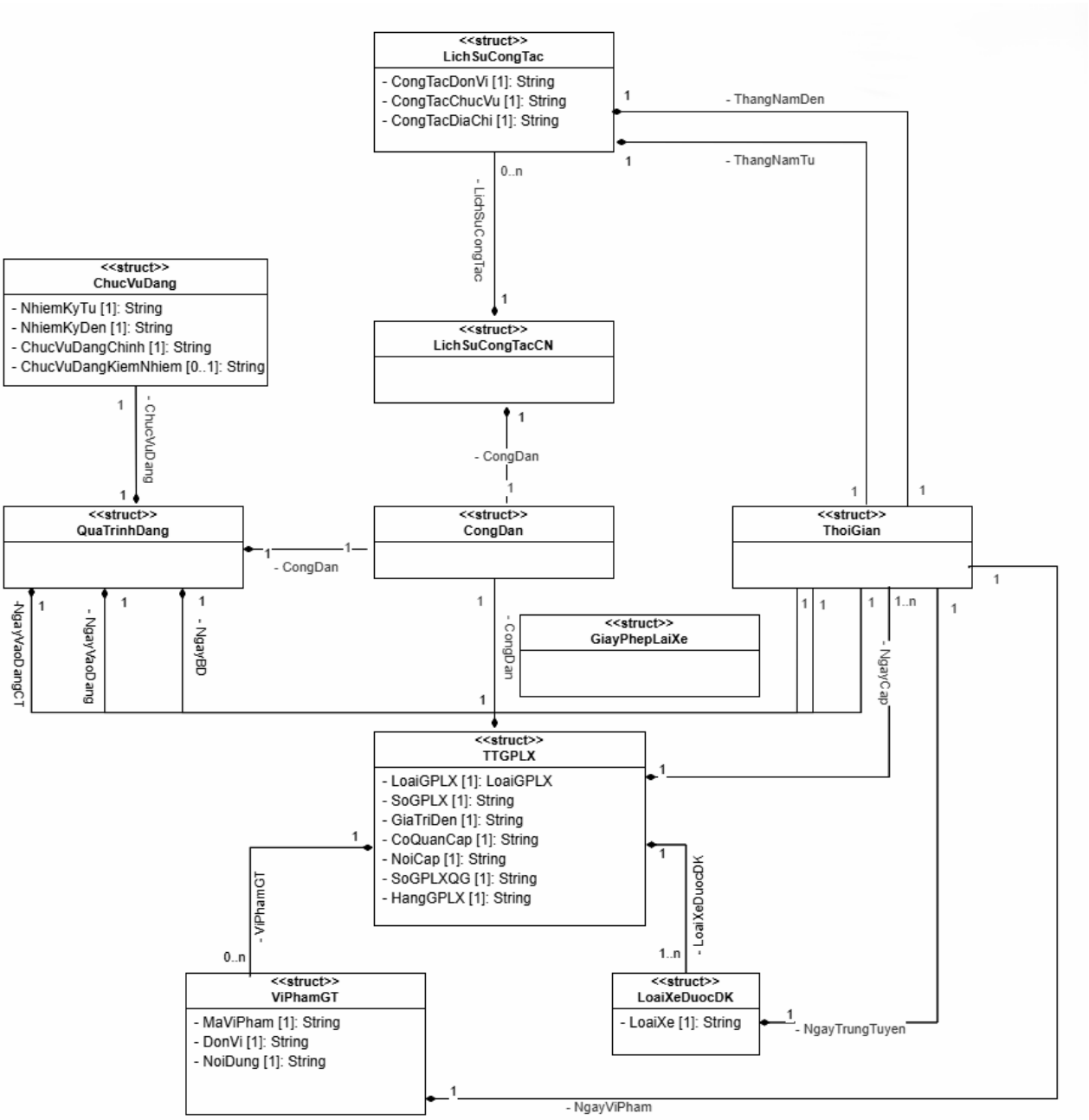

Hình A.1.11. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu về con người được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Thông tin khác

QCVN 09:2025/BCA

A.2 Mô hình dữ liệu pháp nhân

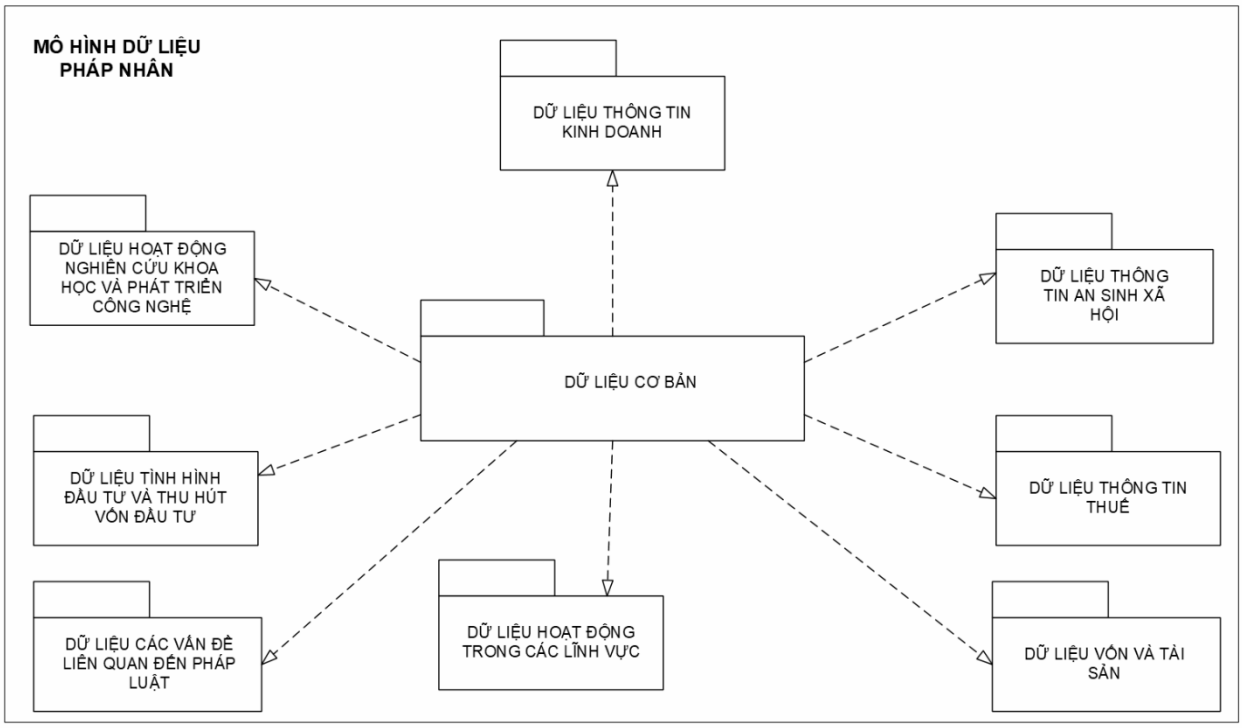

Hình A.2.1. Mô hình dữ liệu pháp nhân

a) Thông tin cơ bản về pháp nhân

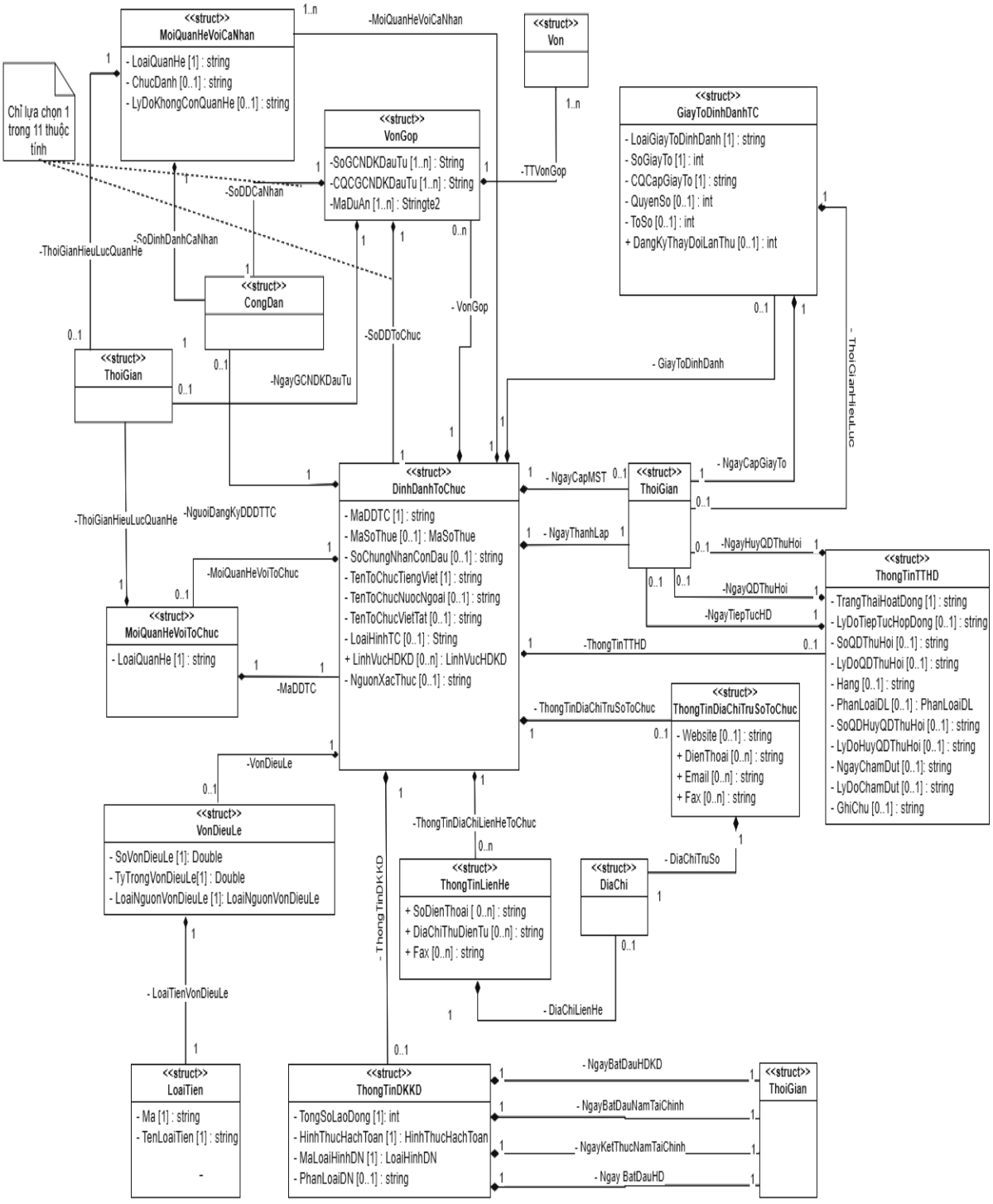

Hình A.2.2. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu pháp nhân được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Thông tin cơ bản về pháp nhân

QCVN 09:2025/BCA

b) Thông tin kinh doanh

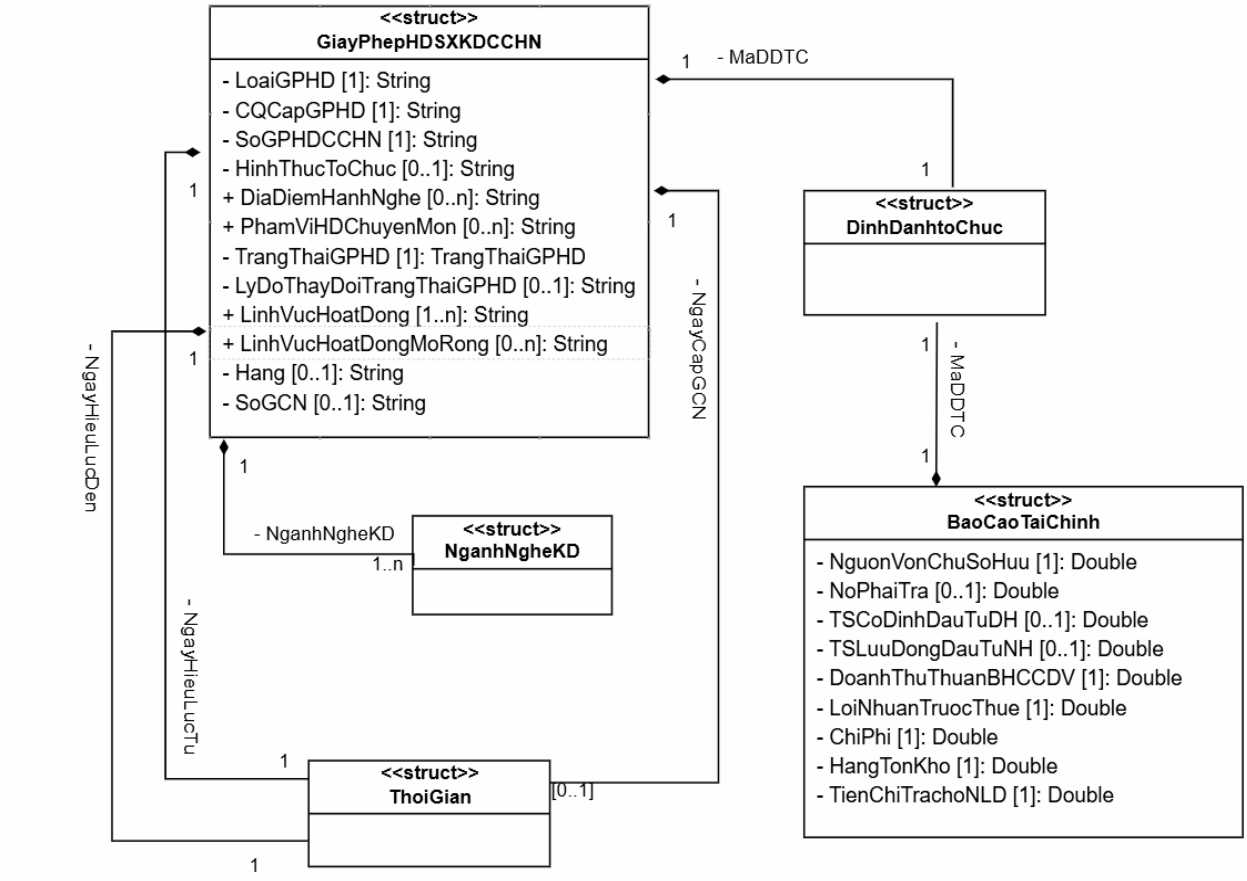

Hình A.2.3. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu pháp nhân được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Thông tin kinh doanh

c) An sinh xã hội

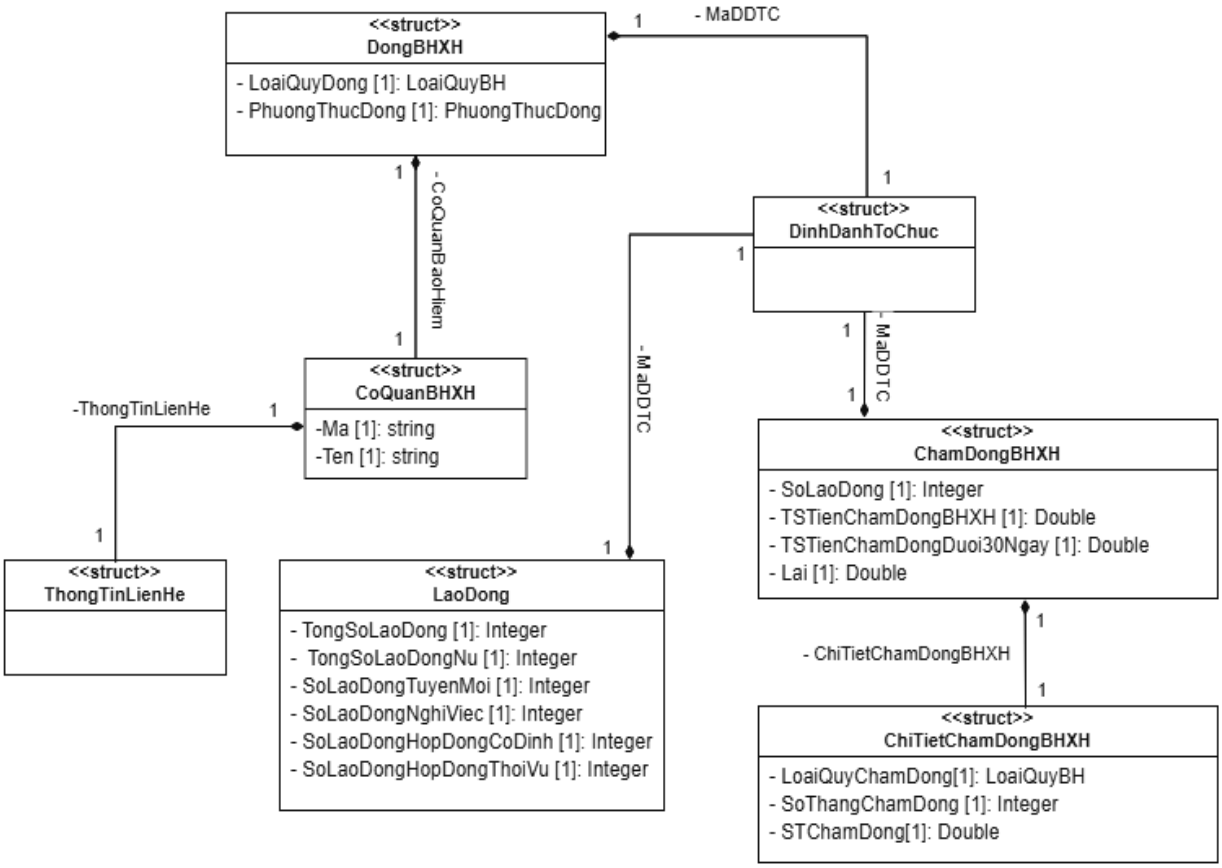

Hình A.2.4. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu pháp nhân được mô tả bằng ngôn ngữ UML - An sinh xã hội

d) Thông tin thuế

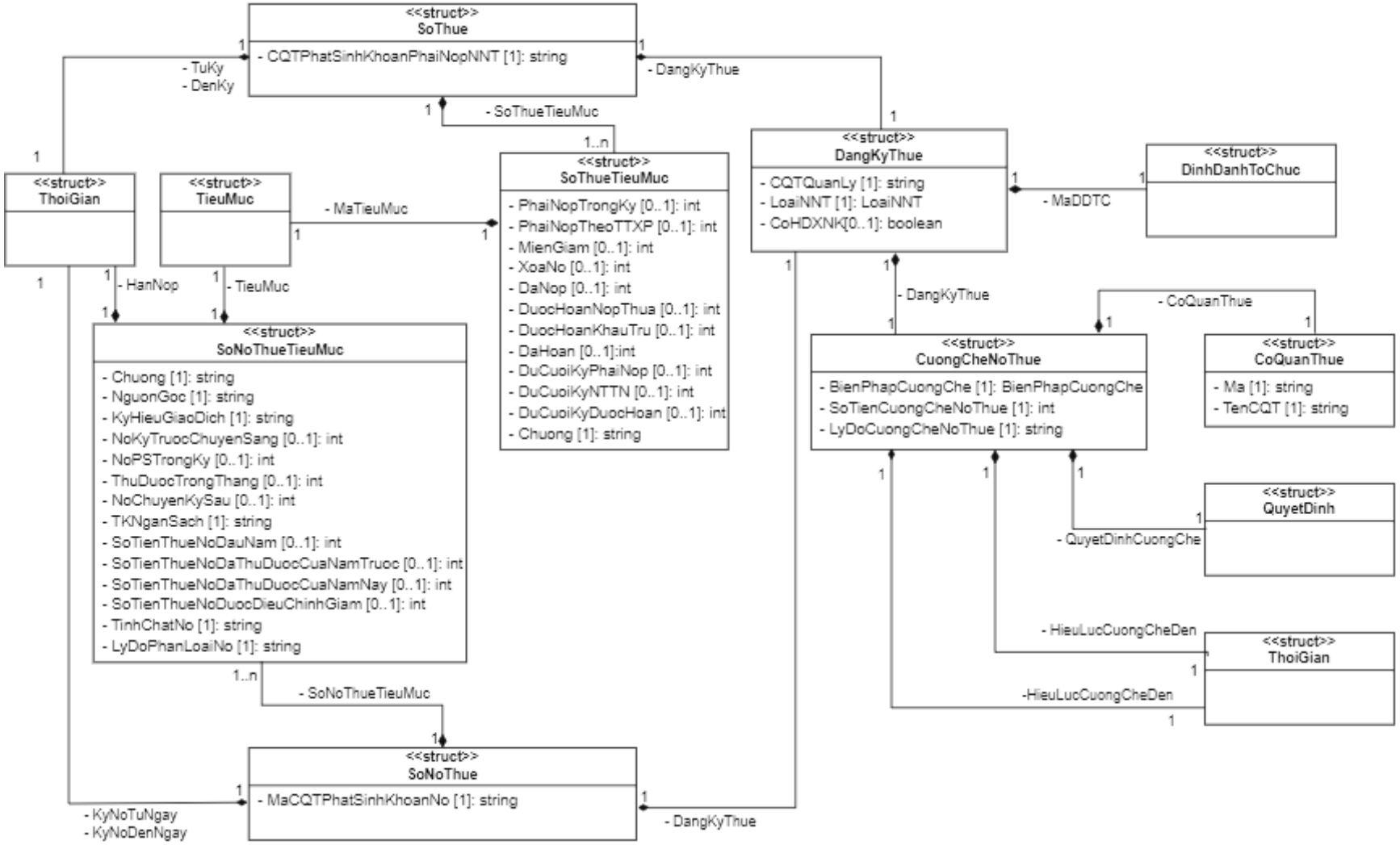

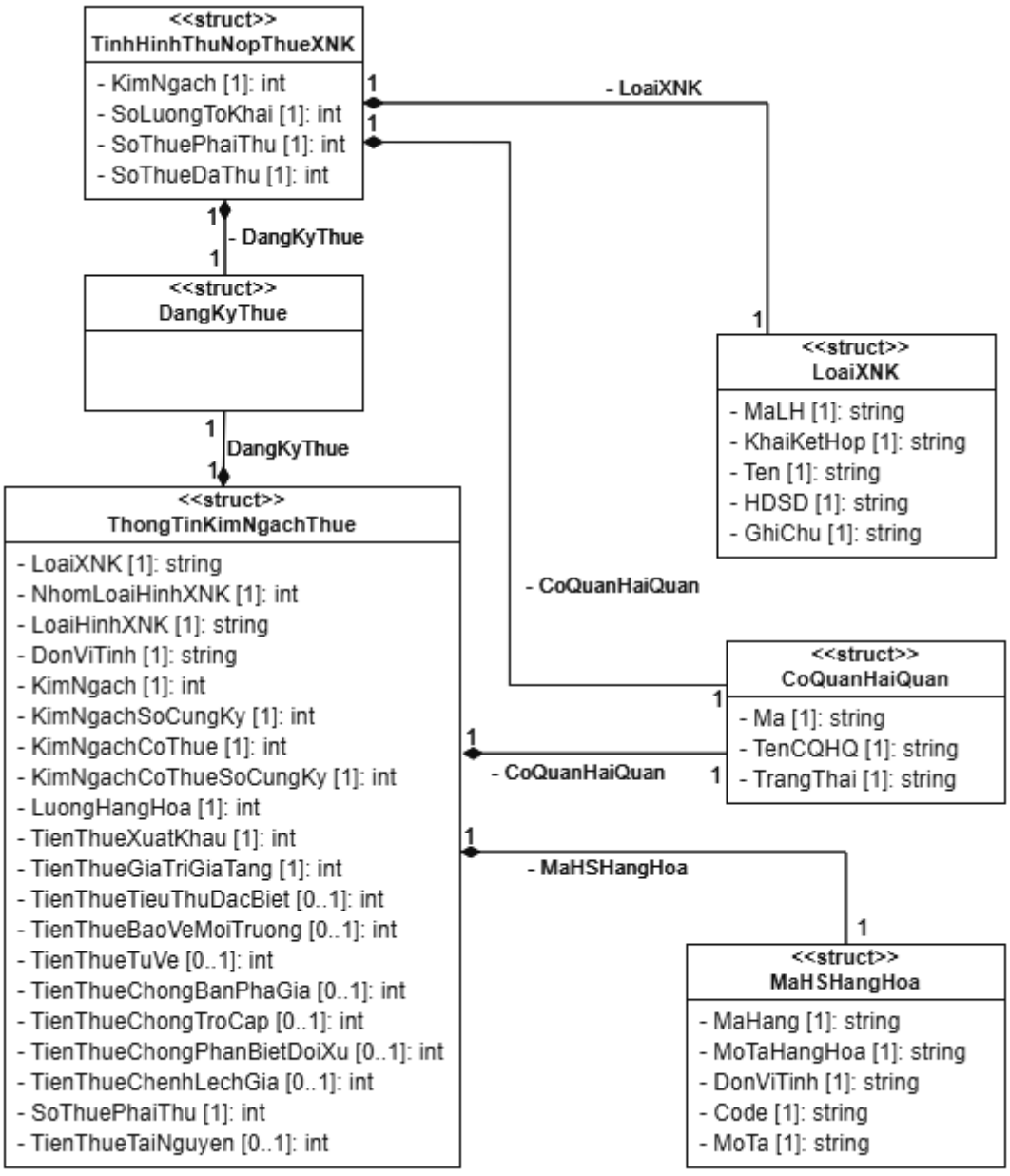

Hình A.2.5. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu pháp nhân được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Thông tin thuế

e) Vốn và tài sản

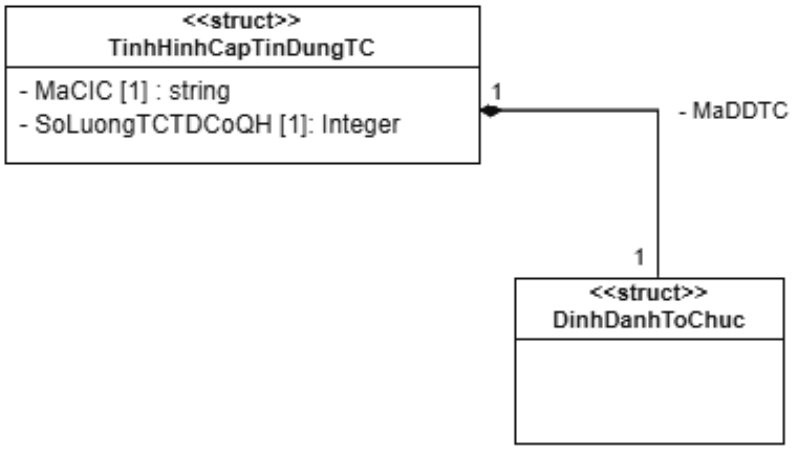

Hình A.2.6. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu pháp nhân được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Vốn và tài sản

f) Hoạt động trong các lĩnh vực

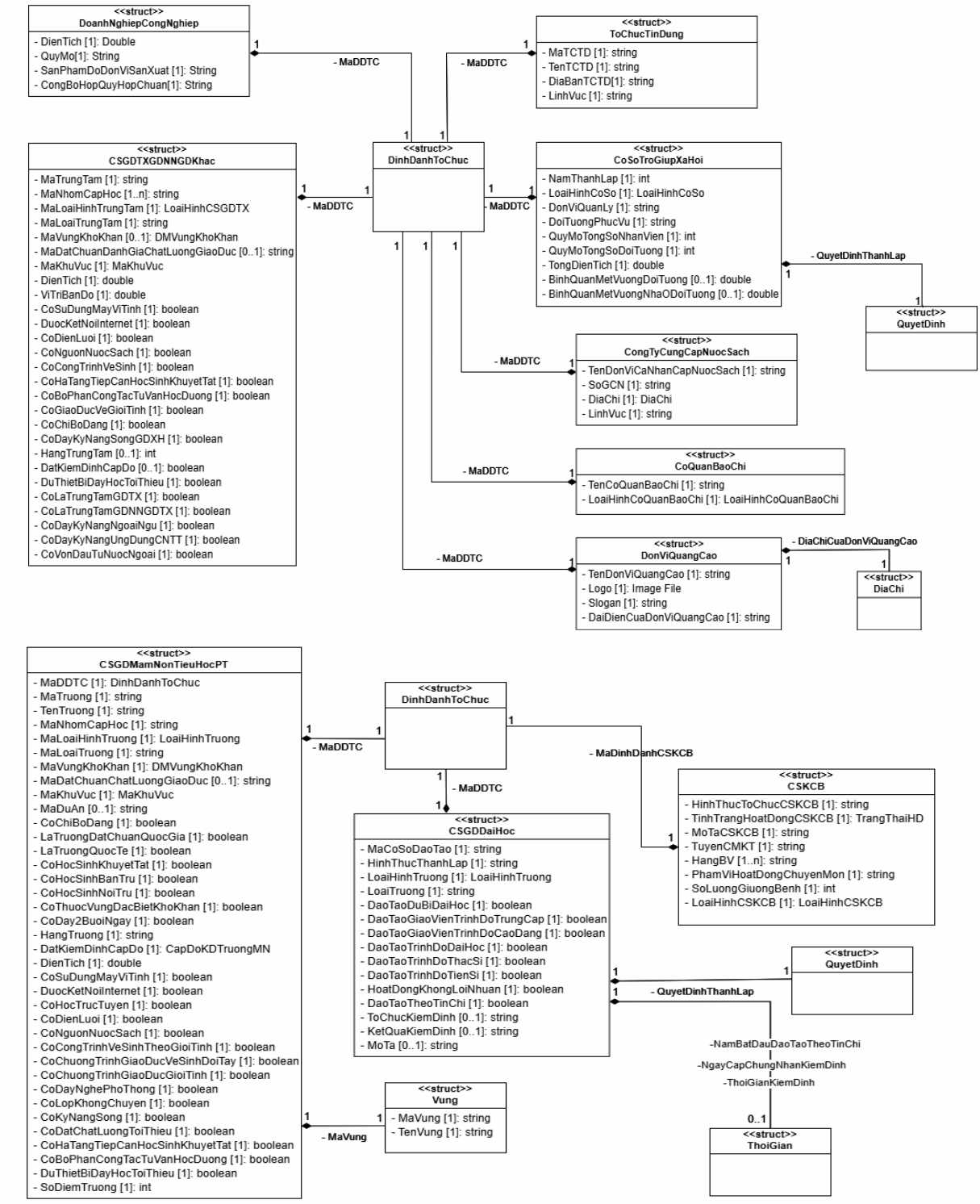

Hình A.2.7. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu pháp nhân được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Hoạt động trong các lĩnh vực

QCVN 09:2025/BCA

g) Các vấn đề liên quan đến pháp luật

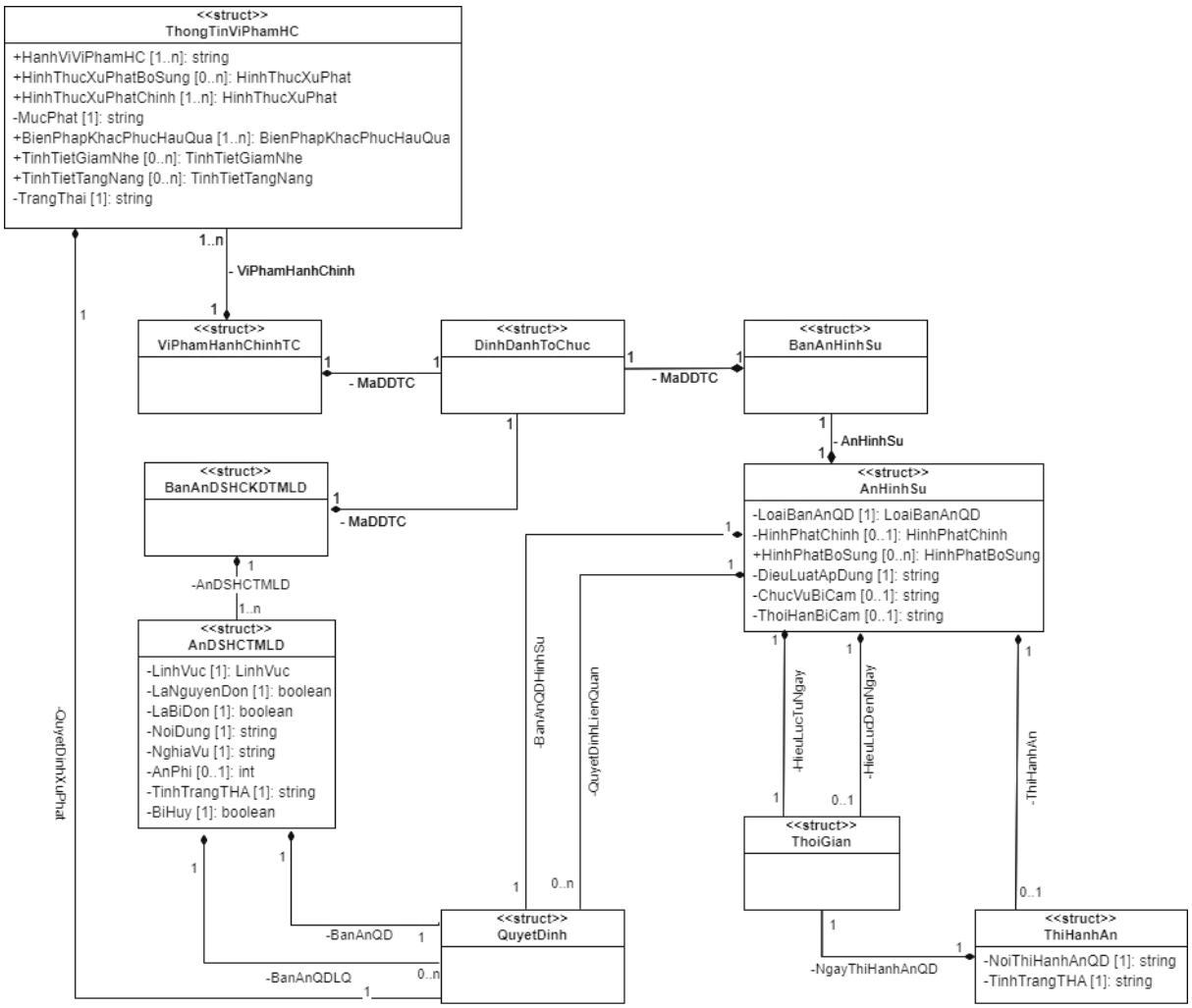

Hình A.2.8. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu pháp nhân được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Các vấn đề liên quan đến pháp luật

h) Tình hình thu hút đầu tư và thu hút vốn đầu tư

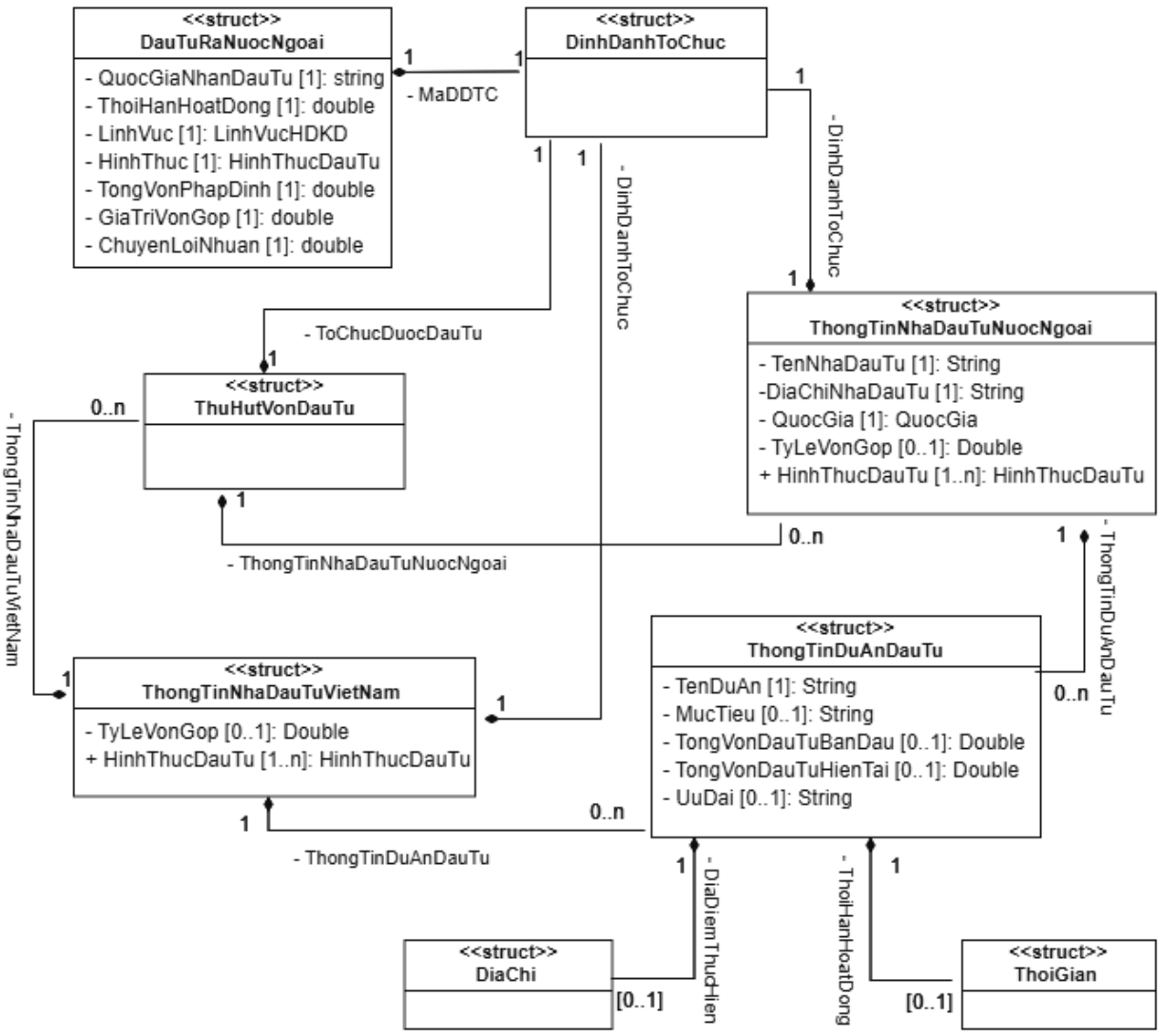

Hình A.2.9. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu pháp nhân được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Tình hình thu hút đầu tư và thu hút vốn đầu tư

QCVN 09:2025/BCA

i) Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

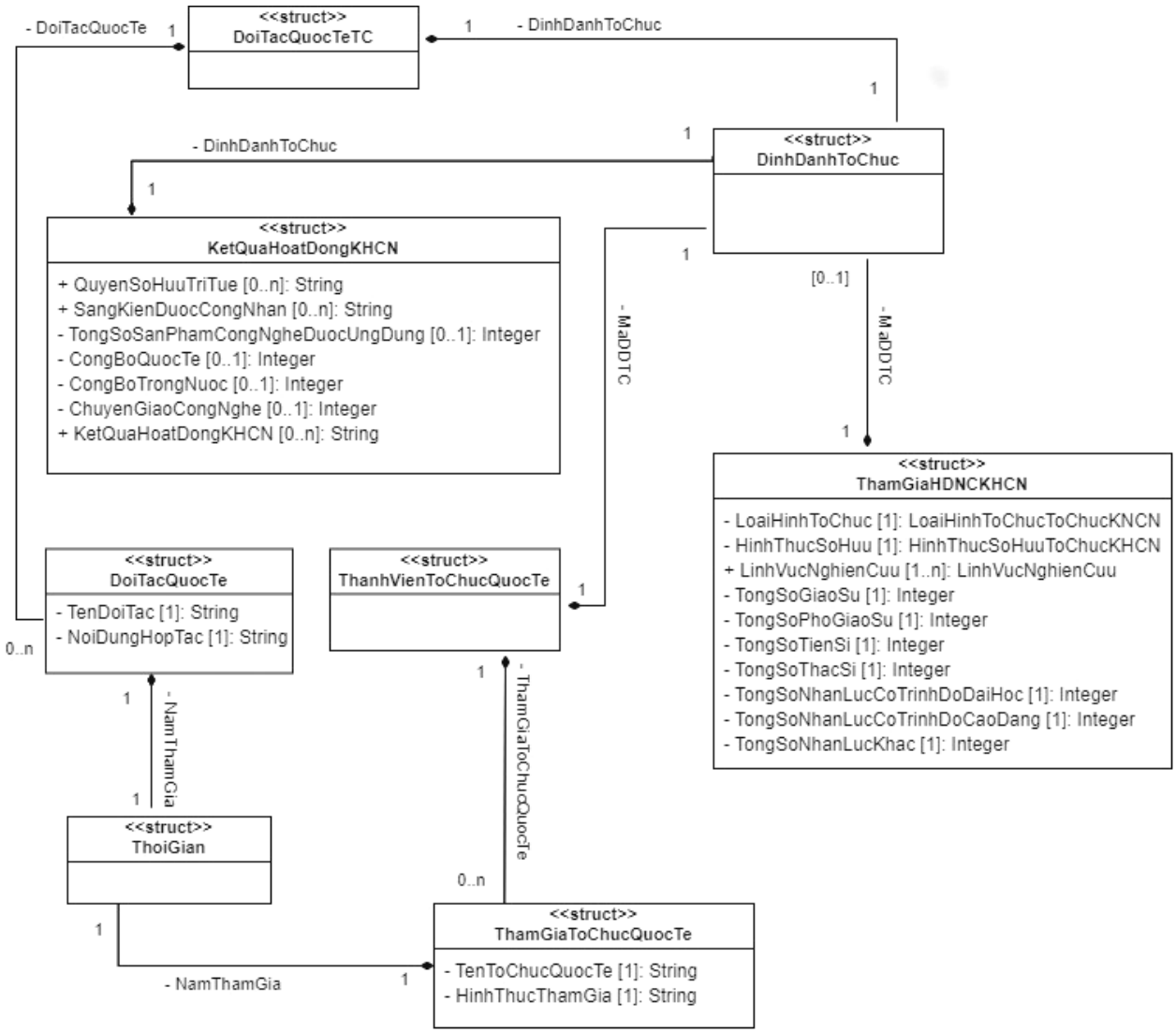

Hình A.2.10. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu pháp nhân được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

A.3 Mô hình dữ liệu tài sản

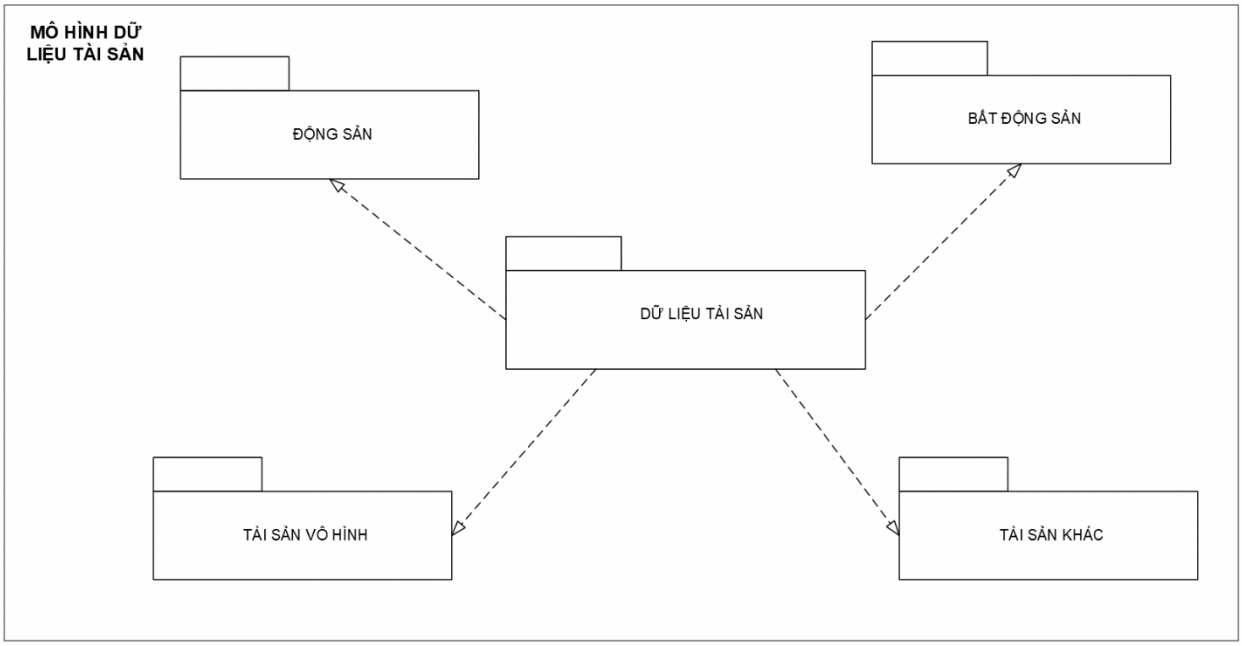

Hình A.3.1. Mô hình dữ liệu tài sản

a) Động sản

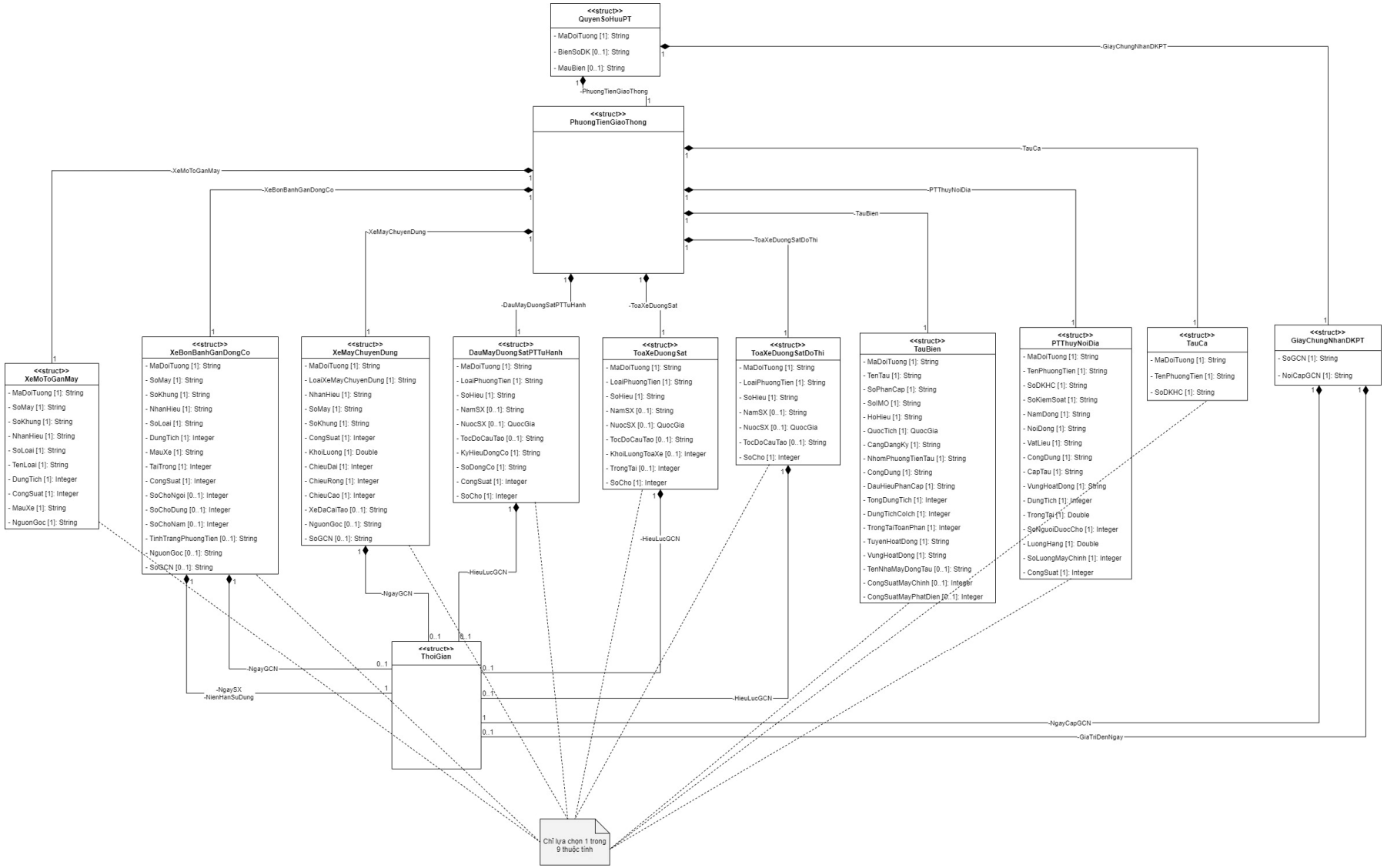
<<struct>>
Quyen SoHuuPT
- MaDoiTuong [1]: String
- BienSoDK [0..1]: String
- MauBien [0..1]: String
GiayChungNhanDKPT
PhuongTienGiaoThong
<<struct>>
PhuongTienGiaoThong
TauCa
XeMoToGanMay
XeBonBanhGanDongCo
PTThuyNoiDia
TauBien
XeMayChuyenDung
ToaXeDuongSatDoThi
DauMayDuongSatPTTuHanh
ToaXeDuongSat
<<struct>>
XeMoToGanMay
- MaDoiTuong [1]: String
- SoMay [1]: String
- SoKhung [1]: String
- NhanHieu [1]: String
- SoLoai [1]: String
- TenLoai [1]: String
- DungTich [1]: Integer
- CongSuat [1]: Integer
- MauXe [1]: String
- NguonGoc [1]: String
<<struct>>
XeBonBanhGanDongCo
- MaDoiTuong [1]: String
- SoMay [1]: String
- SoKhung [1]: String
- NhanHieu [1]: String
- SoLoai [1]: String
- DungTich [1]: Integer
- MauXe [1]: String
- TaiTrong [1]: Integer
- CongSuat [1]: Integer
- SoChoNgoi [0..1]: Integer
- SoChoDung [0..1]: Integer
- SoChoNam [0..1]: Integer
- TinhTrangPhuongTien [0..1]: String
- NguonGoc [0..1]: String
- SoGCN [0..1]: String
<<struct>>
XeMayChuyenDung
- MaDoiTuong [1]: String
- LoaiXeMayChuyenDung [1]: String
- NhanHieu [1]: String
- SoMay [1]: String
- SoKhung [1]: String
- CongSuat [1]: Integer
- KhoiLuong [1]: Double
- ChieuDai [1]: Integer
- ChieuRong [1]: Integer
- ChieuCao [1]: Integer
- XeDaCaiTao [0..1]: String
- NguonGoc [0..1]: String
- SoGCN [0..1]: String
<<struct>>
DauMayDuongSatPTTuHanh
- MaDoiTuong [1]: String
- LoaiPhuongTien [1]: String
- SoHieu [1]: String
- NamSX [0..1]: String
- NuocSX [0..1]: QuocGia
- TocDoCauTao [0..1]: String
- KyHieuDongCo [1]: String
- SoDongCo [1]: String
- CongSuat [1]: Integer
- SoCho [1]: Integer
<<struct>>
ToaXeDuongSat
- MaDoiTuong [1]: String
- LoaiPhuongTien [1]: String
- SoHieu [1]: String
- NamSX [0..1]: String
- NuocSX [0..1]: QuocGia
- TocDoCauTao [0..1]: String
- KhoiLuongToaXe [0..1]: Integer
- TrongTai [0..1]: Integer
- SoCho [1]: Integer
<<struct>>
ToaXeDuongSatDoThi
- MaDoiTuong [1]: String
- LoaiPhuongTien [1]: String
- SoHieu [1]: String
- NamSX [0..1]: String
- NuocSX [0..1]: QuocGia
- TocDoCauTao [0..1]: String
- SoCho [1]: Integer
<<struct>>
TauBien
- MaDoiTuong [1]: String
- TenTau [1]: String
- SoPhanCap [1]: String
- SoIMO [1]: String
- HoHieu [1]: String
- QuocTich [1]: QuocGia
- CangDangKy [1]: String
- NhomPhuongTienTau [1]: String
- CongDung [1]: String
- DauHieuPhanCap [1]: String
- TongDungTich [1]: Integer
- DungTichCoICh [1]: Integer
- TrongTaiToanPhan [1]: Integer
- TuyenHoatDong [1]: String
- VungHoatDong [1]: String
- TenNhaMayDongTau [0..1]: String
- CongSuatMayChinh [0..1]: Integer
- CongSuatMayPhatDien [0..1]: Integer
<<struct>>
PTThuyNoiDia
- MaDoiTuong [1]: String
- TenPhuongTien [1]: String
- SoDKHC [1]: String
- SoKiemSoat [1]: String
- NamDong [1]: String
- NoiDong [1]: String
- VatLieu [1]: String
- CongDung [1]: String
- CapTau [1]: String
- VungHoatDong [1]: String
- DungTich [1]: Integer
- TrongTai [1]: Double
- SoNguoiDuocCho [1]: Integer
- LuongHang [1]: Double
- SoLuongMayChinh [1]: Integer
- CongSuat [1]: Integer
<<struct>>
TauCa
- MaDoiTuong [1]: String
- TenPhuongTien [1]: String
- SoDKHC [1]: String
<<struct>>
GiayChungNhanDKPT
- SoGCN [1]: String
- NoiCapGCN [1]: String
HieuLucGCN
NgayGCN
<<struct>>
ThoiGian
NgaySX-NienHanSuDung
NgayCapGCN
GiaTriDenNgay
Chỉ lựa chọn 1 trong 9 thuộc tính

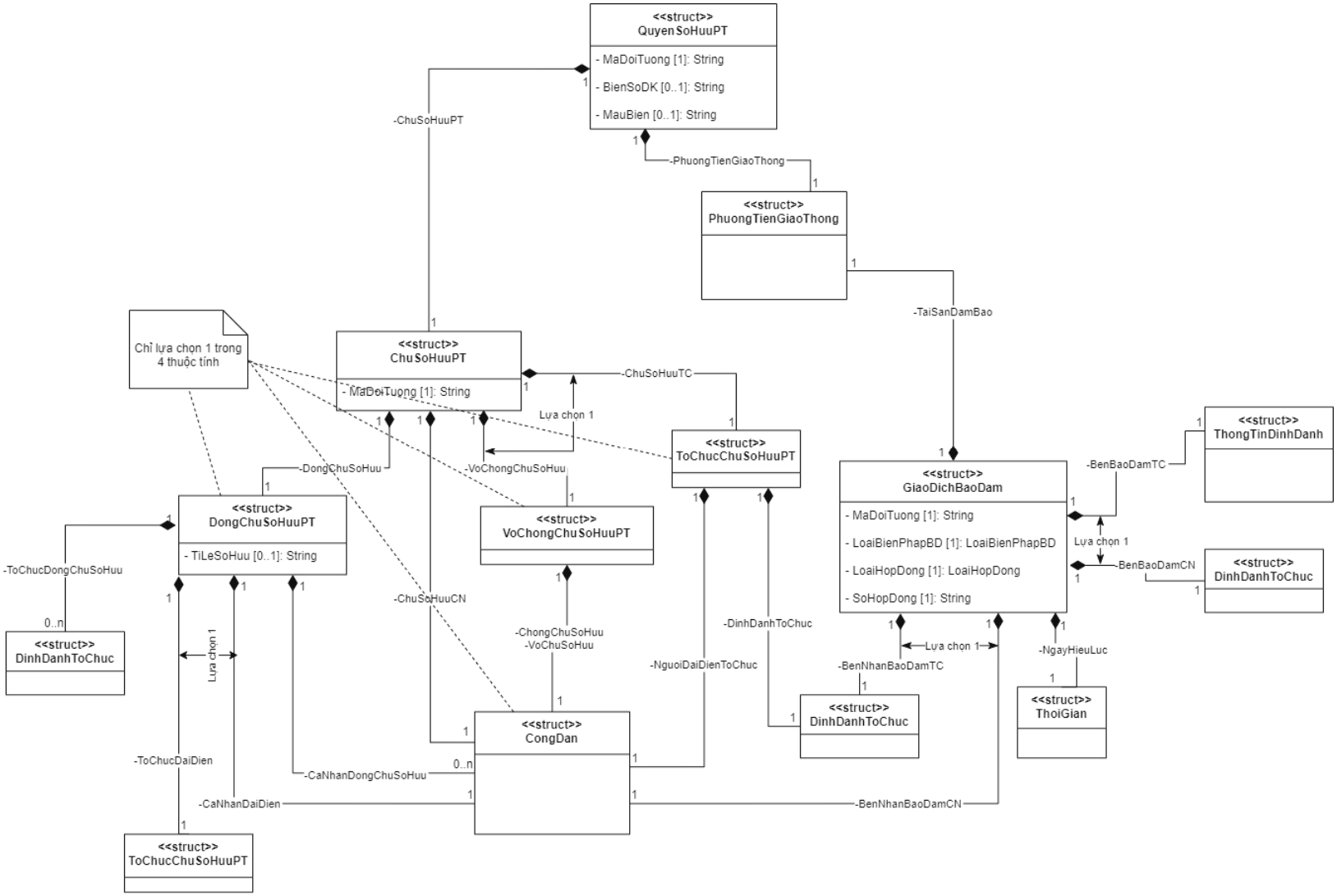

Hình A.3.2. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu tài sản được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Động sản

QCVN 09:2025/BCA

b) Tài sản vô hình

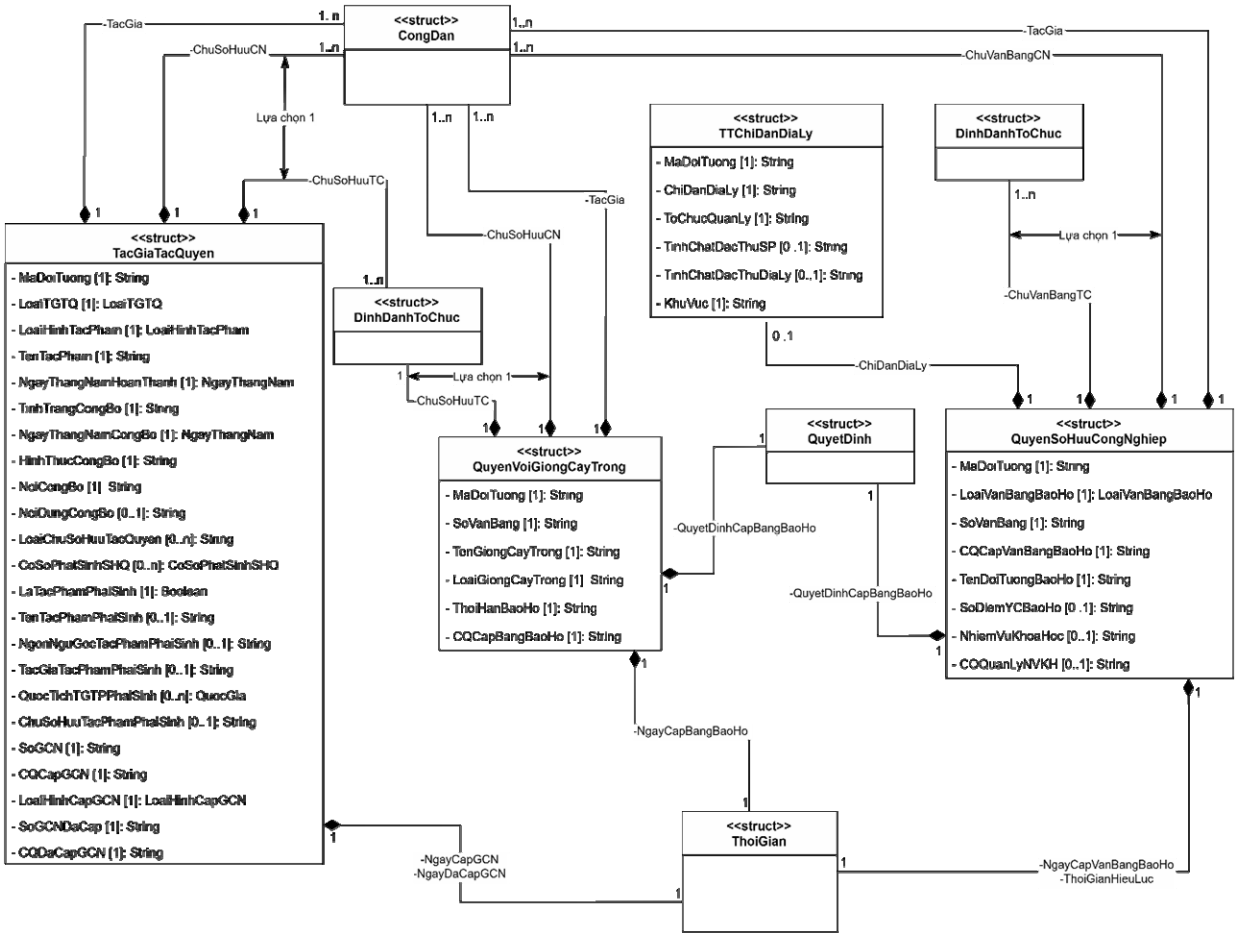

Hình A.3.3. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu tài sản được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Tài sản vô hình

c) Tài sản khác

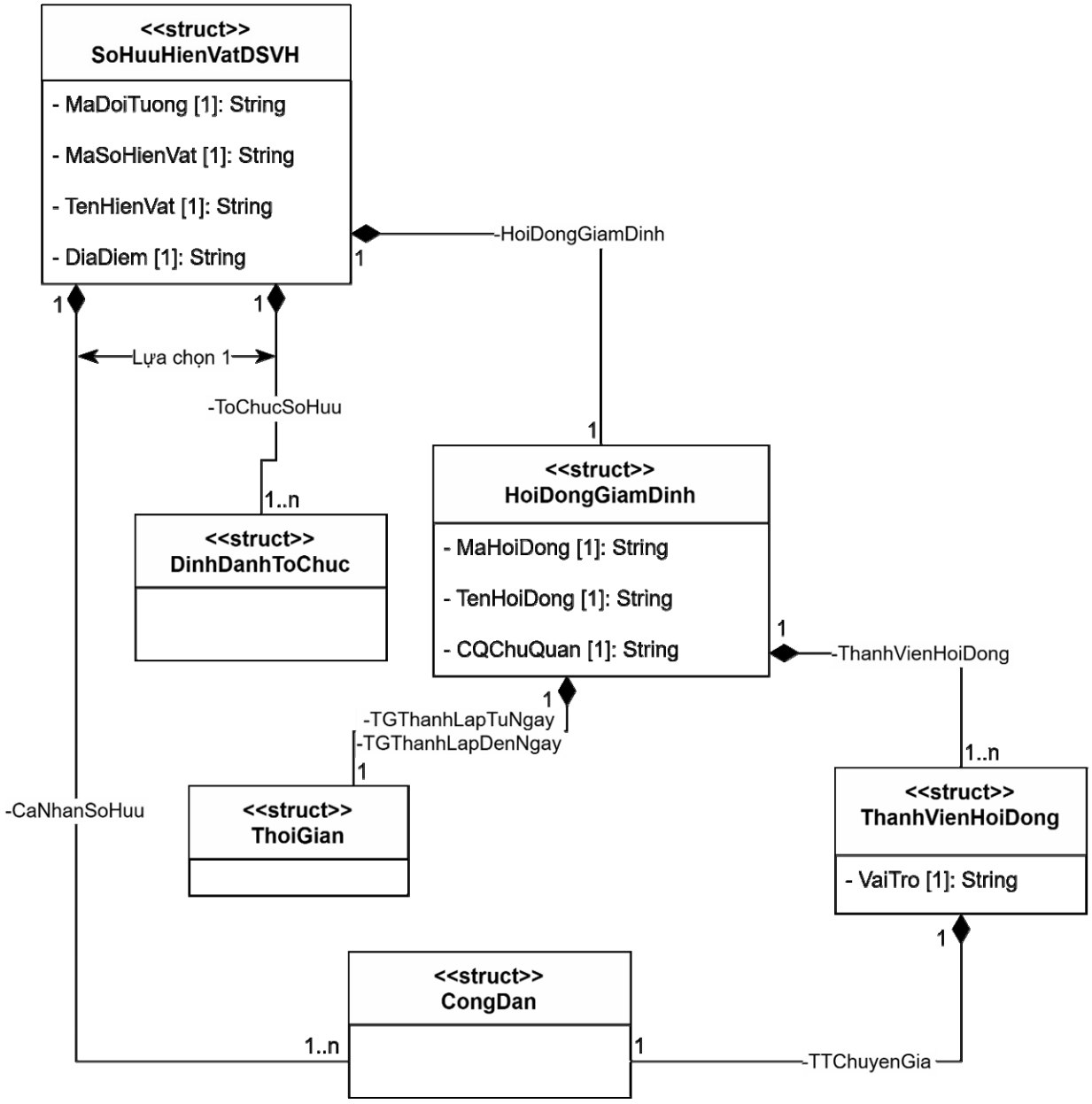

Hình A.3.4. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu tài sản được mô tả bằng ngôn ngữ UML - Tài sản khác

QCVN 09:2025/BCA

A.4 Mô hình dữ liệu địa chỉ

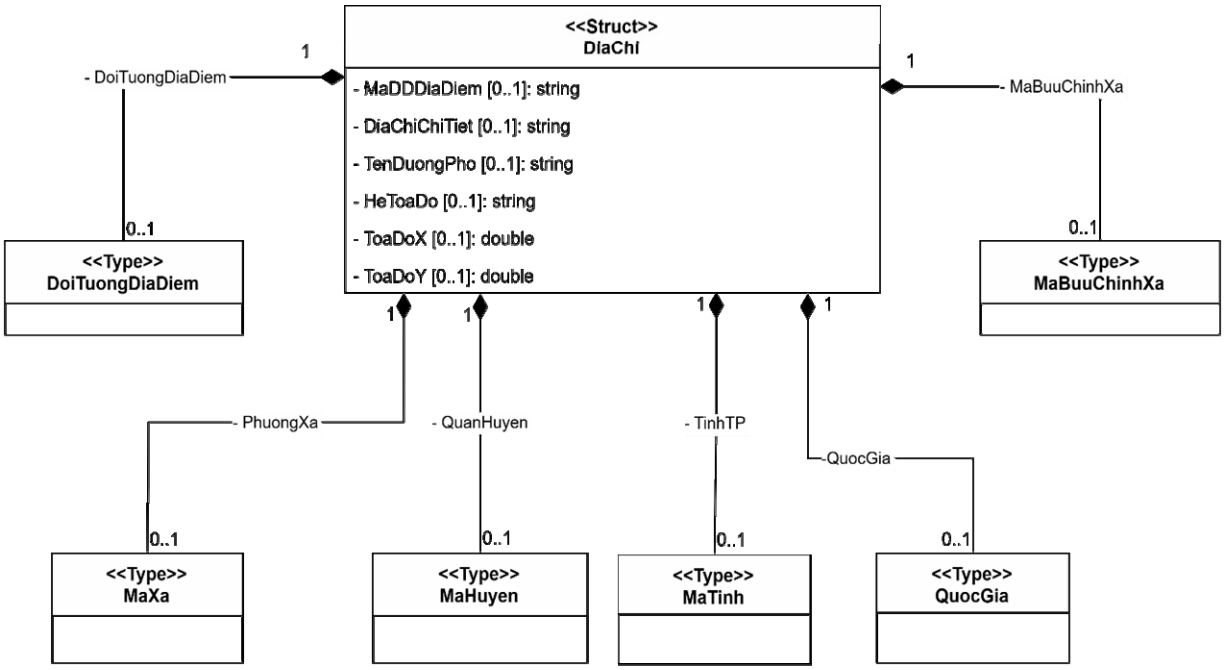

Hình A.4.1. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các cấu trúc trong mô hình dữ liệu địa chỉ được mô tả bằng ngôn ngữ UML

PHỤ LỤC B

(Quy định)

Quy tắc chuyển đổi từ mô hình dữ liệu sang lược đồ dữ liệu

Các quy tắc sau sẽ được sử dụng để chuyển đổi từ mô hình dữ liệu sang lược đồ XML của dữ liệu.

1. Thêm hậu tố Structure vào cuối tên của cấu trúc trong mô hình dữ liệu và định nghĩa dưới dạng ComplexType trong lược đồ XML.

2. Thêm hậu tố Type vào cuối tên kiểu dữ liệu trong mô hình dữ liệu và định nghĩa dưới dạng kiểu SimpleType trong lược đồ XML.

3. Khai báo các kiểu dữ liệu nhận giá trị giới hạn trong các bảng mã được quy định tại các mục Cấu trúc và kiểu dữ liệu tham chiếu theo kiểu Enumeration trong lược đồ XML.

4. Đối với kiểu chuỗi ký tự có chứa dấu cách: sử dụng kiểu dữ liệu tiêu chuẩn xsd:string trong lược đồ XML; đối với kiểu chuỗi ký tự không có dấu cách (các mã) sử dụng kiểu dữ liệu tiêu chuẩn xsd:token trong lược đồ XML.

5. Kiểu dữ liệu ngày (date) sử dụng kiểu dữ liệu tiêu chuẩn xsd:date trong lược đồ XML có định dạng là YYYY-MM-DD; dữ liệu kiểu ngày giờ (datetime) sử dụng kiểu dữ liệu tiêu chuẩn xsd:dateTime trong lược đồ dữ liệu có định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss.

6. Kiểu dữ liệu hình ảnh, âm thanh (File): sử dụng kiểu dữ liệu tiêu chuẩn xsd:base64Binary trong lược đồ XML.

(Xem tiếp Công báo số 355 + 356)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng